

I THÁNG 7 NĂM 1970

BACH KHOA

năm mười bốn

VIỆT PHƯƠNG *các quốc gia không liên kết và các đại*
cường * ĐOÀN NHẬT TẤN *những kinh nghiệm cổ*
truyền và vấn đề giáo dục sinh lý * HUỖNH PHAN
chân dung nhà giáo * NGUYỄN HIỂN LÊ *thơ Trung-hoa*
(dịch LÂM NGŨ ĐƯƠNG) * NGUYỄN THỊ NGỌC
THẨM *dạy con từ trong lòng mẹ* * MINH QUÂN
dôi mắt (dịch CURZIO MALAPARTE) * PHẠM CAO
HOÀNG *những con đường theo biển* * QUANG NGỌC
tình khúc thứ nhất * VŨ HẠNH *tô cháo lòng* *
TƯ TRI *thời sự thế giới* * TRĂNG THIÊN —
THU THỦY *thời sự*
văn nghệ • TỬ DIỆP
thời sự khoa học *

324

MỤC LỤC BỘ MÔN TỪ 313 ĐẾN 324





SINERGYL

SIROP

Réparateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

► *associe :*

- L-LYSINE
- VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
- PANTOTHENATE DE CALCIUM
- GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 ml.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard — PARIS (6e)

ROUSSEL VIETNAM - 6, Dai-lô Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : PHARMASIA - 246, Rue Công-Quynh - SAIGON



B Á C H K H O A

Số 324 ngày 1 - 7 - 1970

VIỆT PHƯƠNG <i>các quốc gia không liên kết và các đại cường</i>	05
ĐOÀN NHẬT TẤN <i>những kinh nghiệm cổ truyền và vấn đề giáo dục sinh lý</i>	19
HUỖNH PHAN <i>chân dung nhà giáo</i>	24
NGUYỄN HIỂN LÊ <i>thơ Trung-hoa (dịch LAM NGỮ ĐƯỜNG)</i>	31
NGUYỄN THỊ NGỌC THẨM <i>day con từ trong lòng mẹ</i>	39
MINH QUÂN <i>đôi mắt (dịch CURZIO MALAPARTE (truyện)</i>	50
PHẠM CAO HOÀNG <i>những con đường theo biển (thơ)</i>	58
QUANG NGỌC <i>tình khúc thứ nhất (thơ)</i>	59
VŨ HẠNH <i>tô cháo lòng (truyện)</i>	61
TỪ TRÌ <i>thời sự thế giới</i>	72
TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	75
THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	77
MỤC LỤC BỘ MÔN TỪ SỐ 313-314 ĐẾN 324	81

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Chủ bút :

Tòa soạn 160, Phan-Đình-Phùng Saigon
Điện-thoại : 25.539
H. T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG LAI
133 Võ-Tánh Saigon

GIÁ : 50đ Công sở : 100 đ
Cao Nguyên và Miền Trung :
thêm cước phí máy bay

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

— **Trên nhánh sông mưa**, tập thơ thứ 4 của Trần thị Tuệ Mai do Sáng-Tạo xuất bản và gửi tặng. Sách dày 80 trang gồm 35 bài thơ mới nhất của tác giả, trình bày trang nhã, tranh bìa của Ngọc Dũng. Bản đặc biệt. Giá 160đ.

— **Thơ của người giang hồ** tập thơ của Nguyễn Đông Giang do Da vàng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 58 trang gồm 24 bài thơ. Bản đặc biệt. Giá 120đ.

— **Guide pratique en 16 langues** của Nguyễn Qui Nhơn do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 48 trang gồm những mẫu đàm thoại bằng Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Ý, Đức ngữ v.v. (16 ngoại ngữ).

— **Nổi tay đặc san Đại học Luật khoa Huế (3-70)** gồm những bài biên khảo về Mỹ Châu La tinh và Người da đen Mỹ Châu, những truyện ngắn và thơ do Ban Đại diện sinh viên Luật khoa Huế chủ trương và Khối báo chí thực hiện, khổ 20x25, in ronéo, dày 72 trang.

— **Lễ thánh hầu Nguyễn hữu Cảnh của Nguyễn văn Hầu** do Nguyễn Hiến Lê xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 72 trang trình bày cuộc đời và sự nghiệp của vị chưởng-binh khai quốc công thần đời Nguyễn, người có kỳ công

trong việc khai thác miền Nam và là một vị thần đi sâu nhất vào lòng dân Miền Nam. Bản đặc biệt. Giá bản thường: 90đ.

— **Kiến quốc Cơ bản luận** của Vũ Tiến Phúc do Khởi Hành xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 168 trang, gồm nhiều chương đặt những vấn đề như. Kiến quốc với ai; kiến quốc theo chủ nghĩa nào, đường lối nào và những phương lược kiến quốc đã có hiệu quả. Giá 160đ.

— **Đông-y-học thực-nghiệm** của Đỗ-Phong-Thuần, do Trí-đăng xuất bản. Sách dày 232 trang gồm 8 chương: 4 chương đầu về Y-học Đông phương đại cương và 4 chương sau về các bài thuốc do kinh-nghiệm 20 năm chữa bệnh của tác giả. Giá 300đ.

— **Bài giải đề thi năm 1969** tập 1. do nhóm Giáo sư Pétrus Ký chủ trương gồm những bài giải đề thi các môn: Quốc văn, sinh ngữ, Lý hóa, Toán, Vạn vật của kỳ thi Trung học đệ nhất Cấp, Tú Tài I và II Ban A.B.C.D. dày 332 trang. Giá 180đ

— **Bài giải đề thi năm 1969** tập 2, do nhóm giáo sư Pétrus Ký chủ trương gồm những bài giải đề thi các môn Anh, Pháp, Toán, Lý, Hóa, Vạn vật của các kỳ thi tuyển vào Y-Nha-Dược, Trung tâm Quốc Gia Nông Nghiệp và Trung tâm kỹ thuật Phú Thọ. Giá 180đ

Mộng thanh bình tập thơ của Tôn nữ Hỷ Khương, do Nhân-Chứng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 80 trang gồm trên 40 bài thơ. Giá 100đ.

SỬA LẠI CHO ĐÚNG

Trong bài « Các quốc gia không liên kết »... của Việt-Phương trên số này có in lầm 2 chỗ như sau, mong bạn đọc sửa lại cho đúng giùm cho.

Trang đầu, hàng 1 và 2 và trang 16, cột 2, hàng 13 (đếm từ dưới lên): « họp tại New Delhi » xin sửa lại là « họp tại Dar Es Salam (ở Tanzanie) ».

Các quốc gia không liên kết và các đại cường

Một hội nghị trù bị các quốc-gia không liên-kết vừa họp tại New Delhi vào thượng tuần tháng 6/70 để bàn về vấn đề triệu tập một hội thượng-đỉnh các quốc-gia không liên-kết sẽ họp ở Lusaka (Zambia) vào thượng tuần tháng 9 tới đây.

Chủ-trương « không liên kết » xuất hiện và bành trướng vào thời-kỳ tranh-chấp giữa các đại-cường Nga-Mỹ phát-triển tới mức độ cao nhất. Có thể nói nó là một sản-phẩm của chiến-tranh lạnh và là phản-ứng đối với thái-độ sắp hàng theo hai khối từ sau cuộc Thế-chiến thứ hai.

Chủ-trương đó bộc lộ rõ ý-chí của một số lớn nước muốn đứng ngoài cuộc tranh-chấp Đông-Tây và không tham-dự vào bất cứ một liên-minh nào đang phân chia thế-giới hậu-chiến. Do thái-độ không liên-kết đó, họ cũng hy vọng giữ được tự-do hành động, không lệ-thuộc vào một cường-quốc nào.

Thái-độ đó, mà sau này người ta gọi là không liên-kết hay là không sắp hàng (non alignment), bộc lộ rõ nguyện vọng của một số lớn nước thuộc thế-giới đệ-tam được hoàn toàn độc-lập, không những trong việc giao-dịch đối ngoại mà cả trong việc giải quyết những công việc nội bộ của họ nữa, nhất là công

cuộc phát-triển kinh-tế theo một đường lối mà họ muốn. Ngay từ khi Thế-chiến hai kết thúc, tất cả các nước đều hướng về công cuộc kiến-thiết và phát-triển. Khuynh-hướng đó càng rõ rệt hơn đối với những nước vừa tái xuất hiện trên trường quốc-tế như những quốc-gia độc-lập, thấy mình còn thua xa những nước xưa kia đã kỹ-nghệ-hóa hơn mình. Các nước thuộc thế-giới thứ ba có chủ-trương không liên-kết cũng muốn lao mình vào công cuộc kiến-thiết xứ sở, kỹ-nghệ-hóa để theo kịp các nước khác và đồng thời đứng ra ngoài cuộc tranh chấp Đông Tây.

Nói tới các nước không liên kết, trước hết ta phải gạt bỏ mấy ý-niệm tiên-thiên đưa đến những sai lầm về nhận-thức :

— Trước hết các quốc-gia không liên kết không phải là một khối như khối các nước tư-bản và khối các nước cộng sản. Họ chỉ đồng ý với nhau trên một điểm là không liên-kết mà thôi. Còn về chính-thề, chủ trương phát-triển kinh

tế, đường lối đối ngoại, họ có thể khác hẳn nhau: Ví dụ như Nam-tư và Ấn-độ, Ai-Cập và Tunisie.

— Điều thứ hai, các quốc-gia không liên-kết không nhất thiết phải là các quốc gia thuộc thế-giới đệ-tam. Có những nước theo chủ nghĩa Cộng sản như Nam-tư, có những nước gần thế-giới tự-do hơn như Tunisie.

— Năm nguyên-tắc sống chung hòa bình đề ra trong hội nghị Ban dung 1955, không phải là chủ trương sống chung hòa-bình do 2 phe Cộng-sản và tư bản đề ra vào đầu những năm 60 (giảm trang đề thi đua phát-triển kinh tế, khoa học). Tuy nhiên vì mục-tiêu cùng hướng tới hòa - bình, nên nhiều khi người ta lẫn lộn 2 chủ-trương chung sống. Hơn nữa, có người lại còn đồng-hóa chủ-trương đó với tuyên truyền của Cộng-sản và lập-luận một cách giản đơn rằng khi những người Cộng-sản đã lên tiếng khoa-trương cho sống chung hòa-bình thì chủ-trương này phải được họ lợi dụng vào mục-đích của họ, nhất là hội nghị Bandung không phải là một hội-nghị thuần-túy của các quốc-gia liên-kết mà trong đó lại có nhiều nước Cộng-sản Á-Châu tham dự (như Trung Cộng, Bắc Việt).

Nhưng nếu gạt bỏ ra ngoài những mưu toan lợi dụng của cả 2 phe, chủ-trương sống chung hòa-bình đúng là một chủ trương của các quốc gia không liên-kết vì thế-giới có hòa-bình thì họ mới hy vọng kiến-thiết được xứ sở và đứng ra ngoài mọi cuộc tranh chấp.

Nhưng trong quá-trình phát triển của mình, đề đạt tới mục-tiêu đề ra, như ở trên đã nói, các quốc gia không liên-kết đã không có được một sự hợp tác chặt

chẽ cả ở trên lãnh vực kinh-tế, nhất là trong thời-kỳ cuối cùng của những năm 60. Vào các năm 1967, 1968, một hội-nghị được triệu-tập ở New Delhi gọi là Hội nghị về thương mại và phát triển kỳ 2 UNCTAD (United Nations Conference on Trade and Development) — Hội nghị kỳ 1 họp ở Genève vào năm 1964. Các quốc gia cũng cố gắng đi đến việc triệu-tập một hội nghị các nước không liên-kết lần thứ 3 giống như 2 hội-nghị trước được tổ chức ở Bandung vào năm 1955 và ở Le Caire vào năm 1964. Nhưng nỗ lực đó đã không thành công.

Tại sao? Đó là vì trong khoảng những năm 60, mối liên-hệ giữa các khối trên thế-giới đã có nhiều biến đổi sâu xa.

Trước hết, giữa hai siêu-cường Nga Mỹ, sự giao-thiệp đã bớt phần căng thẳng. Chiến tranh lạnh đã dịu dần.

Sau đó, trong nội-bộ các khối, mối dây liên lạc giữa các nước đồng-minh cũng không còn chặt chẽ như xưa.

Mặc dầu giữa 2 đại-cường vẫn còn mâu thuẫn, kinh chống nhau, nhưng trên thực tế, họ đã tỏ ra hiểu biết hơn đối với những vấn-đề của nhau. Họ nhận thấy rõ cái khả-răng giết người ghê gớm của họ và do đó họ phải cố gắng đề tìm tới một thỏa-hiệp mới. Ý thức được sức mạnh vật-chất và khả năng gần như vô giới-hạn của họ trên phương diện quân sự, kinh-tế, khoa-học, họ cảm thấy trách-nhiệm nặng nề của mình đối với xã-hội loài người một khi chiến tranh hủy diệt xảy ra. Vì vậy họ phải tìm tới một giải-pháp hợp tác mà cả 2 bên đều có thể chấp nhận được.

Nhưng cái khuynh hướng hòa dịu đó trái lại đã không làm cho tình-hình thế-giới bớt căng thẳng. Đáng lẽ sự hiểu

bết giữa 2 đại-cường phải đưa đến một thế-giới hòa hợp và yên lành, nhưng thực ra người ta lại thấy biết bao sự sáo trộn, đảo lộn đã xảy ra nhất là ở trong thế-giới đệ-tam. Các đại-cường lại mắc chân vào tất cả những cuộc tranh-chấp xảy ra ở khắp 4 Châu (Âu, Á, Phi, Mỹ Latinh) trên những cương-vị đối-lập.

Cái thế của họ ngày nay khi tham gia vào các cuộc tranh chấp đó lại không được như xưa, nghĩa là không được sự ủng-hộ của tất cả đồng-minh của họ (như trường-hợp của Hoa-kỳ trong cuộc chiến-tranh Triều-Tiên). Ngày nay họ phải tham dự vào cuộc tranh chấp thiếu hẳn các bạn đồng-minh ngày trước. Hoa-kỳ đã chiến đấu ở Việt-nam mà không được sự ủng hộ của các bạn đồng-minh Anh Pháp. Liên-xô phải chống đỡ với Trung-Cộng mà không được sự phụ giúp của các đồng-minh trong khối Varsavie.

Hơn nữa, các đại-cường, với sức mạnh ghê gớm của mình, đã không làm cho những nước nhỏ bé run sợ như xưa. Uy tín của họ không tăng gia thuận chiều với sức mạnh. Các nước nhỏ bé nhiều khi đã tỏ ra cứng cỏi hơn, không chịu làm theo đường lối của nước lớn. Hơn nữa, cả những dân tộc yên phận, hiếu hòa nhất, nay cũng nổi lên đòi giải-phóng, dành độc lập. Thời đại vàng son của các cường-quốc thuộc-địa không còn nữa?

Tại sao lại có những nước nhỏ dám có thái độ ngang tàng đối với các đại cường? Một phần lớn đó là vì trên vũ-trường quốc-tế một ngôi sao mới đã xuất hiện. Đó là Trung-Cộng. Trung-Cộng đã đứng lên đóng vai trò một

cường quốc lãnh-đạo. Trung Cộng đã tách rời Nga-sô để giữ một vai trò đàn anh trong cuộc tranh chấp Đông-Tây. Cuộc tranh chấp Nga-Hoa trên mọi bình-diện đã làm lung lay vai trò lãnh đạo của Nga và khó lòng có sự « trở về » của Bắc-kinh để nhận địa-vị « an ủi » của Mạc-tư-khoa. Những lời buộc tội của Bắc-kinh cho Nga-sô là « đế-quốc xã-hội » là « tía rập với đế-quốc Mỹ trong việc đàn áp các phong-trào công nhân và giải phóng dân tộc », đã làm tê liệt mọi cố gắng của Mạc-tư-khoa để thực hiện sự tiến lại gần hơn với Hoa-thịnh-đốn. Có lẽ đó cũng là một mục-dịch mà Trung-Cộng đề ra để ngăn chặn Nga-sô đi theo con đường hòa dịu với Mỹ.

oOo

Sự xuất hiện của Trung-Cộng như là một đại-cường trên vũ-đài quốc-tế đã làm cho tất cả những tiên đoán và ước mong của các nước không liên-kết trở nên hão huyền và sai lạc.

Các nước đó hy vọng sự hòa dịu Nga — Mỹ sẽ đưa đến tình trạng bất căng thẳng Đông-Tây và do đó thế-giới sẽ không còn xáo trộn và một kỷ nguyên xây-dựng Thịnh-vượng sẽ bắt đầu. Nhưng ngược lại với mong ước của họ, những xáo trộn lại gia tăng, những chiến tranh cục-bộ lại được khơi rộng mà phần nhiều lại xảy ra ở khu vực các quốc-gia chậm-tiến, khiến viện-trợ của các nước tiên tiến cho họ giảm đi rất nhiều. Trung Cộng, một nước cũng chậm tiến như họ, đã trở nên một cường quốc lãnh-đạo. Lúc đầu Bắc-kinh cũng sát cánh cùng họ để cùng cải-thiện địa-vị của các nước Á-Phi trên bình diện chính-trị và kinh-tế. Với chủ trương cách-mạng giải-phóng dân-tộc, Trung-Cộng

đạt tới vai trò lãnh-đạo trong cuộc tranh-chấp Đông-Tây, Bắc-kinh không còn đứng ở lập-trường của các quốc-gia không liên-kết nữa và định đưa thế-giới thứ ba vào hàng ngũ đấu tranh chống đế-quốc chủ-nghĩa.

Hội-nghị những lãnh-tụ các quốc gia không liên-kết ở Le Caire vào năm 1964, với sự tham dự của Bắc-kinh, đã chứng tỏ điều đó. Hội-nghị cho ta thấy sự chia rẽ sâu xa trong quan-điểm của các lãnh-tụ. Hồi đó, Sukarno còn là Tổng-thống Indonésia, tỏ ra quá khích nhất, đã từ bỏ đường lối không liên-kết và tuyên-bố rút chân ra khỏi Liên-Hiệp-Quốc. Bắc-kinh và Djakarta đã tính chuyện thành lập một tổ chức quốc-tế mới thay thế cho Liên-Hiệp-Quốc, đặt trụ-sở ở Indonésia. Nhưng mộng đó không thành vì quá viển-vông. Hàng ngũ các quốc-gia không liên-kết-tuy trải qua một cơn khủng-hoảng-nhưng vẫn không tan rã. Liên-Hiệp-Quốc đã đạt tới con số 126 hội-viên vào cuối năm 1965 và đa số các quốc-gia mới gia-nhập Liên-Hiệp-Quốc trong những năm 60 đều ủng-ho lập-trường của các quốc-gia không liên-kết.

Nhưng vì sao lại có cơn khủng-hoảng đó? Có phải vì chính các quốc-gia không liên-kết đã không còn tin-tưởng vào chủ-trương của mình không? Vì thế cho nên mới có những quốc-gia không liên-kết rời bỏ hàng ngũ, trong khi các quốc gia khác vẫn không bỏ lối của mình. Chính họ cũng phải lấy làm lạ là vì sao khi có cuộc hòa dịu Nga-Mỹ, hàng ngũ của họ đáng lẽ phải chặt chẽ hơn để hưởng lợi, lại trở nên lỏng lẻo. Phải chăng không liên-kết là chỉ để chống chiến-tranh lạnh. Đến khi đe dọa giảm đi, mỗi nước lại chủ-trương hợp tác kinh-tế với những nước thuộc khối này hay khối kia theo

ý mình muốn. Nhưng dù sao ý-thức không liên-kết vẫn còn. Những khi nào mâu thuẫn giữa hai khối gia tăng thì nó lại phát hiện rõ rệt. Những khi nào hai phe có vẻ hòa hợp, ý-thức đó lại lắng xuống, và cho ta cảm giác như là không cần thiết. Có lẽ vì thế mà khủng-hoảng phát sinh vào đầu những năm 60. Nhưng khủng-hoảng đó cũng không làm cho hàng ngũ họ tan rã vì cuộc tranh chấp Đông-Tây vẫn còn nóng hổi ở nhiều nơi trên thế-giới. Chính cái ý-thức không liên-kết đó đã khiến cho các quốc-gia này muốn giữ vai trò trung gian giữa hai khối, mặc dầu là vai trò này nhiều khi tỏ ra là không cần thiết. Có lẽ vì nhận thấy chủ trương không liên-kết không hữu-hiệu nữa nên trước Đại Hội-Đồng Liên-Hiệp-Quốc, khóa tháng 10-1963, Tổng-thống Tito đã tuyên bố: «Chủ trương không liên-kết đã thay đổi cả về phẩm lẫn lượng và đang biến thành một phong-rào tranh đấu cho hòa-bình». Ông nói: «Chúng ta đang đứng trước một ngã ba lịch sử. Vấn-đề không phải là bỏ chủ trương không liên-kết mà là thay đổi làm sao cho nó phù hợp với những điều-kiện mới».

Thật vậy, trong những năm 60, có nhiều biến-cố xảy ra khiến nhiều quốc-gia không liên-kết không còn giữ nguyên được chủ trương nguyên-thủy của mình nữa. Họ không còn đóng được vai trò những người đứng ra dàn xếp vì họ chính là những người trong cuộc: Ấn-Độ xung đột với Trung-Cộng, Ai-Cập bị Do-Thái tấn công, Indonésia và Ghana có đảo-chính, Sukarno và N Krum bị gạt khỏi chính quyền. Các quốc-gia không liên-kết lại tỏ ra bất lực trước cuộc can thiệp của Mỹ ở Việt-Nam, bất lực trước cuộc can thiệp của Nga ở Tiệp-Khắc. Họ không đóng nổi vai trò mà họ mong

muốn : không làm giảm được cuộc chiến tranh lạnh mà cũng không bảo vệ được an-nh cho các nước nhỏ. Do đó họ thấy y cần phải thay đổi đường lối hành động. Sự hiện diện của Trung-Cộng làm cho vai trò của họ thêm phức tạp. Sự phối hợp hoạt động của họ trở nên khó khăn hơn. Ví dụ : khi họ đề ra một chiến dịch đòi chấm dứt chiến tranh Việt-Nam, vào tháng 4-65, chỉ có 17 nước ký vào một bức thư gửi cho các nước Hoa-kỳ, Liên-xô, Pháp, Anh, Trung-Cộng, và Nam Bắc Việt-Nam. Họ cho một trong những nguyên nhân của thất bại đó là sự hện diện của Trung-Cộng. Thật vậy Trung Cộng được nhiều nước không liên-kết coi như là một đồng-minh của thế-giới đệ-tam nhưng nhiều nước khác lại coi như một quốc gia xâm lược. Thấy có bàn tay Trung-Cộng đằng sau cuộc chiến - tranh Việt-Nam, nên nhiều nước đã không chịu ký vào bức thư, vì họ cho làm như thế là có lợi cho Bắc kinh.

Thực ra Trung-Cộng chưa có một khả-năng quân-sự đủ để hai siêu-cường Nga-Mỹ e sợ, nhưng Trung-Cộng lại có khả-năng khiêu khích được cả hai. Các siêu-cường, vì lẽ này hay lẽ khác, không thể dùng lực-lượng võ trang kinh-khủng của họ để quật ngã Trung-Cộng. Vì thế cho nên thế lưỡng-cường đối-diện ngày nay đã trở nên thế tam-cường đối - diện. Xung quanh những nước lớn đó, tất phải có một số đồng-minh và một số nước nhỏ nhờ cậy. Thái độ của các nước không liên-kết vì thế mà càng chia rẽ hơn. Có những nước nghiêng hẳn về Trung-Cộng. Có những nước vì ghét Trung-Cộng mà ngã hẳn sang phe Tây-phương Thái-độ này trở nên rõ rệt, khi Bắc-kinh tỏ ý muốn triệu tập một hội-nghị các quốc-gia không liên-kết ở Algérie sau hội-nghị Le Caire

1964. Hội-nghị này đã không thành vì sự chia rẽ nội bộ.

Ảnh-hưởng của Trung-Cộng đối với Thế-giới đệ-tam cũng bắt đầu xuống từ đó. Nhưng cái thế chính trị chân vạc vẫn còn tồn tại ngay cả khi Trung-Cộng đang tiến hành cuộc Cách mạng văn hóa. Các quốc-gia không liên-kết càng ngày càng gặp phải nhiều khó khăn trong vai trò điều hòa và hòa giải.

Sự thay đổi thế trận đó cũng làm giảm bớt rất nhiều ảnh-hưởng của các đại cường. Chẳng hạn, Hoa-kỳ không ngăn cản nổi Cuba chạy sang phe Cộng sản, Nga-sô không ngăn cản nổi Albanie đi với Bắc-kinh. Các đại cường nhiều khi cũng tỏ ra bất lực trong việc buộc các bạn đồng minh nhỏ bé phải theo đường lối chính sách của mình. Cuộc chiến tranh Trung-Đông và Việt-Nam đã chứng tỏ điều đó : Hoa kỳ đã không thuyết phục nổi Do-Thái cũng như Nga-sô đã không cản ngăn được Bắc-Việt mặc dầu cả Nga lẫn Mỹ đều đồng ý phải dập tắt ngòi lửa chiến tranh ở Trung-Đông và Việt-Nam.

Khả năng chống lại áp-lực từ bên ngoài, khả năng tự tồn mặc dầu phải chống lại những lực lượng quân sự mạnh hơn mình rất nhiều như ở Algérie và Việt-Nam đã đem lại nhiều yếu-tố mới trong quan-hệ giữa các dân-tộc. Các nước lớn không còn phải là những nước vạn năng và các nước nhỏ không phải lúc nào cũng chịu ép một bề.

Tình-trạng này cũng ảnh hưởng rất nhiều đến thái-độ của các quốc gia không liên-kết.

cOo

Các quốc gia không liên-kết không bao giờ có khả năng trông vào lực lượng quân sự và kinh tế của mình để ảnh hưởng tới cục diện thế-giới. Lực lượng

quân sự của họ nặng về phòng-thủ. Họ có thể chống đỡ được áp-lực quân-sự và tồn tại. Nhưng họ không có khả năng tấn công và cũng không bao giờ họ nghĩ tới chuyện đó. Đó là một tro g những lý do vì sao họ cảm thấy an-ninh mà không cần đến sự che chở của khối này hay khối khác.

Vì dụ như Ấn-độ mặc dầu có xung đột vũ trang với Trung Cộng, nhưng vẫn không bỏ cái vị-trí không liên kết của mình vì Ấn-độ chỉ chiến đấu tự vệ. Mặc dầu quân Trung Cộng đẩy lui quân đội Ấn qua biên-giới, họ cũng biết rằng Trung Cộng không thể nào tiến xa hơn nữa, vì sẽ không tránh khỏi tiếng xâm lăng. Trường hợp Algérie và Việt-Nam đã làm cho họ thấy rõ sự bất lực của các đế-quốc trong việc tái chinh phục các thuộc-địa cũ nay đã nổi lên dành độc-lập. Một quân đội hùng mạnh không thể đàn áp được cả một dân tộc đứng lên dành quyền sống.

Một điểm nữa mà các quốc gia thường chú ý tới để hướng hoạt động của mình là các đại-cường thường rất chú trọng đến thái-độ của các nước thuộc thế-giới đệ-tam cũng như họ rất quan tâm đến dư-luận quốc nội. Nhiều khi vì để bảo vệ uy tín và ảnh hưởng của họ đối với các nước khác, họ dám hy sinh một số quyền lợi đáng kể. Trừ phi những quyền lợi đó lớn lao quá không thể hy sinh được, thì họ sẽ cố gắng hạn-chế những tai hại do hành động đó gây nên. Nga-sô biết là khi đem quân vào Tiệp-khắc sẽ mất uy tín lớn lao trên thế giới, nhưng vẫn cứ phải làm, đồng thời phải cố gắng giải thích hành động của mình để cứu vãn thanh danh.

Đối với Nga-sô, dư luận quốc nội không quan trọng lắm, nhưng trong dư luận quốc-ế có 2 khu vực khiến Nga-sô lo ngại nhất và luôn luôn phải hành động sao cho khỏi mất uy tín. Đó là phong trào Cộng-sản quốc-tế và các quốc gia không liên-kết thuộc thế-giới đệ tam.

Khả năng hạn chế của nền kinh-tế Xô-viết khiến Nga chỉ có thể viện trợ có giới hạn cho các nước nhược tiểu. Khả năng quân-sự của Nga-sô cũng không cho phép Mạc-tư-khoa tỏa quân ra khắp thế-giới để bảo vệ các quốc gia đi với mình. Vì thế cho nên Nga-sô phải phát triển liên hệ mật thiết với các phong-trào tả khuynh tại thế-giới đệ tam. Ở đây Nga-sô đã vấp phải sự cạnh tranh ác liệt của Trung Cộng. Hai bên đã không từ một thủ đoạn nào để dành quyền lãnh đạo thế-giới đệ-tam.

Do đó, các quốc-gia không liên-kết thấy tất cả các đại-cường đều hướng về họ để tranh thủ. Họ thấy có khả năng ảnh-hưởng trở lại và họ đã tận dụng khả năng này.

Tuy nhiên ảnh hưởng đó đối với Hoa-kỳ tương đối hạn chế vì Hoa-kỳ giàu mạnh quá cỡ. Họ có thể không ưa Hoa-kỳ nhưng vẫn cần đến đô-la Mỹ. Chỉ khi nào Hoa-kỳ có những hành vi can-thiệp quá trắng trợn, họ mới phải đấu tranh để chặn lại, thường g thì ít hiệu quả, nhưng Hoa-kỳ cũng phải lưu tâm tới mà kèm hãm bớt. Cuộc chiến V.N. đã cho ta thấy rõ thái độ không dám làm mạnh của Hoa kỳ một phần vì e ngại dư luận quốc nội, một phần sợ phản-ứng của Bắc-kinh — Mạc-tư-khoa, nhưng một phần nữa cũng không thể coi thường

đur luận thế-giới nhất là của đông đảo các nước nhược-tiểu mà Hoa-kỳ không muốn để rơi vào tay Cộng-sản.

Đối với Nga-sô thì, như trên đã nói, Mạc-tư-khoa rất ngại dư-luận các nước thuộc thế-giới đệ-tam vì phải cạnh tranh gắt gao với Trung Cộng. Vì thế cho nên Nga-sô đã phải tránh tất cả mọi việc có thể làm phật lòng các nước này. Trong khi Trung-Cộng bận tiến hành cuộc Cách mạng Văn hóa, Mạc-tư-khoa có vẻ rảnh tay hơn trong việc thao túng các nước nhược tiểu, nhất là từ khi các nước này thất bại trong việc tranh thủ viện trợ Tây-phương tại Hội nghị thương-mại và phát-triển hợp ở New Delhi năm 1968 vì thiếu đoàn kết nhất trí. Nhưng với cuộc xâm-lăng Tiệp-khắc, với việc Bắc-kinh chấm dứt cuộc Cách mạng Văn hóa, ảnh hưởng của Mạc-tư-khoa tại các nước thuộc thế-giới đệ-tam lại bị đe dọa. Nga-sô phải chú trọng đến những đòi hỏi của các nước này hơn để giữ vững ảnh hưởng của mình.

Giữa tam cường, Hoa-thịnh-đốn, Bắc-kinh, Mạc-tư-khoa, luôn luôn có những cuộc vận động tranh chấp để giữ cho tình trạng trên thế-giới chỉ có thể căng thẳng đến một mức độ nào thôi.

Khi hai đại cường xích gần lại nhau hơn thì đại cường thứ ba tìm cách phá cho kỳ được để khỏi phải đứng trong thế cô lập. Nga-sô lợi dụng cái chết của cụ Hồ để tiếp xúc với Trung Cộng về vấn đề biên giới trước khi đi dự hội-đàm Helsinki với Hoa-kỳ về vấn đề giảm trang. Bắc-kinh, trong khi đang đàm phán với Mạc-tư-Khoa về vấn đề biên giới, lại thuận hợp với Hoa-thịnh-đốn ở Varsovie trên cấp bậc đại sứ. Trong khi lên án Nga-Sô đi với Mỹ, Bắc-kinh đã đặt quan hệ ngoại giao với nhiều nước Tây-

phương và chấp nối lại với Nam-tur, từ xưa vẫn bị đá kích kích liệt cho là tay sai của đế-quốc. Giữa Mạc-tư-khoa, Bắc-kinh và Hoa-thịnh-đốn, mới trông qua những vận động ngoại-giao đa phương nói trên, người ta tưởng có thể tiến tới một tình trạng hòa hoãn. Nhưng đó chỉ là hy vọng hảo huyền. Ba đại-cường đều tìm cách làm cho đôi phương của mình bị cô lập cao độ. Họ dùng đủ mọi mảnh khoe tuyên truyền, mua chuộc đối với các nước đệ-tam. Nay họ gần nước này, mai họ gần nước kia, mục đích để tìm ra những sơ hở, thất thổ của đối phương để vận động chống đối. Mạc-tư-khoa có thể bắt tay với Hoa-thịnh-đốn để chống Bắc-kinh khi quyền lợi của 2 nước tương-đồng, cũng như Hoa-thịnh-đốn có thể bắt tay với Bắc-kinh trong một giai-đoạn nào đó để hy vọng loại bỏ Mạc-tư-khoa. Trong cái trò chơi tay ba đó, các quốc gia không liên-kết sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc đóng vai trò hòa giải của mình. Vì họ sẽ luôn luôn bị 3 đại cường kia tấn công bằng tiền bạc, đồ viện trợ và những nụ cười. Các quốc gia không liên-kết đã vô tình chung đứng ở một vị-trí mà cả tam cường đều phải tranh-thủ nhất là khi các đại-cường này đều nhân danh hòa bình, tự do là những khát vọng cấp thời của toàn thể nhân-loại. Họ sẽ bị phân ra những vùng ảnh-hưởng và sẽ thay đổi tùy theo sự thay đổi liên-minh của tam cường. Nếu Liên-xô đi với Hoa-kỳ thì sự bố-trí lực-lượng của thế-giới đệ-tam sẽ khác hẳn với trường-hợp mà Liên-xô đi với Trung-Cộng, hoặc Hoa-kỳ hòa-hoãn với Bắc-kinh. Các quốc-gia không liên-kết, ngoài chủ-trương "không liên-kết ra", không có gì giống nhau cả về quyền-lợi, lý-tưởng lẫn địa-bàn hoạt-động. Do đó mà họ khó lòng

ảnh-hưởng đến cái thế tam-giác của Hoa-thịnh-đôn — Bắc-kinh — Mạc-tư-khoa. Trái lại, họ còn bị tam-cường dễ dàng mua chuộc, lôi cuốn tùy theo sự biến đổi của thế trận toàn cầu.

Trong thế-giới ngày nay đa số các nước thuộc địa đã được giải phóng. Nếu còn sót lại một vài thuộc-địa mà đế-quốc còn thống-trị, đó chắc chắn không phải là một lực-lượng tiến bộ của lịch sử và sẽ bị đào thải trong một tương lai gần.

Chủ trương không liên-kết chỉ là khía cạnh chính-trị của phong trào giải-phóng của thế-giới đệ-tam. Nhưng nó cũng là một yếu tố mới trong việc giao dịch quốc-tế. Như ở trên đã nói, do cái vị-trí đệ-tam của họ, các quốc gia không liên-kết có khả năng ảnh-hưởng mạnh đến thế trận hoàn cầu, bằng cách gây áp lực với ba đại cường trong cái thế « tam đầu đối diện », nhưng cũng lại dễ bị các đại cường lôi cuốn lợi dụng. Vì thế mà họ đã tỏ ra bất lực không ngăn chặn được các đại-cường làm cho tình-hình thế-giới căng thẳng và nhiều khi còn bị lôi cuốn theo hành-động của các nước lớn. Chủ-trương không liên-kết, cứ theo cái đà đó, có thể mất hết ý nghĩa của nó. Nhưng may thay, ý-thức đó vẫn còn, mỗi khi các đại-cường đe dọa đưa nhân-loại đến một cuộc chiến-tranh toàn diện. Chỉ trong những trường hợp đó các quốc-gia không liên-kết mới

ngôi đến vai trò của mình vai trò bảo-vệ hòa-bình thế-giới. Họ chỉ có thể đóng vai trò đó một cách hữu hiệu khi họ không phụ thuộc về phương-diện kinh-tế vào ngoại viện.

Các lãnh-tụ « không liên-kết » trong những năm gần đây đã cố gắng xây dựng lại hàng ngũ các quốc-gia của thế-giới đệ tam. Nam-tư là nước đầu tiên đã đứng ra đề làm công việc đó.

Sau bao nhiêu vận động khó khăn, năm 1969, một hội-ng nghị tư-vấn được triệu tập ở Belgrade. Sau đó là một cuộc họp của các ngoại-trưởng các quốc-gia không liên-kết tại phiên họp của Đại Hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc. Tại đây, các đại-biểu đều đồng ý triệu tập một hội-ng nghị trụ bị họp ở Tanzania (Phi-Châu). Hội-ng nghị này sẽ sửa soạn cho một cuộc gặp gỡ giữa các Quốc-trưởng hay Thủ-tướng vào năm 1970.

Tuy nhiên tin tức mới nhất cho biết một hội-ng nghị trụ-bị các quốc-gia không liên-kết vừa họp tại New Delhi vào thượng tuần tháng 6 đề ban về vấn-đề triệu-tập một hội-ng nghị thượng đỉnh các quốc-gia không liên-kết sẽ họp ở Lusaka (Zambie) vào thượng tuần tháng 9-1970. Trước khi hội-ng nghị thượng-đỉnh họp mấy ngày sẽ có một hội-ng nghị ngoại-trưởng quyết-định về những vấn-đề đem ra thảo luận.

Bước đầu tiên là phải khôi-phục lại sự đoàn-kết và ý-thức không liên-kết ; bởi vì từ năm 1964 sau hội-ng nghị Le Caire, gây liên-lạc giữa các quốc-gia không

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

liên-kết đã bị đứt đoạn, bởi vì mỗi nước đã theo đường lối riêng của mình, không ai chịu nghe ai. Để sửa-soạn cho những bước đi mới, khiến cho sự tham-dự tích-cực và đông đảo hơn, các nước không liên-kết cần phải dễ dãi hơn nhiều. Các nước được mời tham dự hội nghị, không hạn-chế quá đáng, không bắt buộc «không liên-kết» là phải «đồng tư-tưởng» (liked-minded); chỉ cần một thái độ tối thiểu là không đi với bên nào mà thôi. Hội nghị cũng bỏ quan-niệm cho rằng nhóm các nước không liên-kết phải là những nước nghèo thuộc thế-giới đệ-tam, vì như vậy là gạt bỏ một số nước có trình-độ kinh-tế khá hơn. Quan-điểm kinh-tế đó trái với quan-điểm chính-trị làm cho hàng ngũ các quốc-gia không liên-kết thu hẹp lại trong khi tham vọng của họ là kìm hãm các đại-cường và bảo vệ hòa-bình thế-giới. Tóm lại hội-nghị các quốc gia không liên kết lần này sẽ có những nhiệm vụ không giống với hai hội-nghị trước ở Belgrade và Le Caire. Lần này chắc sẽ bàn về một hình thức hợp tác mới giữa các quốc gia không liên-kết để tạo hoàn cảnh thuận lợi cho việc bảo vệ hòa bình thế-giới và sống chung giữa các nước có chế-độ xã-hội khác nhau.

Nhưng đại diện Nam-tur chắc chắn sẽ đưa vấn đề đại-diện Kampuchea, và hội-nghị chắc sẽ còn gặp phải những khó khăn như vấn-đề đại-diện các phong-trào giải-phóng dân tộc, vấn-đề đại-diện ở các nước chia đôi. Hội-nghị thượng đỉnh kỳ này sẽ có 79 nước tham dự và khó lòng đưa đến một kết quả cụ-thể nào. Chúng ta đều biết là trong tháng trước một hội-nghị chuẩn bị đã họp ở Le Caire và 2 phe tranh chấp ở Kampuchea đều có cử đại-diện tham dự nhưng đều không được chấp nhận. Cả vấn-đề đại-diện Mặt-trận Giải - phóng Miền-Nam cũng được Algérie đưa ra và cũng đã bị gạt bỏ. Chúng ta cũng còn nhớ là sau hội-nghị Le Caire, một hội nghị thượng đỉnh Á-Phi dự định triệu tập ở Alger nhưng đã không thành vì xảy ra cuộc đảo chánh Ben Bella ở Algérie. Hội-nghị thượng đỉnh các quốc gia không liên-kết triệu tập kỳ này vào giữa lúc những cuộc tranh chấp trên thế giới chưa được giải quyết dứt khoát, các phe liên-hệ còn nhiều chia rẽ, chắc sẽ khó lòng đi đến một kết quả cụ thể.

VIỆT-PHƯƠNG

(viết theo ý kiến của Leo Mates trong tạp-chí Foreign Affairs 4-70)

SỬA LẠI CHO ĐÚNG

Trong bài «Những kinh-nghiệm cổ-truyền và vấn-đề giáo-dục sinh-lý» của Ô. Đoàn-nhật-Tấn đăng trên Bách-Khoa số 323 (15-6-70) có những sơ-sót về ấn-loát sau đây, xin độc-giả sửa lại cho đúng :

— Trang 23, cột 2, hàng 15 : thiếu một câu xin thêm vào như sau :
(. . kinh-nghiệm của chính con người thì ta hãy theo dõi sự thành hình của cảm-tình e-theta... »

— Trang 25, cột 1, hàng 11 và 12 : chữ ra đời đã sắp lộn từ hàng dưới lên hàng trên, xin đọc như sau : « ...tuyệt-nhiên không đề-cập đến tính-dục. Việc ra đời của các Đấng Chí-tôn... »

— Trang 26, cột 1, hàng 25 : « đưa lên » xin sửa là « dựa lên »
Xin trân-trọng cáo-lỗi cùng tác-giả và quý-vị độc-giả.



The advertisement features a central illustration of a Park Lane cigarette pack tilted diagonally, set against a backdrop of a dense city skyline with various skyscrapers. Below the illustration, the brand name 'Park Lane' is written in a large, bold, serif font. Underneath this, the words 'VIRGINIA' and 'KING SIZE' are printed in a smaller, bold, sans-serif font. To the left of these words, there is a line of text in a cursive script: 'Khắp nơi đều được khen tặng nhờ:'. Below the main brand name, the words 'ĐẦU LỘC' are printed in a large, bold, sans-serif font, with 'MIC CHOLON' in a smaller font underneath. To the right of 'ĐẦU LỘC', there is an illustration of a hand holding a cigarette, with the word 'TAMER' visible on the cigarette's filter.

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão Sài-gòn :

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện

Số : 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

Những kinh nghiệm cổ - truyền và vấn đề giáo - dục sinh - lý

(Tiếp theo B.K. từ số 323)

Đông Tây Kim Cổ

Thật vậy giáo-dục sinh-lý cũng như giáo-dục tính-tình, không thể là những vấn-đề có thể tách rời khỏi sự giáo-dục của con người toàn diện. Đó là cái nhân-sinh-quan tổng-hợp, toàn-diện và rất mặ-h-lạc đặc-biệt Á-đông : ông thầy thuốc Tây chữa mắt thì mờ và cho thuốc ngay tại mắt, ông thầy Đông-y chữa mắt bằng những thang thuốc bồi-bổ tạng phủ và toàn thân. Người Tây-phương muốn chữa trị, đề phòng những bệnh hoa-liểu, thủ-dâm, mộng-tinh, di-tinh, muốn giải-tỏa những mặc-cảm của tuổi trẻ và sinh-lý thì đòi đưa ngay giáo-dục sinh-lý vào nhà trường cho trẻ học ngay tại những cơ-năng và cơ-quan sinh-lý. Người Á-đông giáo-dục sinh-lý bằng cách xây-dựng con người từ mọi mặt, họ coi thủ-dâm và những mặc-cảm về sinh-lý như là tâm-bệnh, coi bệnh hoa-liểu như một tệ-trạng xã-hội cần bài trừ ở xã-hội mới tận gốc, coi mộng-tinh, di-tinh như do sự yếu kém toàn-thân.

Đó cũng là những kinh-nghiệm của người xưa, của cả nhân-loại từ ngày vấn-đề giáo-dục sinh-lý được đặt ra cho nhân-loại. Ngày nay, những kinh-

nghiệm ấy cũng chưa phải là vô-dụng bởi vì tính-dục là một bản-năng quá cũ đối với chúng ta, những lệch-lạc sinh-lý âm-thầm trong đời sống cá-nhân hay trắng-trợn trong cuồng-lưu xã-hội không phải là chuyện mới có ở thời-đại này. Trong mười điều răn của Thiên-Chúa mà Moïse công-bố cách nay hơn 30 thế-kỷ đã có việc cấm tà-dâm, cấm ngoại tình. Kinh Thủ-Lăng-Nghiêm có kể lại rằng ngay trong khi Đức Phật hiện-diện ở trần gian này và đang thuyết-pháp mà thầy A-nan còn đi khất thực thì thầy đã bị một dâm-nữ là Ma-đăng-Già kéo vào buồng toan phá giới đến nỗi Phật phải niệm thần-chú can-thiệp ! Ngay trong những thời mà đạo-đức còn hiện thân ở cõi đời này, xã-hội đã như thế nào chắc không cần phải suy diễn mới thấy rằng về ‘chuyện ấy’ xưa nay không có gì mới lạ dưới ánh sáng mặt trời. Bởi thế nên kinh-nghiệm tuy xưa mà nay chưa phải là đã lạc-hậu (1).

Chúng ta thông-cảm với Tây-phương khi họ muốn giải-quyết vấn-đề theo tình-trạng xã-hội và bản-chất giống dòng của họ. Một nền văn-minh kỹ-thuật nhằm thỏa-mãn thể-chất con người bao giờ

(1) «Chúng ta đi về đâu» trang 129.

cũng làm nổi dậy dễ-dàng và quá sớm tình-dục ở người thanh niên và *vấn-đề càng hiển nhiên càng gọi lên những giải-pháp trực-tiếp*. Giới trẻ ở Âu Mỹ ngày nay có phong-trào thông-thường-hóa tình-dục, họ coi việc giao-hợp tiền-hôn như là một giải pháp tốt cho tình-trạng sinh-lý của họ, đó là điều không làm ai ngạc-nhiên vì từ lâu rồi những kiểm-chế cồ-ruyền về tình-dục đã bị những tiến-bộ văn-minh vật-chất phá tan. Trong khi đó thì ở Đông-phương đời sống tâm-linh dù có bị xáo trộn trong những va chạm với tiện-nghĩ Tây-phương ở thành-thị, vẫn còn giữ được nền móng cũ trong đại-đa số chúng ta. Cuộc sống tình-cảm đi trước hành-động tình-dục vẫn còn là hệ-trọng đối với tâm-tư giới trẻ Đông-phương :

“Mây mưa đánh đổ đá vàng

*Quá chiều nên đã chán - chường
yến oanh”.*

Trai gái mà biết nhau quá sớm về xác thịt thì chỉ có thất vọng chán chường. Cái bản-chất hướng-nội (introverti), trầm-tư của người phương Đông không bao giờ chấp-nhận rằng hạnh-phúc mà một cuộc tình-duyên đem lại cho chúng ta chỉ kéo dài trong chốc lát ở xác thịt. Cho nên những băn-khoăn thắc-mắc mà giải tỏa theo đường lối Tây-phương chỉ làm cho chúng ta băn khoăn thắc mắc hơn nữa.

“Tuồng chi là giống hôi tanh

Thân ngàn vàng để ô danh má hồng !”

Với lối nhìn toàn-bích hiện-đại về con người, chúng ta tự hỏi đứa trẻ sinh ra là do sự phối-hợp của cha mẹ thì nếu có sự chan-hòa thể-chất, làm sao lại không có sự chan-hòa và điều-hợp tâm-linh trong khi con người vừa là tâm-linh vừa là thể xác? Thế nên thời gian chờ đợi phải cần để giúp tâm-linh

có cơ hội hòa-hợp. Thú-vật vì không có tâm-linh nên không cần hòa-hợp hay vì nó không có thời-gian hòa-hợp nên đã dần dà đánh mất hết, tâm-linh nay không còn sống động như ở con người. Người Mác-xít coi tình yêu như cái thượng-tùng kiến-trúc trường-giả và pàù-phiếm nên chối bỏ đi, chắc-chắn họ thành-công trong việc sản-xuất ra những con người kém cá-vị tâm-linh để Đảng có thể dễ dàng sai-khiến nhân danh tập-thể. Tôn-giáo tách rời phần tâm-thức với thân-xác đã khiến cho người ta quen với quan-niệm cái bào-thai chỉ là thân-xác sau đó mới tiếp-nhận phần hồn từ nơi khác đến, đó là nguyên-nhân làm cho con người không quan-tâm đến sự nam nữ cần liên-hợp tâm-hồn trước khi sinh con cái, bởi đó mà trong gia đình cũ thay vì tạo điều-kiện thuận-lợi cho người trẻ lựa chọn sáng-suốt bạn trăm năm, cha mẹ đã lạm dụng quyền-hành để “ép duyên” con mà không cảm thấy mình có tội gì đối với đạo-lý trong khi bản-chất con người bị thương tổn từ khi mới được đầu thai. Giải-pháp thụ-thai nhân-tạo nếu bị lạm-dụng ra ngoài khuôn-khổ tình-cảm gia-đình thì cũng không giúp-ích gì cho tiến-hóa nhân-loại.

Một giải-pháp cho chúng ta

Ở Tây-phương ngày nay việc đưa giáo-dục sinh-lý vào học đường thực ra cũng chưa phải là giải-quyết thỏa-đáng. Những tài-liệu về giáo-dục sinh-lý của họ thường gồm có phần “Đặt vấn-đề” rất xác-đáng. Phần chương-trình thì họ có thể phác-họa từ mẫu-giáo đến tiểu-học, trung-học. Trong một tài-liệu Mỹ, Family life and Sex Education (Helen Manley), ngoài những bài liên-quan đến cơ-năng sinh-

dục, chương trình còn có việc dạy về giao-thiệp nam-nữ ở gia-đình và xã-hội. Sau đó là phần đào-tạo giáo-chức "thuần-thực" (well-prepared teachers, tài-liệu đ.d), phải thuần thực bởi vì thầy giáo là yếu-tố quyết-định. Thật vậy, nếu đưa giáo-dục sinh-lý vào lớp học thì phải làm thế nào để có những giáo-chức đủ tư-cách và tài-năng khả dĩ nói được chuyện tính-dục cho chân-thật và hấp-dẫn — vì một bài học phải chân thật và hấp dẫn mới thành-công — mà không kích-động đến bản-năng của trẻ. Sau cùng vấn-đề nan giải nhất là vấn-đề trắc-lượng (evaluating) kết-quả của chương-trình: Họ thú-nhận rằng sự trắc-lượng này gặp nhiều khó-khăn: phần vì các mục-tiêu của môn học không rõ-ràng, các giao-tế giữa nam-nữ trong xã-hội quá linh-động (xã-hội Mỹ), phần vì không có kỹ-thuật, phương-tiện để trắc-lượng dễ-dàng những đổi thay về tâm-tính của trẻ ở phương-diện tính-dục, có lẽ phải đợi nó lớn lên nên người như thế nào mới biết hiệu-quả của một chương-trình như vậy.

Ở nước ta thì lại còn khó khăn hơn nữa, có đứa trẻ nào lớn lên mà không hiếu-kỳ, mạo-hiểm, lén-lút đốt pháo, chọc chớ, phá tổ ong dù cho cha mẹ từng ngăn cấm? Người ta thường lặp lại ở xứ ta cái quan-niệm mà các nhà giáo Tây-Phương đưa ra để đặt vấn-đề giáo-dục sinh-lý: «Nên cho trẻ biết rõ sự thực thì nó không còn hiếu-kỳ, thí-nghiệm vụng trộm nữa!» Nhưng thử hỏi giới trẻ của ta tâm-tình kín đáo, ít cởi mở thì có bao nhiêu em dám thành-thực nói ra những thắc-mắc thầm kín của họ về tính-dục đã do bài học ở trường gợi ra, nhất là con gái? Rồi ở tâm-trạng biến-động vì đang tăng-trưởng

của trẻ, thầy-giáo biết nói đến đâu là thỏa-mãn được cho hết thắc-mắc, hết hiếu-kỳ trong khi tính-dục là một bản-năng đòi tác-động chứ không phải chỉ khao-khát hiểu-biết? Lại nữa thầy có thể nào theo dõi trong chiều chần-đề biết trẻ đã làm gì sau bài học, nỗ hâu duy trì hay cải tiến sự-phạm của thầy? Số trẻ hoang ngẫm, che đậy, ở xứ ta chắc-chắn đông hơn so với trẻ Âu Mỹ mà tính-tình rất cởi mở. Làm một việc gì mà chưa có cách kiểm-soát hậu-quả thì người có trách-nhiệm chưa có thể làm. Bởi thế nên vấn-đề được đặt ra lâu rồi ở Tây-phương mà nay họ còn đang dè-dặt, thí-nghiệm.

Còn chúng ta? Với kinh-nghiệm của cha ông, chúng ta làm thế nào cho hợp tình hợp cảnh?

Trọng-tâm là ở gia-đình: Chính p ở (Bộ Xã-hội, Y-tế, Giáo-dục hay Thông-tin) nên in và phổ-biến những sách thuộc loại "nam nữ tu trì" để dân chúng tiện dùng và mở khắp nơi các khóa hội-thảo về giáo-dục sinh-lý do cán bộ các ngành trên điều-khiển trong khuôn-khố một chương-trình giáo-dục *hậu-học-đường* (post-scolaire) cho thanh-niên và nhất là người lớn có con em. Người lớn nào cũng cần được học về sinh lý tính-dục để giáo-dục con em trong gia-đình, để giữ-gìn nếp sống lành-mạnh cho xã-hội và cũng để cho chính mình nữa: những biến-chuyển sinh, tâm-lý của vợ chồng ở tuổi về già mà không am hiểu, biết đâu chẳng đã là nguyên-nhân đổ vỡ của bao nhiêu hạnh phúc, sự-nghiệp gia-đình đã gây dựng rất công-phu? Vì ở nước ta, tình-cảm sinh-hoạt gia đình còn đậm-đà, sâu rộng và chi-phối con người nhiều hơn ở Tây-phương và cũng chính ở đó và ở xã-hội, nhiều-thắc mắc

về dục-tình mới được đặt ra cho trẻ con chứ không phải ở họ -đường. Cha mẹ xử sự thiếu kín đáo trong nhà, các bà ở xóm làng ghen-tuông vắng tục lời cả chuyện nọ chuyện kia ra, những-chuyện tiểu-lâm của người lớn cũng làm bận tâm con trẻ thường ngày chứ không phải chỉ có vũ sexy và tiểu-thuyết « Cậu Chó ». Anh chị, cha mẹ, nhất là bà mẹ mới là người gần-gũi con trong những câu chuyện thăm kín thiết thân với nó. Theo cái tâm-lý kín-đáo của con em ta thì chuyện gì riêng tư thăm kín, nó có thể dễ-dàng đem hỏi người lớn trong nhà hơn là ở thầy học. Nếu nó muốn biết điều gì mà không dám hỏi ai — như thường xảy ra hơn — thì nó có thể có dễ dàng một cuốn sách đủ thăm-quyền để tìm hiểu, không cần phải đi tỉ-tê với một thằng bạn « trời đánh » nào. Chỉ có cách đó vấn-đề giáo-dục sinh-lý ở xã-hội ta mới được giải-quyết thỏa-đáng và hữu-hiệu mà không đụng-chạm đến nếp sống kín-đáo của người Á-đông ta từ xưa vốn đã là một giải-pháp khôn-khéo cho vấn-đề rồi.

Bên cạnh gia-đình, nhà trường không phải là vô-rach-nhiệm. Dù không giải-quyết trực-tiếp vấn-đề bằng những bài dạy về tính-dục, nhà trường cần ý-thức vai-trò của mình trong chủ-trương giáo-dục chung : Một triết-lý giáo-dục nhằm xây-dựng con người tự-cường, tự-chủ, có trách-nhiệm, phải được thể-hiện bằng-bạc trong các môn, các bài học và sinh-hoạt ở nhà trường. Thể-thao, thể-dục rèn-luyện thân-thể cường-tráng, những công-tác xã-hội, văn-ngệ, việc đọc sách báo lành-mạnh phải được khuyến-kích để trẻ không còn thì giờ nghĩ vẩn-vơ, sống lẻ-loi buồn-bã. Mặt khác, chương trình đức-dục phải được bổ-túc ngay từ bậc Tiểu-học với những bài về bổn-phận đối với bạn trai, bạn gái, anh em trai, chị em gái, cốt cho trẻ có một ý-

thức lành-mạnh và đối-xử thực-thà trong sạch với kẻ quen người lạ khác phái, đã phá càng sớm càng hay cái thành-kiến *trọng nam khinh nữ* gây nhiều đổ-ky thực ra chỉ là những mặc-cảm về dục-tình. Ở nhiều trường khi một em trai giúp-đỡ một bạn gái thì thường bị bạn bè chế-riếu. Ông thầy nhẹ tay với một nữ-sinh thường bị phê-bình nghiêm-khắc là « nịnh-đằm ». Nếu trẻ em ta được dạy cho sớm biết lối cư-xử nhân-đạo và văn-minh thì những thành-kiến như thế không còn nữa, gia-đình, học-đường thêm đầm-ấm, trẻ con thêm cởi mở hồn-nhiên và em gái nào có kẻ « nịnh-đằm » thực cũng không đến nỗi bị lừa vì đó nữa.

Phải bài trừ lối ăn nói tục-tiêu trơ-trẽn hỗn-xược trong lúc trẻ chơi đùa, gây-gỗ. Trong những bài văn-vật học về gà trống, gà mái, hoa đực, hoa cái, về sự sinh-sản của các loài, thầy nên trình bày tự-nhiên những hiện-tượng có liên-quan đến sự sinh-dục nói chung, những trẻ thông-minh sẽ từ đó mà biết đến chuyện sau này của chính nó (chỉ những đứa thông-minh mới hay thắc mắc). Lâu nay chúng ta đã dạy những bài ấy, bây giờ chúng ta có ý-thức hơn về mặt đó, đó cũng là những cách tốt nhất để thông-thường-hóa vấn-đề tính-dục mà không gây xúc-động, không làm thương tổn đến lòng e-thẹn, một cảm-tích mà ai đã trót mất đi thì không tìm lại được.

Điều mà mọi người đòi hỏi ở chúng ta là phải nghĩ tới vấn-đề và giải-quyết cho hữu-hiệu chứ không nhất thiết chỉ có chuyện đem cơ-năng tính-dục đàn ông đàn bà vào dạy ở nhà trường. Lớp học xưa nay không phải là nơi độc nhất để học hỏi mọi sự, và biết bao nhiêu bài học thuộc lâu ở lớp mà rồi chẳng ích gì cho học - trò trong thực-tế !

10-5-70

ĐOÀN-NHẬT-TẤN

*Nhân mùa ra trường của các thầy giáo mới
thử phác họa một*

Chân dung nhà giáo

L.T.S Huỳnh Phan, tác giả loạt bài « Giáo-sư Trung-học, anh là ai ? » đã đăng trên Bách-Khoa các số 277, 278, 279 (tháng 7 và 8-1968) nay lại sắp cho xuất bản một tập tiểu-luận lấy tên là : « Câu chuyện Thầy trò », trong có một chương mang nhan-đề : « Chân dung nhà giáo ». Chương này gồm 4 tiểu mục : — 1/ Sơ quát về chân dung nhà giáo hôm nay. — 2/ Những gì qui-định chân dung đó ? — 3/ Đây là chân dung đẹp của một nhà giáo ? — 4/ Những điều-kiện cần và đủ để có những nhà giáo theo chân dung đẹp đó.

Vì khuôn khổ chật hẹp của tờ báo, chúng tôi rất tiếc không đăng trọn vẹn được chương sách trên, mà sẽ trích đăng tiểu-mục đầu tiên : Sơ quát về chân dung nhà giáo hôm nay. Trong phần này tác giả đề cập đến các nhà giáo thuộc 3 bậc : Đại-học, Tiểu học và Trung-học. Vì trước đây tác-giả đã có dịp trình bày với bạn đọc « Giáo-sư Trung-học, anh là ai ? » nên tạp-chí Bách-Khoa kỳ này lại chỉ đăng riêng phần nói về sơ quát chân dung các nhà giáo thuộc bậc Trung-học. Trong những lời nói đầu, tác giả cũng nói ngay rằng chỉ vài thử vẽ phác bằng nét sơ quát cái « chân dung tinh thần của nhà giáo hôm nay, đồng thời trình bày một ít ý nghĩ chủ quan về những gì liên quan đến chân dung đó ».

Về các nhà giáo Trung học, chúng ta sẽ phác họa một chân dung đậm nét hơn. Chân dung của nhà giáo Trung học ngày nay, có lẽ được cấu tạo bằng mấy đường nét chính trong đó ba đường nét sau đây là có tính cách nền tảng, đậm đà hơn cả :

a) Đầu tiên là sự không yêu nghề của một số đông nhà giáo hôm nay. Nếu hỏi xem tại sao nhà giáo lại không yêu nghề của mình, người ta sẽ thấy nguyên nhân của tình trạng này rất phức tạp. Tuy nhiên, có lẽ sau đây là ba nguyên nhân lớn cần được chú ý :

— Trước hết, nhà giáo nhiều khi không ý-thức rõ sứ mạng của mình là một nhà giáo dục, mà chỉ tự thấy đang làm một nghề như bao nhiêu nghề khác để mưu sinh. Cho nên thay vì tự qui định cho mình những nỗ lực có tính cách lý tưởng trong đó sự sáng tạo phải không ngừng nghỉ trong mục đích tạo dựng những cảm thông giữa người với người, giúp con người tự khám phá chính mình cùng những liên hệ giữa mình với bên ngoài.., nhà giáo chỉ thấy ở công việc hàng ngày của mình những thói

quen lặp đi lặp lại một cách mòn mỏi, giả tạo đáng ghê sợ. Nhà giáo lầm tưởng dạy học là làm cái công việc đóng kịch đeo đẳng nhiều trớ trêu và nhọc nhằn. Thành ra sự thiếu ý thức về tính chất cao quý của công cuộc giáo dục là một khuyết điểm đẩy nhà giáo đến chỗ run sợ trước những lần roi quất qua quất lại liên tục ngày này qua ngày khác của những thói quen thiếu sáng tạo, khô cứng. Đó là nguyên nhân thứ nhất của tình trạng không yêu nghề.

— Nguyên nhân thứ hai của tình trạng không yêu nghề là sự chọn lầm ngành nghiệp của nhà giáo. Đôi khi chúng ta có ảo tưởng về khả năng làm giáo dục của mình, hay bị mê hoặc bởi những thực tế đẹp ở học đường khi còn đi học, lớn lên chúng ta chọn ngành giáo dục. Nhưng sự mê thích nhiều khi không đi đôi với nắn, khiêu và trở thành ngọn lửa rơm chóng tàn trước những trở lực không cùng trong nghề nghiệp. Chọn lầm nghề vì hiểu lầm về năng khiếu mình hay bị mê hoặc, đôi khi chúng ta còn vào lầm nghề vì hoàn cảnh. Thật vậy, ít nhất là hơn nửa số sinh viên vào Sư phạm không phải vì yêu thích ngành này, nhưng vì bị *bí đường ở các ngành khác*. Ví dụ một người ở dưới bậc ban C, lên Đại học chỉ có nhiều hy vọng đề vào Văn khoa hay Luật khoa. Nhưng lại nghĩ với những bằng cử nhân này thì cũng lông bông thất nghiệp thôi. Bèn phóc vào Sư phạm để có một nghề. Có điều một sự thực hiển nhiên là để có một nghề không phải là chọn một nghề. Chưa nói chi đến chọn một nghề cũng chưa hẳn là sống trọn một nghề (sống hết mình, một cách có hiệu quả trong ngành nghiệp của mình).

— Nguyên nhân thứ ba của tình

trạng không yêu nghề là những khó khăn quá phức tạp trong công việc hàng ngày và trong cuộc sống của nhà giáo. Cuộc chiến đằng dai với những ám ảnh chết chóc của bạn bè, người thân, của luật động-viên..., làm học trò càng ngày càng xuống tinh-thần, ngao-ngán sách vở, học đường, mất tin-tưởng ở lời thầy. Sĩ số lại càng ngày càng tăng vì nạn thiếu trường ốc. Nhà giáo cứ càng ngày càng đối đầu với những lớp học trò không yêu nghề đi học, nhiều lúc cũng đâm ra ngao-ngán nghề làm thầy của mình. Rời lớp học, về nhà phải đương đầu với bao nhiêu khó-khẩn trong gia-đình do sự khủng-hoảng kinh-tế, vật-giá thì vùn-vụt chạy tới khi đồng lương của nhà giáo cứ « cao thượng » đứng yên một chỗ. Trong tình cảnh đó, nhà giáo độc-thân phải thu-vén để khỏi nợ nần, vị nào bận-bịu thuê noa phải lo ngược xuôi trong những ngành sinh-hoạt phụ !

Cho nên, nếu vốn yêu nghề, trong tình cảnh đó nhà giáo sẽ dần dần mất tự-tín và ngao-ngán, mỗi-một và nếu vốn là nhà giáo bất-đắc-di, người ta rất dễ-dàng tự thấy bị lưu-đày trong một ngành nghiệp quá bạc-bẽo.

Tóm lại, sự yêu nghề là yếu-tố thiết-yếu để thành-công trong bất kỳ ngành-nghiep nào thì lại rất thiếu-sót ở phần đông nhà giáo hiện nay vì những lý do chủ-quan hay khách-quan mà chúng ta phần nào khó tránh khỏi. Đó là đường nét thứ nhất của chân dung nhà giáo.

Hậu quả của tình trạng đó là, về phía nhà giáo, sự già nua, mỗi một đến một cách nhanh chóng và tinh thần cầu tiến tiêu ma như mây khói. Vì sự trẻ trung bằng hái là cái gì rất bạc tình, chỉ chịu ở

lại với người yêu đời vui tính và ưa rời bỏ kẻ nào chán chường, cau có. Nhưng làm sao chúng ta có thể vui vẻ được khi chúng ta không yêu nghề, khi chúng ta không thấy say mê hơn là chỉ làm công việc như chịu đựng một cực hình kéo dài ! Và đã như vậy thì còn ai chịu học hỏi để trau dồi nghề nghiệp của mình ? Cho nên không yêu nghề là chúng ta đi thụt lùi trước đà tiến chung bởi nghề dạy học rõ rệt là một nghề đòi hỏi không ngừng sự cầu tiến.

Song song với những hậu quả xảy ra với nhà giáo, về phía học trò, những ngao ngán và hoài nghi càng gia tăng trong tâm thức. Học trò làm sao yêu thích và tin tưởng những gì trong lời thầy khi chính thầy nói những điều đó bằng tất cả cái mệt mỏi chán chường của mình.

Và như vậy, nếu hai phía thầy trò tạo nên nền giáo dục học đường thì sự không yêu nghề của nhà giáo là một trong những khí giới bén nhất để giết chết nền giáo dục đó !

— b) Đường nét thứ hai trong chân dung nhà giáo hôm nay là sự đặt lầm mục đích khi làm nghề thầy giáo :

Đặt lầm mục đích khi làm nghề thầy giáo có nghĩa là nhà giáo quên đi rằng kết-quả của công-cuộc giáo-dục (cái lợi của giáo-dục) là dành cho người được giáo-dục, không phải người giáo-dục. Đây là tình-trạng có ở một số có lẽ không ít nhà giáo hiện nay khi chúng ta biến nghề dạy học thành một cách sinh lợi quá đáng. Nói một cách sống-sượng dễ va-chạm tự-ái chúng ta là chúng ta lầm-lẫn khi muốn làm giàu bằng nghề giáo !

Tình-trạng này cũng có những nguyên

nhân và hậu-quả rõ-rệt của nó.

Nguyên-nhân thứ nhất là sự chúng ta không ý-thức rõ giáo-dục là gì, nhà giáo-dục là gì, đóng vai trò thế nào trong những tương-quan xã-hội. Người ta có thể, đề biện-hộ cho mình hay đề tỏ ra thông-thái, lý-luận rằng quan-niệm về giáo-dục thì phức-tạp, không đồng-nhất, biết quan-niệm nào là đúng. Nhưng thật ra, bằng cái lương-thức trung-bình của một người bình-thường, có lẽ chúng ta có thể đồng-ý với nhau rằng giáo-dục chính là công-việc hướng dẫn cho người khác tự định-hướng, kêu gọi cho người khác tự khám-phá cùng cách sống của họ bằng cách trình-bày những mẫu-mực đã được thời-gian tinh-lọc trong văn-hóa của những tập-đoàn nhân-loại. Và chính vì không chịu ý-thức cách bình thường điều đó — rằng giáo-dục là một công-cuộc có tính cách văn-hóa, cao-thượng hơn một số ngành sinh-hoạt khác, chẳng hạn thương-mại —, chúng ta rất dễ quên đi vai trò của mình là một nhà giáo dục — là người sinh hoạt trong một lãnh vực đầy tính chất sáng tạo liên tục của một nghệ sĩ chân chính, đầy tính chất khắc khổ của một nhà đạo hạnh, và đầy tình thương bao la của một giáo chủ... — để vô tình tự đồng hóa mình với một nhà buôn chữ nghĩa, kiến thức !

Nguyên nhân thứ hai của tình trạng đặt lầm mục đích khi làm giáo dục là vì chúng ta đã hấp thụ một nền giáo dục thiếu căn bản dân tộc, một nền giáo dục thư lại kéo dài từ thời Pháp thuộc. Đó là một cái học cổ ý dạy con người thiên trọng vật chất hơn tinh thần, thiên trọng những tiện nghi vật chất hơn những bồi bổ tâm linh. Hơn nửa thế kỷ nay, chúng ta học để làm công

chức, để thụ hưởng trong vòng cá nhân chủ nghĩa ích kỷ bề rạc hơn là để phóng mình vào những hy sinh cao đẹp hơn cho sự ngàng đầu lên của dân tộc dưới sức nặng của hết ngoại xâm này đến ngoại xâm khác ; chúng ta đã, ngay khi đóng vai trò nhà giáo, cũng chỉ nghĩ đến cái lợi của riêng mình. *Làm sao kiếm được nhiều tiền, đó là mục đích tối hậu của chúng ta trong cái xã hội nô lệ từ bao đời cha ông chúng ta này !*

Nhưng thật là bi đát khi thực tế cho thấy nếu chúng ta muốn làm cho nhiều tiền bằng nghề giáo thì cũng chính là quay lưng lại ngành nghề của mình.

Và hậu quả của tệ trạng này cũng nằm ở hai mặt thầy, trò.

Một khi nhà giáo muốn làm được nhiều tiền thì càng ngày càng trở thành kẻ bán hàng chữ nghĩa một cách thâm hại, xuống thang một cách khó tưởng tượng về mặt tinh thần. Khi chúng ta muốn kiếm được nhiều tiền trong nghề giáo, chúng ta sẽ tự ý giũ cho tròn cá tính mình để dễ lấy lòng kẻ có thể lực (chủ trường tư hay những chức sắc trong nhiệm sở), hay kết bè kết cánh nhau để chen ép những đồng nghiệp cô thế hơn, trong chủ ý có nhiều giờ dạy. Đôi khi, ngược lại, tìm cách dạy càng ít giờ càng tốt để dành thì giờ cho những sinh hoạt khác sinh lợi nhiều hơn không liên quan gì đến giáo dục hay đôi khi phản lại những gì cao đẹp cần có trong giáo dục. Và rồi, để đối phó với đám đệ tử luôn luôn soi mói, chúng ta sẽ dùng bất kỳ thủ đoạn phản giáo dục nào để lấp đầy những thời gian thầy trò giáp mặt. (1). Dĩ nhiên khi phân tích tình trạng này, chúng ta không thể quên đi tình trạng kinh tế chật vật hiện tại mà tất cả chúng

ta phải đối phó hàng ngày. Nhưng thật ra thì một số trong chúng ta đôi khi tỏ ra có ý kiếm tiền một cách thái quá khi đang đóng vai trò nhà giáo, đã cố ý dùng tình trạng kinh tế để tự biện hộ như một tấm mộc giả tạo.

Nhưng tại sao chúng ta lại cần nhiều tiền đến thế ? Có lẽ chính vì cái căn bản tinh thần của chúng ta không vững. Chúng ta ngập chìm giữa những thành phố và chạy đua theo theo nếp sống vật chất phố thị của người chung quanh. Làm gì mà mới ra trường, chúng ta đã muốn có ngay một cái Vespa hay Lambretta mới toanh, một máy ảnh loại tốt nhất, một máy đĩa hát loại hảo hạng và nhiều những tiện nghi vật chất thông thường khác của một thị dân trưởng giả? Làm gì mà chúng ta phải sắm nhiều y phục mới cùng giày vớ đến thế? Hình như chúng ta thích nhẩy đầm, thích đi nhà hàng quá! Và hình như chúng ta cũng thích đánh bạc quá! Đến nỗi phải dạy hàng bốn năm chục giờ mỗi tuần cả ở trường công lẫn trường tư, đến nỗi cả tuần không để mắt đến một quyển sách hay một tờ tạp chí nào !

Chúng ta chạy đua theo đà xâm nhập của vật chất từ ngoài lại thì biết đến bao giờ mới thấy đủ, và đến bao giờ mới hết đồ lỗi cho hoàn cảnh. Trong khi thực ra, trừ trường hợp bất khả kháng phải nuôi sống gia đình đông đúc quá, chúng ta chỉ cần dạy một số giờ tương đối đủ nào đó, và bằng một cách sống giản dị hơn, tương đối đạo hạnh hơn, chúng ta có thể đủ được. Tại sao chúng ta không thể

(1) Xin xem lại bài GIÁO SƯ TRUN HỌC, ANH LÀ AI? trên các số Bách-Khoa số 277, 278, 279 tháng 7-8/68 của cùng người viết.

đồng ý với cõ nhân là “tri túc thường túc”? Thay vì chạy theo những trò du hí và những cách hưởng thụ phù phiếm tại sao chúng ta không nghĩ đến sự bồi bổ trí tuệ bằng sách vở, di dưỡng tính tình bằng thiên nhiên và chăm sóc đến sức khỏe bằng sự điều độ hơn? Thật là buồn để nói là đôi khi nhà giáo chúng ta có đủ hết các tiện nghi vật chất trong nhà mà tủ sách thì lèo tèo năm ba quyển như thề thứ đồ chẳng liên quan gì đến nghề nghiệp của mình.

Khi đặt làm mục đích trong nghề giáo, có lẽ là chúng ta tiếp tay một cách đáng trách nhất làm mục thối thêm cái xã hội vốn đã mục thối này và chính là vô tình giết chết chúng ta trong lao tâm lao lực quá đáng.

Hậu quả của tệ trạng này về phía học trò là, những mối nghi ngờ và khinh mạn đối với thầy giáo càng nhuốm dần. Thầy giáo trước mắt học trò bao giờ cũng là điểm kết tụ những gì tinh túy, thuần thành nhất của văn hóa, là người có phép mẫu thời tan lớp tro bụi thời gian để trình bày những gì vàng son nhất, chọn lọc nhất của những thế hệ người đã qua, giúp cho học trò tự xác định mình. Cho nên nếu nhà giáo có một nếp sống tầm thường dưới mức trung bình không chịu khó chấp nhận một số hy sinh cần thiết, học trò không thể nào không hoài nghi những gì được thầy dùng ngôn ngữ đề nghị ra như chân lý trong văn hóa nhân loại Dĩ nhiên hoài nghi là một yếu tố tốt trong giáo dục nếu đó là một hoài nghi thúc đẩy sự tự khám phá. Nhưng ở đây chỉ là một hoài nghi để phủ nhận. Phủ nhận thầy giáo, phủ nhận học đường, phủ nhận sách vở, phủ nhận cả sự học. Như vậy khác

chỉ phủ nhận vô ý thức một thực tại là nhân loại có văn hóa và người sinh sau phải khai-thác văn-hóa đó làm vốn sống. Sự phủ-nhận đó thể-hiện ngấm-ngấm hay rõ-rệt khi học trò ngấm-ngấm hay công-khai khinh thầy.

Vậy thì chỉ còn một đường là chúng ta rán chấp-nhận những hy-sinh bất-khả vô của nghề-nghiệp. Vì nếu chủ-trương hưởng-thụ, nếu đặt làm mục-đích ngay khi chúng ta là nhà giáo, có lẽ chúng ta vô-tình góp phần đẩy giáo-dục vào chỗ bí lối cùng cực trong đó mỗi chúng ta mang thân-phận của một đinh ốc trong cả một bộ máy hư nát! Thành ra, nhà giáo có lẽ là người có một cuộc sống hai mặt uyên-chuyên nhất: Trong những giờ phút dành cho sự di-dưỡng, bồi-bổ nghề-nghiệp, chúng ta phóng vào bên trong — hướng nội — để tạo hạnh-phúc cho mình, và trong những giờ phút thực-sự đóng vai nhà giáo trong giao-tiếp với học trò, chúng ta phóng ra ngoài — hướng ngoại — để góp phần gây dựng hạnh-phúc cho nhân-quần xã-hội. Vì thế, hy-sinh, cầu tiến liên-tục là cái gì bất-khả vô mà ích-kỷ, buông xuôi là cái gì bất khả hữu nơi một nhà giáo.

c) Đường nét thứ ba trong chân-dung nhà giáo hôm nay là không có cái nhìn xa rộng về thực-trạng đất nước:

Chúng ta là nhà giáo và chúng ta chỉ biết có dạy học. Chúng ta sống có vẻ như tách rời khỏi thân phận của đất nước. Mỗi tuần làm việc một số giờ ở trường rồi về buông xuôi, khép kín, không cần biết lớp tuổi trẻ đệ tử mình đang ao ước và chịu đựng những gì, không cần biết những giai tầng đồng bào khác đang sống ra sao... Chúng ta cứ tưởng như dạy tận tụy một số giờ, chấm kỹ lưỡng một số bài tập là đã

làm xong tất cả vai trò của nhà giáo. Trong khi đứng lễ nhà giáo chúng ta phải ý thức hơn ai hết thân phận của một xứ sở nô lệ vừa thoát khỏi nanh vuốt của thực dân kềm cũi và đang được ru ngủ êm đềm trong vòng tay ân ái lỏng lẻo của thực dân kiểu mới. Và từ ý thức đó nhà giáo chúng ta có một sứ mạng trọng đại là đặt người đi học vào trong thực trạng đất nước, kêu gọi ước mơ một ngày kia bứt bỏ xích xiềng nô lệ cho dân tộc ngẩng đầu lên đi tới, trong tâm thức thế hệ mới đến. Thế hệ đàn anh chúng ta và cả chúng ta đã và đang không đủ sức bứt bỏ xiềng xích. Nhưng tại sao nhà giáo lại không nghĩ đến sức mạnh của những thế hệ mai hậu nếu được un đúc ngay từ bây giờ?

Cho nên khi thiếu một cái nhìn sắc cạnh, xa, rộng trên thực tại đất nước, công việc của chúng ta hàng ngày không hơn không kém chỉ là công việc xào nấu một số kiến thức tạp nhạp không ích lợi gì cho việc đẩy lui những quẩn quại ê chề truyền kiếp của dân tộc, mà chỉ có mỗi một ích lợi là nuôi sống được thân ta và năm ba người thân thuộc!

Nhưng tại sao chúng ta lại sống tách rời thực trạng đất nước như thế? Có nhiều nguyên nhân, trong đó cái mặc cảm sợ chính-trị và những thành kiến cố chấp lỗi thời về chính trị có lẽ là hai nguyên nhân chính. Cả hai đều có những tai hại trầm trọng của chúng.

Trước hết là *mặc cảm sợ chính trị*, vì chúng ta quan niệm chính trị phải ở ngoài học đường. Quan niệm đó hoàn toàn đúng, vì nếu chính trị len lỏi vào học đường sẽ biến quần chúng học sinh thành những đàn cừ non cho những kẻ lợi dụng. Nhưng quan niệm đó hoàn toàn không có nghĩa là nhà giáo bắt buộc phải không được tìm hiểu chính

trị, không được đề ý tới thể đúng của đất nước mình chênh vênh thế nào trong giai đoạn lịch sử đang diễn ra giữa những âm mưu chính trị thế giới phức tạp đang bủa vây chung quanh.

Không tham dự vào những sinh hoạt chính trị tạm bợ đen tối trong hiện tại không có nghĩa là chạy trốn việc xác định cho mình một thái độ chính trị trước tình cảnh đất nước.

Di nhiên thái độ chính trị của nhà giáo phải bén nhạy nhất, bình tĩnh nhất để ăn khớp với, không đi ngược lại tâm thức tập thể của cả một dân tộc trước những nguy vong chung. Bởi vì, có một thái độ chính trị đúng là cần thiết thì có một thái độ chính trị sai lầm, thiên cận là vô cùng nguy hiểm.

Vì vậy, nguyên nhân thứ hai của việc không có một cái nhìn xa rộng trên thực tại đất nước hiểu như một thái độ chính trị đúng mức là *những thành kiến cố chấp lỗi thời về chính trị*. Có người vì đứng vào một hàng ngũ chính trị nào đó mà luôn luôn khép kín trước những bước đi làm nên đà tiến trong tâm thức chính trị chung của lịch sử đất nước. Do đó, chúng ta sẽ dễ trở nên thiên cận, lạc hậu và đôi khi trở thành đá cản đường vận động quật khởi của dân tộc.

Song song với những nguyên nhân đó, hậu quả của việc khiếm khuyết một thái độ chính trị tiến bộ, đúng mức nơi nhà giáo là *không thể nào đặt được người học trò vào trong thực trạng đất nước* đề, càng lớn lên, người thanh niên này càng thấy thiết thân với cái đại thể dân tộc bị thảm quẩn quại trong đó mình có mặt, và nghĩ đến phải làm gì cho người chung quanh. Sự nhà giáo tách rời ra khỏi thực tại đất nước là cha sinh của

sự đó nơi học trò. Và như vậy, lớn lên, tuổi trẻ rất dễ làm bất kỳ điều gì dù ô nhục để vinh thân phì gia mà quên đi những khuôn mặt đồng bào cùng màu da cùng dòng máu đang bị những bạo lực phi nhân chà đạp.

Hậu quả thứ hai là nhà giáo không thể làm cho học trò thấy được mối liên-lạc giữa học đường và xã-hội. Ra ngoài xã-hội thì bị chèn ép, giằng-xé giữa những thế-lực không cùng mà vào học đường thì không bao giờ được nghe một phân tích, một hướng dẫn sáng-suốt nào. Học trò vì thế càng ngày càng thấy không nhờ vả được gì ở học đường và, nếu có những nỗi loạn chống lại học đường thì phải hiểu rằng không phải bản-chất của tuổi trẻ là nỗi-loạn mà chính vì bản-chất của học đường ngày nay là bất lực, hay ngoảnh mặt quay

lưng trước sứ-mạng giúp tuổi trẻ tự định-hướng.

Cho nên, tóm lại, nếu chúng ta cứ tiếp tục cái lối giáo-dục vô thưởng vô phạt hiện tại thì chính là chúng ta kéo dài một nền giáo-dục mất nước vì nền giáo-dục này không dạy tuổi trẻ ý-thức bốn-phận mình phải có trong cuộc chuyển mình quật khởi để lột xác tiến bộ của đất nước mà chỉ dạy tuổi trẻ kèn cựa nhau, xô lẫn nhau giật lấy những ưu-thế đề — noi gương cha anh mình — thụ-hưởng và ích-kỷ! Chúng ta khẳng-định như thế vì mọi vấn-đề trên mặt đất này là vấn-đề của và do con người. Cái chân-dung như thế nào đó của nhà giáo dĩ nhiên nói lên cái khuôn dáng như thế nào đó của cả nền giáo dục.

HUỖNH-PHAN

ASPRO



trị:

CÁM CÚM ĐAU NHỨC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



PUB. TÂN-TRÍ

KN 226.8YT



Nhức đầu *• Nhức* **Budon** **TRI:**

Nhức răng, nhức môi đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

KN số 1211/BYT/QCĐP

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

từ tháng 5/70

trên bán nguyệt-san BÁCH-KHOA

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	3800 đ.
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	2000 đ.
o o o				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2800 đ.
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1400 đ.
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	700 đ.

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên, có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty quản-lý tạp-chí Bách - Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ. T. 25.539.

● LÂM NGŨ ĐƯƠNG

NGUYỄN - HIỂN - LÊ dịch

Thơ Trung-Hoa

L.T S. Trong những sách của nhà văn Trung quốc Lâm-Ngũ-Đường có hai cuốn được người Phương Tây chú ý đến nhiều hơn cả là The importance of living và My country and my people Cuốn đầu đã được ông Nguyễn-Hiển-Lê lược dịch và cho xuất bản, mang tên là Một quan niệm về Sống đẹp. Cuốn sau Ông Nguyễn-Hiển-Lê căn cứ vào các bản Hoa dịch và Pháp dịch, lựa một ít chương về tôn giáo và văn học Trung-hoa dịch ra tiếng Việt rồi gom lại dưới nhan-đề: Nhân sinh quan và văn thơ Trung Hoa, do nhà Ca-đao sắp xuất bản. Bài Thơ Trung Hoa sau đây trích trong cuốn sách nói trên và chúng tôi đăng thêm một phần lời Tựa để giới thiệu với bạn đọc sơ lược tiểu sử của tác-giả cuốn sách.

Nhà văn LÂM - NGŨ - ĐƯƠNG

Lâm Ngũ Đường (Lin Yutang), chính danh là Ngọc Đường, cùng với Hồ Thích được Âu Mỹ biết tên nhất. Cả hai đều giới thiệu cổ học và văn minh Trung Hoa với phương Tây, Hồ sâu sắc hơn, Lâm tài hoa hơn.

Ông sanh năm 1895 ở Phúc Kiến trong một gia đình rất mộ đạo, cha làm mục sư. Hồi nhỏ ông hấp thụ giáo dục của Giáo hội, sống cơ hồ như cách biệt với các trẻ em khác, không được vô hí viện Trung Hoa, không được nghe hát Trung Hoa không biết chút gì về lịch sử, truyền thuyết Trung Hoa mà thuộc lâu lâu đời của Nữ Thánh Marie, Chúa Kí Tô, Abraham, David..., điều đó sau lớn lên ông lấy làm xấu hổ:

« Chưa tới mười sáu tuổi tôi đã biết rằng các kèn đồng của Josué đã làm sụp đổ tường ở Jéricho, nhưng tới hồi tôi ba mươi tuổi mà vẫn chưa biết truyện nàng Mạnh Khương: Chông nàng chết vì xây Vạn lý trường thành, nàng lặn lội tới nơi, tìm được hài cốt của của chồng, khóc nức nở tới nỗi nước mắt làm trôi một khúc thành vì đại đó. Những người Trung Hoa dù vô học cũng không dốt sử như tôi hồi đó».

Khi ông vô trường Nhà Dòng thì lần lần ông quên hết ít đoạn trong Tứ Thư thân phụ đã dạy cho mà theo một nền giáo dục hoàn toàn vong bản. Năm 1916, ông xuất thân trường St John ở Thượng Hải, dạy Anh Văn ở

trường Đại học Thanh Hoa được ba năm rồi qua Mỹ học trường Harvard về Khoa Ngôn ngữ, lại qua Đức học Triết ở trường Đại học Leipzig.

Năm 1923 ông về nước dạy học ở Bắc Kinh, Hạ Môn. Năm 1927 làm việc ở bộ ngoại giao. Nhưng rồi tự xét mình không thể là hạng « thực nhực » (1) được, mặc dầu rất thích món thịt bò áp chảo, nên bỏ chính trị mà xoay qua làm một học giả, nghiên cứu ngôn ngữ ở Trung ương Nghiên cứu viện.

Từ hồi trở về nước ông mới thấy sở học của mình thiếu sót quá, văn minh phương Tây thì rành rọt mà văn minh phương Đông thì mù tịt, ông phát phần, cần cù tìm hiểu cổ học của dân tộc ông. Và điều ông cho là rủi lại chính là điều may : ba mươi tuổi ông nghiên cứu cật lực học với một tinh thần mới mẻ và với những hứng thú của một thanh niên phương Tây, khám phá được nhiều cái kỳ diệu của Phương Đông nhờ không theo con đường mòn của phái cựu học mà lan man đọc các tác phẩm của các triết gia, văn sĩ bị phe chính thống chê là nhảm nhí, không hợp đạo thánh hiền.

Vốn có tinh thần tự do, độc lập, ngay từ thời thiếu niên — tuổi đó thường là mộ đạo nhất — ông đã bất mãn về một số tín điều của giáo hội, nhất là về tư cách, tinh thần cố chấp của một số mục sư, nhưng vẫn còn là một tín đồ nhiệt tâm, chỉ lâu lâu âm thầm đau khổ vì những mâu thuẫn trong lòng thôi. Sau cùng một hôm ông được cứu thoát, tối chưa rõ vào hồi nào, có lẽ là trước ba mươi tuổi. Lần đó ông biện luận với một bạn đồng sự, bảo :

— Nhưng nếu không có Thượng-Đế thì còn ai làm điều thiện nữa và thế-giới sẽ điên-đảo mất.

Ông bạn đó theo Khổng-giáo, đáp :

— Tại sao lại như vậy ? Chúng ta phải sống một đời sống hợp đạo chỉ vì chúng ta là những con người hiếu đạo, thế thôi.

Nghe lời giảng đó về sự tôn nghiêm của đời sống con người, ông cắt hết mọi liên-lạc với đạo Ki-Tô.

Nhưng không phải vì vậy mà ông thành một môn-đồ của Khổng-Mạnh. Ông thấy tôn-giáo nào hợp với ông thì theo. Vì trọng chủ-nghĩa cá-nhân, ông cho đạo Khổng là gò bó quá, nhưng vẫn quý đạo Trung-dụng và tinh-thần gia-đình của Khổng-giáo ; ông thích tinh-thần khoáng-đạt, chủ-trương trở về thiên-nhiên của Lão, nhưng không trốn đời, không triệt để hoài-nghi. Có thể nói ông dung-hòa được Khổng và Lão, như Đào-Uyên-Minh, Tô-Đông-Pha, hai thi hào ông trọng nhất. Ông gần Đào ở điểm ông không thích làm quan, và gần Tô ở giọng trào-phúng dí-dỏm.

Về văn chương, vì trọng tự do, tự nhiên nên ông theo phái Tính linh do ba anh em Viên Tôn Đạo, Viên Hoảng Đạo, Viên Trung Đạo đời Minh thành lập ở cuối thế kỷ XVI. Phái này chủ trương khi viết cứ diễn đúng tình cảm tư

(1) Danh từ này có từ thời Xuân Thu hay Chiến Quốc, nghĩa đen là hạng người ăn thịt nghĩa bóng trở bợm cầm quyền trị dân, các quan lớn quan bé. Vì thời đó chỉ hạng đó mới được ăn thịt, còn dân chúng nghèo, phải ăn rau.

tướng, của mình — tức tính tình tâm linh, của mình — không được giấu giếm cái xấu, khoe khoang cái tốt, không sợ người khác chê cười mà cũng không sợ trái với lời thách hiên thời xưa. Văn xuôi phải tự-do, uyển chuyển, nhẹ nhàng lướt tới, không bị qui tắc gò bó, không được giản ước, cô đọng, chải chuốt, cũng không được tổ chức chặt chẽ nữa, mà phải như “ hành vân lưu thủy ” (văn của Tô Đông Pha), hơn nữa phải có cái giọng thân mật như trong cuộc đàm thoại thanh nhã.

Vì vậy chẳng những ông ghét thề-biển-ngẫu, mà còn chê cả cổ-văn, như chê bài Ngũ-liễu tiên-sinh truyện của Đào-Uyên-Minh là nhạt-nhẽo.

Nhờ có ba điều-kiện kể trên : một kiến-thức quảng-bác quán-thông đông-tây ; một tinh-thần tự-do, khoáng-đạt, không xu-thời cũng không tôn-sùng riêng một thánh-nhân nào, can-đảm phát-biểu quan-niệm của mình ; một bút-pháp tự-nhiên, thân-mật, thành-thực, lưu-loát mà dí-dỏm, nên Lâm-Ngữ-Đường nổi danh ngay từ hồi mới cầm bút, tự gây cho mình một địa-vị đặc-biệt trong văn-học Trung-Quốc hiện-đại.

Tới nay ông đã viết được năm sáu chục cuốn : tiểu-thuyết, tùy-bút, tiểu-sử, cáo-luận, phê-bình, văn-học, triết-học, dịch danh-tác Trung-Hoa ra Anh ngữ, dịch danh tác Âu Mỹ ra Hoa ngữ ; hai cuốn được người phương Tây thường thức nhất là *The importance of living* và *My country and my people*. Cả hai đều có bản Hoa dịch và Pháp dịch.

Mấy năm trước tôi đã lược dịch cuốn trên, nhan đề là. *Một quan niệm về sống đẹp* ; cuốn dưới dày quá, nay tôi chỉ lựa ít chương về tôn giáo và văn học Trung Hoa để giới thiệu với độc giả, và gom lại dưới nhan đề : *Nhân sinh quan và Văn thơ Trung Hoa*. Vì nguyên tác viết từ 1936, nên tôi đã lược dịch thêm một diễn văn của Lâm đọc năm 1961 ở Mỹ, để bổ túc phần Văn học.

Tác giả không có ý đào sâu vấn đề mà chỉ nhằm mục đích giới thiệu văn minh Trung Hoa với người phương Tây ; ý tưởng của ông khi đột ngột quá làm cho chúng ta mỉm cười, nhưng đọc rồi, ai cũng phải nhận rằng tác phẩm vừa vui bổ ích ; nó rất thích hợp với những người chỉ cần có một kiến trúc phổ thông về Trung Hoa ; mà đối với những vị đã biết ít nhiều về cựu học thì nó là một cửa sổ mở thêm cho mình thấy một vài khía cạnh mới mẻ để có dịp kiểm điểm lại những nhận xét của mình.

THƠ TRUNG-HOA

Có thể nói rằng thơ đã thâm-nhập vào đời sống người Trung-Hoa hơn là vào đời sống người phương Tây và nó không bị xã-hội coi thường như ở phương Tây. Mỗi văn-nhân Trung-

Quốc cũng là một thi-nhân hoặc tự cho mình là thi-nhân và thơ chiếm một nửa tác-phẩm của họ. Từ đời Đường, chế-độ khoa-cử thường coi thơ là môn khảo-thí quan-trọng nhất. Cha mẹ muốn

kén rề, hoặc ngay những thiếu-nữ muốn kén chồng, cũng thường căn-cứ vào tài làm thơ của người giam hỏi mà quyết-định. Có khi bọn phạm tội nhờ khéo chấp ít văn-thơ làm cảm-động nhà cầm-quyền mà được tha tội hoặc giảm tội, đối đãi khá hơn. Vì thơ được coi là thành tựu tối cao của nghệ thuật, hễ thơ hay thì là có văn tài. Lại thêm họa cũng liên quan trực tiếp với thơ, cả hai cùng có một tinh thần, một kĩ thuật, cùng một căn bản, cơ hồ như hòa đồng với nhau,

Tôi cho rằng ở Trung-quốc, thơ có nhiệm vụ thay thế tôn giáo, nghĩa là có nhiệm vụ làm cho tâm hồn thanh khiết, cảm được cái bí mật cũng cái đẹp của vũ trụ, gây cho con người tấm lòng thương đồng loại và mọi sinh vật. Tôn giáo chỉ là một thứ linh cảm hoặc xúc động run rẩy. Người Trung-Hoa không thấy được linh cảm hoặc xúc động đó trong tôn giáo của họ; họ coi tôn giáo chỉ như một môn trang sức, điểm xuyết làm cho đời sống hằng ngày bớt khổ não, nhất là trong những lúc đau ốm hoặc là cõi trần. Vì vậy họ phải tìm nguồn linh cảm và xúc động trong thơ.

Thơ đã dạy cho họ một nhân sinh quan; nhân sinh quan đó do các tục ngữ và các bức hội họa xâm nhập vào mọi giới trong xã hội, khiến cho mọi người có lòng từ-bi, rất yêu thiên nhiên, một số chấp nhận cuộc đời một cách phong nhã, vui vẻ. Thơ miêu tả thiên nhiên mà làm lành được nhiều vết thương tinh thần; thơ dạy cho người Trung Hoa cái nghệ thuật hưởng một cuộc đời bình dị, giữ cho văn minh Trung Hoa giữ được một lí tưởng hiền lương, thanh khiết. Đôi khi nó làm xúc

động bản tính lãng mạn của mọi người Trung Hoa và làm cho họ vượt lên trên cái kiếp trần lao khổ vô vị của họ. Có khi thơ gợi nỗi buồn rầu, niềm an phận những tình cảm bị ức chế của họ, đi sâu vào cõi lòng họ, và họ thấy một thứ u sầu thích thú. Thơ dạy cho họ thích nghe giọt mưa lộp độp trên tàu chuối, dạy cho họ cảm thấy cái đẹp của ngọn khói từ mái nhà tranh tỏa lên, lẫn với mây chiều ở lưng chừng một ngọn đồi; dạy cho họ ngắm cái vẻ trắng muốt của hoa điều la (thỏ-ti-tử) ở bên đường, nghe tiếng tu hú hót mà nhớ tới lời than thở của người tha hương nhớ mẹ, thơ làm cho họ thương cảnh các cô thôn nữ hái trà, hái dâu, thương cảnh một tình nhân bị phụ bạc, thương người mẹ có con tòng quân, thương bọn dân đen chịu mọi tai họa của chiến tranh. Hơn nữa, thơ còn dạy họ hòa đồng với mọi vật trong vũ trụ, thờ các thần núi sông, hoa cỏ, xuân tới thì lòng dào dạt bỡ ngỡ xuân, hè tới thì thiu thiu nghe tiếng ve sầu như gõ nhịp thời gian trôi qua, thu tới thì u sầu nhìn lá vàng lá tả, và đông tới thì "đạp tuyết tầm thi". Thơ quả là tôn giáo của người Trung Hoa. Bấy nhiêu chắc đủ cho độc giả tin rằng không có thơ (thơ trong đời sống hằng ngày cũng như trong văn tự) thì dân tộc Trung Hoa không tồn tại được tới ngày nay. Nhưng nếu không có những điều - kiện thuận-tiện thì thơ không chiếm được địa-vị như vậy trong đời sống Trung-Hoa. Trước hết về phương-diện văn-chương và nghệ-thuật, người Trung-Hoa có cái thiên-tài dùng những hình ảnh cụ-thể để đập vào tình-cảm, và miêu-tả cái "không khí ở chung quanh", thiên-tài đó thích-hợp đặc biệt với thơ. Họ có xu-hướng trước bỏ bớt

đi, chỉ giữ vài ý, vài hình ảnh để gợi cảm, lý-tưởng hóa, thành-thử họ không có tài về văn xuôi, mà có tài về thơ.

Nếu quả như Bertrand Russell nói : « về nghệ thuật họ muốn được tình nhã, và sinh hoạt họ muốn hợp tình hợp lý », thì tự nhiên là họ đạt được cái mức trác việt về thơ.

Thơ Trung-Hoa rất tình-nhã, không khi nào dài, không có giọng hùng-mạnh, nhưng tạo được những viên ngọc về tình cảm, và chỉ trong vài nét đơn sơ vẽ được một tình cảnh thần diệu vừa điều hòa, vừa sinh động.

Lại thêm tư tưởng Trung Hoa cho thơ là tuyệt đỉnh của văn nghệ. Nền giáo dục Trung Hoa muốn đào tạo con người hiểu biết về mọi mặt, học thuật Trung Hoa chú trọng vào sự phát triển một kiến thức điều hòa. Những khoa học chuyên môn như hóa khảo cổ, đã rất ít mà ngay những nhà khảo cổ Trung Hoa cũng là những người thường như chúng ta, nghĩa là có thể săn sóc tới gia đình, ngắm một cảnh lê ở trong vườn. Thơ là một nghệ thuật cần một tài năng tổng hợp, nói cách khác, là một tài năng nhìn đời dưới mọi khía cạnh của nó.

Nhưng còn một lẽ nữa cho ta hiểu tại sao thơ được coi trọng nhất : thơ là sự kết tinh của tình cảm, mà tư tưởng Trung Hoa do tình cảm hướng dẫn, không liên quan gì tới khả năng phân tích. Không phải do ngẫu nhiên mà người Trung Hoa thường nói « mãn phúc văn chương » (đầy một bụng văn chương) hoặc « mãn phúc kinh luân » (đầy một bụng kinh luân). Các nhà tâm lý học phương Tây đã chứng minh rằng bụng là nơi chứa tình cảm, và do lẽ con người không thể suy nghĩ mà hoàn toàn không dùng tới tình cảm, cho nên tôi muốn tin rằng chúng ta suy nghĩ vừa bằng đầu óc vừa bằng bụng. Trong tư tưởng phần tình cảm mà nhiều thì ta bảo là

nghĩ trong bụng. Cho nên nữ sĩ Isadora Duncan cho tư tưởng của đàn bà bắt nguồn từ bụng rồi đi lên đầu, còn tư tưởng của đàn ông xuất phát từ đầu rồi đi xuống. Lời đó rất đúng với người Trung Hoa. Nó hợp với thuyết của tôi rằng dân tộc Trung Hoa có nhiều nữ tính. Khi nói về một nhà văn tận lực tìm ý, người Anh bảo nhà văn đó « nặn óc » ra, còn người Trung-Hoa bảo nhà-văn đó « rút ruột » ra để tìm một chữ, một câu cho vừa ý. Một lần, sau bữa cơm tối, thi-sĩ Tô-Đông-Pha hỏi các ái-thiếp ông thử đoán xem trong bụng ông có gì. Triệu Vân, người thiếp thông-minh nhất, hóm hỉnh nhất đáp rằng bụng ông chứa đầy những ý nghĩ không thể nói ra được. Người Trung-Hoa làm thơ bằng bụng nên thơ họ hay.

Lại thêm có một liên-quan rất chặt-chẽ giữa ngôn-ngữ và thơ Trung-Hoa. Giọng thơ thì phải có nhịp mà tiếng Trung-Hoa có đủ nhịp-nhàng. Thơ thì phải gợi ý mà ngôn-ngữ Trung-Hoa có rất nhiều tiếng hàm-súc, gợi ý. Ý thơ nên được diễn bằng những hình ảnh cụ-thể mà ngôn-ngữ Trung-Hoa đầy những tiếng hoa-mĩ bóng-bầy.

Sau cùng ngôn-ngữ Trung-Hoa có những âm-tiết rõ-ràng mà lại thiếu một số tử-âm ở cuối (consonnes finales) cho nên du dương và dễ ngâm hơn các ngôn ngữ phương Tây. Thơ Trung Quốc, lấy sự điều hòa các âm điệu làm trọng, còn thơ Anh lấy sự phân phối trọng âm (accent tonique) làm trọng. Tiếng Trung Hoa có bốn thanh: bình, thượng, khứ, nhập; bốn thanh đó chia làm hai nhóm: bình và trắc; trắc gồm thượng thanh, khứ thanh, nhập thanh, mà nhập thanh, theo nguyên tắc là thanh của những tiếng tận cùng bằng p, t, k. Tại người Trung Hoa quen phân biệt được bằng, trắc. Cả trong văn xuôi họ

cũng xen những tiết điệu bằng trắc vào cho nên văn xuôi cũng dễ ngâm như thơ. Tai ai đã quen thì nhận ngay được rằng văn xuôi của Ruskin hoặc của Walter Pater cũng có nhịp điệu thanh âm đó. Như trong tác phẩm của Ruskin, chỉ cần để ý tới sự tương phản giữa những tiếng tận cùng bằng *l, m, n, ng*, và những tiếng tận cùng bằng *p, t, k* là nhận ra được nhịp điệu đó liền.

. (1)

oOo

Nhưng trong thơ Trung Hoa, điểm chúng ta thích nhất là kỹ thuật tinh thần, và nguồn cảm hứng của nó. Các hi nhân dùng kĩ xảo tinh thần nào mà đạt được cái cảnh giới thần diệu như vậy? Họ làm cách nào mà chỉ dùng vài chục tiếng khiến một cảnh tầm thường hóa ra quyến rũ, rồi đặt nó vào một không khí nên thơ, cho ta cảm tưởng như trông thấy cảnh thật, một cảnh thật ĩnh động, tràn trề tình cảm của thi nhân? Họ theo qui tắc nào, để lựa những nét nào bỏ bớt những nét khác? Họ truyền tâm linh của họ vào cảnh vật ra sao mà làm cho vật vô tri bừng lên, rực rỡ, nhịp nhàng, sinh động? Làm sao mà hai kỹ thuật thơ và họa hòa hợp với nhau, tuy hai mà một? Làm sao mà thi sĩ thành họa sĩ, họa sĩ thành thi sĩ?

Điều làm cho chúng ta ngạc nhiên là kĩ thuật thơ Trung Hoa y hệt kỹ thuật họa. Cứ xét kĩ thuật phối cảnh xa gần (perspective) thì rõ. Về điểm đó thơ chẳng khác gì họa. Ta thử đọc hai câu thơ dưới đây của Lí Bạch (701-762).

*Sơn tòng nhân diện khởi,
Vân bàng mã đầu sinh.
Núi nhô lên khỏi mặt người
Mây hiện ra quanh đầu ngựa.*

Trước mắt ta là một bức tranh chấm phá một người cưỡi ngựa đang leo một đường mòn trên núi cao. Mấy tiếng gọn và sắc bén, mới đọc tưởng như chẳng có ý-nghĩa gì, vậy mà chỉ cần tưởng-tượng một chút là thấy thi-sĩ y như họa-sĩ, bỏ thuật phối-cảnh đi, đưa ra phía trước một vài vật rõ-rệt (mặt người, đầu ngựa) để cho chân trời ở phía sau có giá-trị. Ta hãy tạm không xét cái thi-vị trong hai câu đó: hình ảnh một người leo núi một mình; chỉ xét cái cảnh thôi, cũng thấy nó như một bức tranh vẽ một mặt phẳng không có xa gần. Người đọc thơ thấy ngay như trên một bức tranh hay một tấm hình, ngọn núi nhô lên ở chung quanh đầu người và những đám mây tụ ở gần đó thành một đường cắt ngang đầu con ngựa. Thi sĩ phải đích thân cưỡi ngựa, ở một mức độ hơi cao hơn các đám mây phía xa, mới thấy được cảnh đó. Và người đọc cũng có cảm tưởng mình đang cưỡi ngựa leo dốc, đương ngắm cảnh như thi sĩ.

Nhờ bút pháp tả cảnh sơ sài đó mà bức tranh nổi bật lên. Các lối tả khác không thể nào có kết quả đó được. Ta không thể nói rằng thi sĩ Trung Hoa cố ý dùng kĩ thuật đó, nhưng hiển nhiên là họ đã tìm ra được bí quyết miêu tả. Có thể kể hằng trăm thí dụ. Chẳng hạn Vương Duy (thi sĩ có lẽ đa tài nhất về miêu tả: 699-759) cũng dùng thuật đó khi viết:

*Sơn trung nhất dạ vũ,
Thụ sao bách trùng truyền.*

(1) Ở đây, tôi cắt bỏ một trang Lâm Ngữ Đường đem luật bằng trắc trong thơ luật đời Đường ra giảng qua cho người phương Tây, vì chúng ta hiểu rõ những luật đó rồi.

Trong núi một đêm mưa,
(Trên) ngọn cây, trăm dòng thác.

Dĩ nhiên thi sĩ phải tưởng tượng một chút mới tìm được hình ảnh trăm dòng thác ở trên ngọn cây mà làm cho người đọc được hưởng cái thú độc nhất đó : đêm mưa, nước từ khe núi xa xa tuôn xuống thành cả trăm dòng thác, cho ta cái cảm giác như từ ngọn cây đổ xuống ngay ở trên đầu mình. Cũng như trong hai câu thơ của Lí Bạch, trong hai câu này Vương Duy đã khéo lựa một vật đưa ra phía trước để làm nổi bật những vật ở phía sau (như mây, núi, thác, ngân hà) rồi vẽ cả lên một mặt phẳng. Lưu Vũ Tích (772-842) cũng tả như vậy

*Thanh quang môn ngoại nhất cù thủy,
Thu sắc tường đầu sở điểm sơn.*

Ánh sáng trong, phía ngoài cửa, một
ngôi nước.

Sắc mùa thu, phía trên tường, (nhô
lên) vài điểm núi

Kỹ thuật miêu tả ở đây đến mức toàn mĩ. Mấy ngọn núi hiện lên như mấy nét chấm ở phía sau tường đủ cho ta cái ấn tượng là núi ở xa.

Có ý thức đó, ta mới hiểu được hai câu dưới đây trong một vở tuồng của Lí Lạp Ông (thế kỉ XVII) :

*Dĩ quan sơn thượng họa, cánh khán
họa trung sơn.*

*Đã coi tranh trên núi (tức cảnh núi
đẹp như tranh) lại coi núi trong tranh.*

Cặp mắt của thi sĩ là cặp mắt của họa sĩ, thi và họa đã hợp lại thành một.

(Còn tiếp)

NGUYỄN-HIỂN-LÊ dịch

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YT DP.Đ.

BASTOS *Luxe*



巴
士
多
金
牌
煙
多
金
牌
煙
名
貴
大
方
真
地
超
等

Siêu Đẳng Thượng Hảo Hạng

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

ACTIVIT

THUỐC TRỊ LAO LỰC, BỒ MÁU, BỔ PHỔI
BỒI BỔ CƠ THỂ
CÓ CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN

Dạy con từ trong lòng mẹ

Tâm lý học đã phát triển thật phong phú với đủ ngành đủ nhánh, nào tâm sinh lý học, tâm vật lý học, tâm hình học, tâm cử học, tâm bệnh học, tâm thú học, tâm lý người già, tâm lý phụ nữ, tâm lý trẻ con v.v.... duy có thai nhi vẫn vắng bóng biên biệt. Chúng tôi thiên nghĩ có lẽ các nhà tâm lý học thế nào cũng phải thiết lập ngành tâm lý thai nhi. Bởi vì nếu tâm lý học đã đặc biệt lưu tâm đến việc giáo dục tâm lý, nhi đồng thì sẽ không thể nào bỏ quên được khoảng trước đó của trẻ.

Suốt hai mươi năm chiến-tranh tr'n quê hương, không phải chỉ những người biết cầm súng, nhập-đảng, làm chính trị mới gánh chịu tai-họa. Cũng không phải « người lớn » mới bị giết chóc mà ngay cả trẻ con vô-tội cũng phải trải qua biết bao tang-tóc, đau-thương. Ngày nay mỗi khi nhắc đến trẻ con, tưởng nên nói đến chuyện làm sao có thể bảo-vệ chúng khỏi binh xác vì súng đạn, khỏi cháy queo vì bom xăng đặc, khỏi chết đói vì thiếu ăn bởi bơ-vơ không cha, không mẹ. Hoặc phải nói đến chuyện làm sao để đừng sinh ra con quái-thai vì nhiễm độc bởi thuốc khai-quang, làm sao cho trẻ con có cơm ăn áo mặc, làm sao cho chúng được hưởng sự giáo-dục tối thiểu để khỏi trở thành ngu-dốt, cao bồi, du đảng, tội-phạm v.v...

Thật toàn là những vấn đề nóng bỏng và vô cùng quan trọng. Mãi nghĩ ngợi đến, hẳn chúng ta không khỏi bứt rứt và khó chịu. Hôm nay, chúng tôi

xin mạn phép được nói đến trẻ, trong một vấn đề dài hạn hơn và « nhân-loại » hơn, gọi là để thoát khỏi trong phút chốc cái không khí của thế giới trẻ thơ, đáng ra thật trong lành và tươi tắn, nay đã trở thành nhem nhuốc, ngột ngạt.

Dạy con từ thuở còn thơ

Ca dao ta có câu :

« Dạy con từ thuở còn thơ

Dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về »

hoặc :

Dạy con từ thuở lên ba

Dạy vợ từ thuở mẹ cha đem về.

Đó là một quan niệm đứng đắn về phương diện tâm lý. Bởi vì giáo dục trẻ khi còn nhỏ bao giờ cũng dễ hơn là để cho chúng lớn. Hiện nay ở Tây phương ngành tâm lý giáo dục nhi đồng đã tiến triển rất nhiều. Trẻ không những được giáo dục từ « thuở lên ba » mà còn được dạy dỗ ở tuổi thấp hơn. Ngay sau ngày

chào đời, đứa trẻ liền được theo dõi và phân tích tỉ mỉ sự phát triển về thể chất cũng như tinh thần. Nhờ đó mỗi loại trẻ sẽ được áp dụng những phương thức giáo dục thích hợp để cho nhân cách có thể nảy nở một cách tốt đẹp.

Đối với ngành giáo dục trẻ con như hiện nay, thiên nghĩ những tư tưởng chứa đựng trong mấy câu ca dao trên đây thật chỉ còn là những phương châm trêu tượng hơn là những phương pháp giáo dục cụ thể và thực tiễn. Tuy nhiên có một khía cạnh mà ông bà chúng ta vẫn còn xứng là những kẻ tiên phong và tiến bộ đó là cách "dạy con từ trong lòng mẹ" hay "thai giáo".

Trong xã hội Việt-Nam xưa, thai giáo chính là một thứ phong tục. Và cái gì mà phong tục đã buộc chúng ta theo thì thường có tính cách cưỡng bách hơn là thuyết giảng và chinh phục. Bởi vậy trong thai giáo, người đàn bà mang thai có những điều kiêng cử, cấm kỵ phải theo vì mê tín dị đoan hoặc để khỏi bị người chung quanh chỉ trích, đàm tiếu hơn là vì cảm thấy có lý.

Sau đây là những cách kiêng cử của người mẹ khi mang thai và xin tạm phân biệt ra hai phần:

10/ Về vật chất.

— Kiêng ăn quả sinh đôi để khỏi đẻ sinh đôi.

— Kiêng ăn trai, sò, ốc, hến để con khỏi chảy dãi nhớt.

— Kiêng ăn cua để khỏi sinh ngang

— Kiêng ăn thịt thỏ để khỏi đẻ con sút môi.

— Kiêng ăn đồ cúng, hoa quả, bánh trái ở các đám ma hay đám cưới để con khỏi sài, đen.

— Kiêng ăn những đồ quá béo bở để sinh dễ cho dễ.

— Nên cử-động khoan-thai.

— Nên ăn trứng gà để da dễ con được hồng-hào v.v...

2) Về tinh-thần :

— Kiêng chứng-kiến những cảnh đau-thương, hãi-hùng.

— Kiêng xem những tranh ảnh bất-chính.

— Kiêng có những hành-động gian-tà.

— Kiêng giận-dữ, khét-lóc, gào-thét.

— Kiêng ăn nói tục-tằn, thô-bỉ.

— Nên giữ-gìn tâm-hồn trong sạch, ngay thẳng.

— Nên nói năng từ-tốn, dịu-dàng.

— Nên vui-tươi.

— Nên treo trong nhà những tranh ảnh cao quý để nhìn ngắm như : Phật, Thánh, anh-hùng, hiền-nhân quân-tử, trẻ con xinh-xắn bụ-bẫm, phong-cảnh thanh-nhã, thanh-khiết v.v...

Chỗ hữu lý và chỗ vô lý

Theo cách kiêng cử trên đây, thai giáo nhằm đào tạo các trẻ tốt cả về mặt thể xác lẫn tâm hồn. Người mẹ không muốn con mình sút môi, sài đen, dãi nhớt lòng thông nên không ăn thịt thỏ, thịt trai sò ốc hến và đồ ăn ở đám ma, đám cưới. Người mẹ cũng không muốn mình đẻ sinh đôi nên kiêng ăn chuối sinh đôi. Theo khoa học ngày nay, không muốn đẻ con sinh đôi là điều hợp lý vì trẻ sinh đôi thường nhỏ và yếu hơn trẻ thường nên khó nuôi. Kiêng thịt trai, sò, ốc, hến cũng hợp vệ sinh vì các đồ biển thường hay làm "nổi phong".

Tuy nhiên các lý do mà cồ nhân đưa ra để buộc các bà mẹ phải kiêng cử thì thật là " kỳ cục ". Đầu phải ăn cua sẽ dễ ngang vì cua không dùng hai chân bước đến trước (như cồ nhân). Hai trái chuối dính liền ăn vào đâu có tác dụng gì khiến cho người ta phải sinh đôi? Và ăn thịt thỏ làm sao lại khiến chúng ta đẻ con sút môi được?

"Hết mọi vật đều có lý do của nó" Có lẽ cồ nhân, xưa kia trên lý thuyết, chưa biết đến nguyên-lý túc-lý (principe de raison suffisante) nhưng trong tâm hồn và trong nếp sống đã bàng bạc cái lý ấy. Họ nghĩ, nhất định phải có những nguyên nhân đã gây nên chứng tật của thai nhi. Hay nói ngược lại, những chứng tật của thai nhi không thể không do những nguyên nhân nào đó. Vậy phải tìm cho những chứng tật kia một nguyên-nhân : Nguyên nhân của chứng sút môi là thịt thỏ vì thỏ sút môi. Nguyên-nhân của chứng dài nhót là thịt trai sò ốc hến vì trai sò ốc hến rất nhiều dài nhót. Nguyên-nhân của dễ ngang là thịt cua vì cua đi ngang v.v... Như vậy cồ-nhân đã gán vào mỗi hậu-quả kia một nguyên nhân cụ thể : có thể trông thấy rõ ràng, có hình ảnh phù-hợp và dễ nhận ra chỗ liên-hệ, tương-đồng giữa nguyên-nhân và hậu-quả. Căn cứ vào đây, thiên nghĩ không phải người xưa không có óc luận-lý (prélogique) như Lévy Bruhl đã lầm tưởng mà chính cồ nhân đã biết lý luận, một lối lý luận đặc biệt.

Trên phương diện khoa học, chúng ta nhận thấy những lý do giải thích việc kiêng cử đối với người mẹ thật là thô sơ và sai lạc. Nhưng trên ý-hướng nhằm đào tạo cho tập-thể những thanh niên

khỏe mạnh, tốt đẹp thì đó là một ý hướng lành mạnh và xây dựng.

Mẹ với con tuy hai mà một

Trước hết dù có sự nhầm lẫn về phương diện y-học nhưng cồ nhân cũng đã thấy rõ sự liên-hệ mật thiết giữa cơ thể của hai mẹ con. Chẳng hạn người mẹ nên ăn trứng gà để đẻ con có nước da hồng hào, nên kiêng ăn trai sò ốc hến cho con khỏi chảy dài nhót.

Ngày nay bác sĩ cũng thường khuyên các bà mẹ khi có thai nên ăn các thứ có nhiều chất đạm (thịt, cá, đậu nành...), chất bột, (gạo, mì, khoai, ngô), chất khoáng (sữa, cải cresson, trái cây khô...) và không nên ăn mặn quá để tránh bệnh thai độc.

Đối với các chứng bệnh của người mẹ như sốt, cúm, ban nặng, hồng chần, quai bị, nhiễm độc gan, đều nguy hiểm cho bào-thai. Điều đó không khiến chúng ta lấy làm lạ bởi vì ai cũng biết thai nhi sống nhờ cái nhau nối liền từ thành tử-cung của bà mẹ đến cuống rốn của nó. Cho nên tất cả những biến-chuyển về tình-trạng sức-khỏe đều ảnh-hưởng tức-khắc và trực-tiếp đến thai nhi. Mẹ và bào-thai tuy là hai cá-nhân nhưng họ cùng chung một nhịp sống. Lúc nào người mẹ khỏe là thai-nhi khỏe. Lúc nào người mẹ ốm yếu bệnh-tật thai-nhi cũng bị ảnh-hưởng theo. Chẳng những bắt phải kiêng ăn cử uống, cồ-nhân còn bắt người mẹ không được buồn-bã, khóc-lóc. Nói theo kiểu ngày nay, người mẹ phải tránh tất cả những tâm-trạng xúc-động, có thể ảnh-hưởng và gây xáo-trộn sinh-lý của người mẹ, do đó di hại đến sinh-lý thai-nhi.

Tiến-bộ hơn nữa, cồ-nhân lại còn cho rằng tâm-hồn của người mẹ cũng ảnh-hưởng đến tâm-hồn của con. Trong thời gian có thai, người mẹ phải giữ tâm-hồn trong-sạch ngay-thẳng, nói năng từ-tốn dịu-dàng, hoạt-động nhẹ-nhàng khoan-thai để tâm-hồn con mình cũng được lây những đức-tính ấy. Tránh cho con nhiễm phải tính gia-tà, dâm-dăng, thô-bỉ tục-tấn, người mẹ phải kiêng nghĩ những điều xằng bậy, kiêng xem tranh ảnh bất chính, kiêng nói lời tục-tấn. Người mẹ lại còn có thể tự-kỷ ám-thị bằng cách nhìn ngắm những tranh tượng các nhân vật hoặc phong cảnh cao quý, thanh nhã treo trong nhà để cho tâm-hồn con mình cũng được thanh cao.

Chúng ta tự hỏi tại sao cồ-nhân lại biết tâm-hồn người mẹ có ảnh-hưởng đến tâm-hồn thai-nhi ?

Vấn-đề đó thật khó trả lời. Đối với những phong-tục tập-quán xa xưa hầu như không ai có thể quyết chắc rằng chúng xuất-hiện từ bao giờ và tác-giả là ai. Chỉ biết rằng khi một phong-tục được tồn tại, có nghĩa là nó đã được cộng-đồng công-nhận và lưu-truyền. Vào thuở khoa-học còn ở tình-trạng ấu-trì và khoa tâm-tý-học cũng như sinh-lý-học chưa có, thì thai-giáo chưa có thể được ý-thức một cách rõ-ràng và thuyết giảng một cách minh-bạch. Quan-niệm rằng có sự ảnh-hưởng giữ tâm-hồn người mẹ và thai-nhi, thiên-nghĩ có lẽ do ở kinh-nghiệm bản-thân thô-sơ hoặc do ở trực-giác của một cá-nhân vô-danh nào đó. Rồi những kinh-nghiệm sẽ được "thử", thuyết-phục và lan dần ra gia đình, thôn xóm, làng xã v.v... cho đến ngày nay thai-giáo đã là một thực-tại xã-hội. Nó vừa mang dấu vết

của một quan-niệm giáo-dục cồ-xưa, vừa là đối-tượng nghiên-cứu mới mẻ đặt ra cho ngành tâm-lý-học và có thể cho cả ngành di-truyền-học và bào-thai-học nữa.

Ảnh-hưởng của người mẹ trên cơ-thể thai-nhi

Sở dĩ người mẹ phải kiêng cử khi mang thai là để tạo cho thai-nhi có một cơ thể lành lặn, mạnh khỏe. Lấy ví dụ về tật sứt môi chẳng hạn, cồ nhân cho là tại sản-phụ đã ăn thịt thỏ. Trái lại, ngày nay chúng ta đều biết, hầu hết các dị tật của trẻ sơ sinh đều do di truyền. Các chứng sứt môi, sứt vành tai, ngón tay có màng dính liền vào nhau như chân vịt, tim bất thường, mù sắc, quáng gà, mặt Mông-cổ v.v... có thể di truyền từ đời cha sang đời con hoặc từ nhiều đời trước di truyền lại.

Năm 1865 một tu-si người Áo tên Johann Mendel đã đề ý đến hiện-tượng này. Nhưng mãi gần một thế-kỷ sau người ta mới khám phá ra căn nguyên gây nên các dị tật. Và bởi vì căn-nguyên đó là những nhiễm-sắc-thể nên mới có cái tên là những chứng bệnh nhiễm-sắc-thể (maladies chromosomiques). Nhờ hai nhà bác-học Tijo và Levan khám phá, chúng ta được biết trong mỗi tế-bào con người có 46 nhiễm-sắc-thể. Các nhiễm-sắc-thể ấy xếp thành 23 cặp, mỗi cặp gồm một nhiễm-sắc-thể "đực" do người cha tạo thành và một nhiễm-sắc-thể "cái" do người mẹ tạo thành. Turpin, Gautier và Lejeune cho rằng nguyên-nhân gây nên các tật dị thường là do sự phân chia không đồng đều những nhiễm-sắc-thể trong tế-bào sinh-dục đã tạo ra bào-thai (trứng của người mẹ hoặc tinh-trùng của người

cha đã bị thừa hoặ: thiếu một nh ễm-sắc-thể cần thiết). Ví dụ trường hợp "ái-nam ái-nữ Klinefelter" là do bé trai có thêm một nh ễm-sắc-thể X và bé gái có thêm một nh ễm-sắc-thể Y; hoặc "ái nam ái nữ Turner" thì bé trai thiếu một nh ễm sắc thể Y và bé gái thiếu một nh ễm-sắc-thể X. Trường hợp hải-nhi có mắt Mông-cổ thì thay vì có 46 nh ễm-sắc-thể như các trẻ bình thường, nó lại có đến 47. Nh ễm-sắc-thể thứ 47 chính là nguyên nhân của dị tật này. Như vậy rõ ràng trường hợp hải-nhi mang dị tật không phải là do người mẹ phạm phải những điều kiêng cử như cồ-nhân đã nghĩ.

Các bác học trên đây còn cho biết, qua nhiều cuộc thí nghiệm, họ đều thấy rằng những người ngu ngốc, u mê, đần độn... đều là những kẻ trong tế-bào có đến 47 nh ễm-sắc-thể. Sự xáo trộn của nh ễm-sắc-thể khỏi mức bình thường quả là một điều tai hại, gây nên biết bao nguy hiểm cho cơ-thể lẫn tâm-hồn của thai-nhi. Bởi vậy họ đang có cái hoài bão là sẽ có thể thay thế các nh ễm sắc-thể của trứng sau khi thụ-tinh hầu tạo được những bào-thai như ý muốn.

Ảnh-hưởng của người mẹ trên tâm-hồn thai-nhi

Trong thai-giáo về phương diện tinh thần, có thể nói người mẹ phải kiêng-cữ một cách triệt-đề và toàn-diện:

- Ý-nghĩ: trong sạch, nết-hạnh.
- Ngôn-ngữ: dịu-dàng, hòa-nhã.
- Hành-động: nhẹ-nhàng, khoan-thai.

Ngoài việc giữ mình ở trong tình-trạng tinh-thần tốt-đẹp, người mẹ còn tự-kỷ ám-thị bằng cách nhìn ngắm,

chiêm-nguỡng những hình ảnh hoặc tranh-tượng cao-nhã với ý-hướng tạo cho mình một tình-trạng tinh-thần khả-quan hơn nữa. Cái lý-do của sự kiêng-cữ thật là giản-dị: để cho con được thông-minh và đức-hạnh.

Cồ-nhân không cho biết ảnh-hưởng từ người mẹ qua tâm-hồn thai-nhi như thế nào. Như ta thấy đây, kết-quả của thai-giáo hoàn toàn có tính-cách mặc-thị. Và cho đến nay nhiều người vẫn chấp-nhận nó một cách thật dễ-dàng. Chúng ta thử đọc đoạn sau đây: (1)

"Bởi khi nằm trong bụng mẹ, những con tinh trùng của chúng ta không phải là những con vật vô tri giác. Chúng đã tri và đã giác theo với sự tri giác của cha mẹ chúng. Và những nhịp điệu sống vật chất và tinh thần của chúng đã khuôn theo nhịp điệu sự rung động trong bộ não của cha mẹ chúng.

Nếu anh thấy cái vui của anh là sự giết người thì con tinh trùng của anh cũng giữ lại cái nếp vui ấy. Nếu anh thấy cái buồn của anh là sự phải nhường đi cho người một cái gì thì con tinh trùng anh cũng thấy cái buồn ấy.

Trong cuộc sống của anh có những lúc vui này trội hơn buồn nọ, hoặc có những suy nghĩ về những điều cao cả ít hơn là sự lao đầu vào những thú vui vật chất, hoặc có những lúc anh bầm hổ day tay mắt miệng nhiều hơn là bình thần để an bần lạc đạo... thì con tinh trùng của anh cũng thừa hưởng tất cả những phần trội ấy để làm chứng với thiên hạ về tâm trạng thực của anh lúc ấy. Do đó mà ta thấy những nhấn nhục chịu đựng, những cố gắng đè nén dục

(1) Lê-văn-Siêu, "Văn minh Việt-Nam", nxb Nam chi Tùng thư, Saigon 1964, tr. 126.

vọng thấp hèn, những ý muốn vươn tới cao cả, đều không phải là những gì vô ích trong sự tạo nên một đứa trẻ tương lai. Và cái thần-tượng ám ảnh trong đầu óc người ta (thần-tượng tôn giáo, thần-tượng người lý tưởng) cũng giữ một vai trò hết sức quan trọng ».

Qua đoạn văn trên đây, thiền nghị ông Lê-văn-Siêu đã có những nhận định thật xác đáng. Tuy nhiên ảnh hưởng của tâm hồn người mẹ trên thai-nhi đã diễn ra như thế nào thì vẫn không thấy tác-giả đề cập đến. Chúng tôi trộm nghĩ, đây là một câu hỏi quan trọng đặt ra cho cả ngành tâm-lý-học lẫn sinh-vật-học.

Có lẽ ai cũng đều hiểu rằng trong vũ-trụ, đối với mọi vật, hễ có nhân (cause) tất phải có quả (effet). Từ nhân đến quả bao giờ cũng phải xảy ra trong thời gian, dù thời gian đó là một sát-na (cực nhỏ). Chính trong thời gian mà một nguyên-nhân đã được biến thành một hậu quả. Và như vậy nguyên nhân (kiềng cữ) và hậu quả (để con thông minh đức hạnh) ở đây hẳn cũng phải được hình thành theo một cách thức nào đó.

Viết đến đây chúng tôi chợt nghĩ đến Merleau-Ponty, tác-giả của các cuốn *Structure du comportement* (Cơ-cấu của thái-độ) và *Phénoménologie de la perception* (Hiện-tượng-học về tri-giác). Sau Husserl, có thể nói Merleau-Ponty là triết-gia đã xóa bỏ các quan-niệm cũ về con người một cách thật là sạch-sẽ. Ở trong tác-phẩm thứ hai, ông đã viết một câu hết sức đầy đủ và súc-tích : « Tôi là thân-xác tôi » (*Je suis mon corps*). Tôi bây giờ không còn là hồn (Duy-tâm). Tôi bây giờ không còn là xác (Duy-nghiệm). Tôi cũng không phải là kết-hợp của hai thực-tại hồn-xác biệt-lập có tác-động hỗ-tương như quan-niệm

nhị-nguyên (dualisme). Mà tôi là một hợp nhất hồn xác bất khả phân.

Thiết-tưởng phải dựa vào một quan-niệm đúng-dẫn về con người như vậy chúng ta mới có thể hiểu được ảnh-hưởng của tâm-hồn người mẹ đối với thai-nhi.

Bởi lẽ tôi là một hợp-nhất-hồn-xác-bất-khả-phân nên những gì in dấu trên tâm hồn tôi đồng thời cũng in dấu trên thân xác tôi. Những gì đến với hồn cũng có nghĩa đã đến với xác. Tâm hồn tôi suy tưởng, hoài niệm, buồn khổ thì chính thân xác tôi suy tưởng, hoài niệm, buồn khổ. Tâm hồn tôi ước mơ, hoài bão ra sao thì thân xác tôi cũng ước mơ, hoài bão như vậy. Đúng hơn nữa, chúng ta phải nói hoài bão của tôi (ví dụ có một quí tử) không nằm ở đầu, ở óc não mà bàng bạc ở cả trong tôi. Nó ở trong từng đường gân thớ thịt, trong từng tế bào. Khi tôi ước muốn điều gì thì trong từng tế bào của tôi cũng ước mơ điều đó. Cho nên khi cha hay mẹ của bào thai muốn có một đứa con ra sao thì điều ước muốn đó sẽ nằm trong từng tế-bào của họ. Khi bào thai được thành hình từ tế-bào sinh-dục (trứng của mẹ và tinh-trùng của cha) thì nó đã mang những ước muốn thầm kín của cha và của mẹ nó. Vậy thì kể từ phút đầu của cuộc đời, bào thai đã chịu ảnh hưởng của cha mẹ.

Qua giai đoạn thứ hai, khi sống trong lòng mẹ, bào thai lại tiếp tục nhận những ảnh-hưởng mới. Sống trong lòng mẹ, bào thai chính là một thành-phần của cơ-thể người mẹ. Nó đã được mẹ nuôi dưỡng qua lá nhau. Nó sẽ sống cùng một nhịp sống của mẹ. Mẹ nghĩ điều gì bào thai cũng nghĩ điều đó. Mẹ hoài bão ra sao thì bào thai sẽ trở thành như vậy. Đó là một con đường ảnh-

hưởng nữa từ tâm hồn người mẹ đến mặt hồn thai-nhi.

Chúng tôi xin dừng lại một chút với Freud để có thể nhìn vấn đề này theo một cách khác.

Freud cho rằng những lý-tưởng xã-hội, giáo-dục, tập-quán, tôn-gáo, đạo-đức... mà tôi đã được hấp-thụ sẽ kết thành cái siêu-ngã ở trong tôi. Siêu-ngã là một phần của vô-thức và vô-thức hẳn không nằm ở trên đầu, trong óc hay một nơi nào nhất-định mà tiềm tàng khắp người? Cái vô-thức đó nằm trong từng tế-bào? Và đứa con mà tôi cho là lý-tưởng theo một kiểu mẫu xã-hội, đạo-đức, phong-tục... nào đó ắt là đã ẩn-tàng ngay trong cái tế-bào sinh-dục kết thành nó.

Để cho ức-thuyết trên đây không đến nỗi viển vông, vô bằng, chúng tôi xin được củng cố bằng những chứng lý sau đây:

Chứng lý thứ nhất: Thí nghiệm của Mc. Connell về đĩa phiến.

Đĩa phiến (planaires) là một giống trùng sống ở nơi đầm lầy, mình dẹt. Cơ thể được tổ chức rất đơn sơ, dài khoảng từ 10 đến 20 ly, quanh mình bao bọc một lớp lông để rung động. Bên trong chỉ có một bộ não và một bộ thần kinh rất sơ sài.

Nếu ta bắt một con đĩa phiến chặt thành nhiều khúc rồi đem thả vào trong nước thì ít lâu sau những khúc đó sẽ biến thành những con đĩa mới, có đủ hình dạng như cũ.

Mc Connell khởi sự thí nghiệm của ông từ 1953 (khi còn ở Đại-học Texas). Ông nuôi 15 con đĩa trong một bình nước rồi dùng một điện-cực để truyền

điện. Cứ mỗi lần ông cho điện vào nước thì báo hiệu trước bằng một tia sáng và khi gặp điện, phản ứng của đĩa là co dúm lại. Sau nhiều lần thử như thế, về sau ông thấy cứ có tia sáng loé lên (dù không có điện) là đĩa đã co lại rồi. Kết quả đó cho thấy trí nhớ của chúng đã có hoài-niệm rằng ánh sáng và luồng điện đi đôi với nhau.

Ông lại chặt 15 con đĩa đã thí nghiệm đó ra làm đôi. Mười lăm khúc đầu bỏ vào một cái bình có đựng nước và 15 khúc đuôi bỏ vào một bình khác. Chờ cho chúng đã thành hình, ông dùng tia sáng nhắc « bài học » cũ. Và lạ thay, không những 15 con đĩa do khúc đầu tạo thành biết co dúm người khi gặp tia sáng mà 15 con được tạo thành do khúc đuôi cũng biết phản-ứng như thế. Từ đó Mc. Connell rút ra được kết luận: *Trí nhớ không tập trung ở óc não như từ trước người ta vẫn tưởng mà thực ra nó tiềm tàng trong khắp cơ thể.*

Trong thời-gian làm giáo-sư ở Đại-học Michigan, Mc. Connell vẫn tiếp-tục công-việc cũ và khám-phá thêm rằng một hoài-niệm khi đã khắc sâu vào trí nhớ thì hoài-niệm đó không phải chỉ tồn-tại ở óc-não mà còn phân-phát đi khắp các phần-tử cơ-thể côn-trùng. Ông đã thí nghiệm bằng cách « dạy » cho một con đĩa-phiến rồi đem cắt nó ra từng miếng thật nhỏ, cho những con khác chưa được dạy dỗ ăn vào (đĩa-phiến có đặc-tính ăn thịt lẫn nhau). Kết-quả là những con đĩa-phiến sau khi đã nuốt « những miếng thịt có trí- nhớ » cũng trở nên « thuộc bài » như đồng loại.

Theo gót Mc. Connell, hai giáo-sư ở Đại-học Washington là E.N. Erhardt và C. Sherring cũng làm những thí-nghiệm rắc-rối hơn. Họ nuôi đĩa-phiến

trong một thứ chuồng hình chữ T. Nhánh bên trái có thức ăn và bên phải có điện-cực. Sau khi đã được luyện-tập thuần-thục, chúng bị cắt làm đôi. Để chúng thành hình xong, lớp đĩa này lại bị cắt làm đôi một lần nữa. Điều lạ lùng là lớp đĩa ở thể-hệ thứ ba này vẫn giữ được hoài-niệm của thể-hệ đầu tiên (nghĩa là biết phân biệt cửa bên phải có điện giạt và cửa bên trái có thức ăn) mặc dù chúng chưa được luyện tập lần nào.

Chứng lý thứ hai : Viễn-tượng sinh-vật-học dưới mắt Jean Rostand.

Theo Jean Rostand, hiện nay đối với loài vật, người ta có thể dùng phương pháp parthénogenèse (chỉ dùng tế-bào sinh-sản của con cái) để tạo nên bào-thai và con vật sinh ra chỉ mang truyền thống của mẹ. Trái lại, với phương-pháp androgenèse (dùng hai tinh-trùng của con đực để có đủ nhiễm-sắc-thể) thì con vật sinh ra sẽ mang truyền-thống của con đực. Tiến xa hơn nữa Briggs và King không cần tạo bào-thai bằng tế-bào sinh-sản mà bằng một tế-bào thường thôi.

Từ vật đến người, Jean Rostand thấy rằng trong tương-lai có lẽ người ta sẽ dùng một tế-bào của tủy xương hay một hồng huyết-cầu để cấu-tạo ra một người khác, giống hệt người cũ.

Căn cứ vào những chứng-lý trên đây, chúng ta rút ra được hai điều :

1) Trí nhớ của sinh vật không tập trung ở óc não mà phân tán ra khắp các phân-tử của cơ-thể.

2) Có thể dùng một tế-bào của cơ thể để tái tạo một người mang đầy đủ tính-chất của người cũ.

Như vậy giả-thuyết cho rằng tất cả những sinh-hoạt của tinh-thần cũng chính là sinh-hoạt của xác và do đó người mẹ đã ảnh-hưởng đến hài nhi bằng hai lối, lúc bắt đầu tạo bào thai và trong suốt thời gian nuôi dưỡng bào-thai, thiết tưởng không phải hoàn toàn vô lý. Ngày nay ngành sinh-vật-học mới thành công trên các loài sinh vật như đĩa, cóc, ếch, nhái, nhưng trong tương lai ai lại dám bảo không thành công ở con người ? Việc bào-chế người thật trong ống nghiệm, Pétrucci đã làm rồi và đã có kết quả. Các chuyện khác có lẽ từ từ rồi cũng sẽ đến.

Thai-giáo ở ngày mai

Ngày nay nếu hỏi rằng có thể thực hiện thai giáo được chăng có lẽ chúng ta đều thấy rằng điều đó có thể đạt được. Quả thật cồ nhân đã có lý khi bắt các bà mẹ phải kiêng cử để đẻ ra những đứa con thông-minh, hiếu hạnh. Tuy nhiên, cứu cánh của thai giáo thì tốt nhưng phương-tiện thực-hành lại tỏ ra có nhiều thiếu sót, sai lệch.

Các bà mẹ ngày nay có thể cùng theo đuổi một mục đích như cồ nhân nhưng hẳn là không phải kiêng ăn đồ cứng, thịt thỏ, chuối sinh đôi...

Người mẹ sẽ theo lời chỉ dẫn có tính cách khoa học của bác-sĩ để ăn uống cho hợp vệ-sinh hầu có lợi cho bào-thai. Bác-sĩ cũng sẽ khuyên các bà mẹ nên chịu khó hoạt động hoặc chơi những môn thể-thao nhẹ như vũ cầu, bơi lội, đi bộ v.v. . Về mặt tinh thần, dĩ nhiên phải giữ cho tâm-hồn được thư thái, vui vẻ, tránh tất cả những xúc động, lo âu, phiền muộn. Người mẹ cũng cần tự ám thị cho mình những hình ảnh và ý

tường cao đẹp, tự giáo-dục trong một nếp sống tinh thần thanh cao để thấm nhuần qua thai-nhi. Một ngày nào khi khoa siêu tâm-lý-học (parapsychologie) phát triển có lẽ các bà mẹ có thể dạy bào-thai trực tiếp bằng tâm hồn mình. Hiện người ta đã khám phá ra rằng bộ óc con người phát ra những luồng điện giống như ở các máy phát tuyến thông thường và những bộ óc khác có thể thu nhận luồng điện ấy.

Trong tương-ai việc giáo dục con cái hẳn phải nhờ rất nhiều đến sự giúp đỡ của ngành sinh-vật-học và tâm-lý-học. Riêng sinh-vật-học thì đã tiến triển tốt đẹp và đã mang lại nhiều kết quả khả quan. Còn tâm-lý-học đã phát triển thật phong phú với đủ ngành đủ nhánh, nào tâm sinh-lý học, tâm vật-lý học, tâm hình học, tâm cử học, tâm bệnh học, tâm thú học, tâm lý người già, tâm lý phụ nữ, tâm lý trẻ con v.v..., duy có thai nhi thì vẫn vắng bóng biến biệt. Chúng tôi thiên nghĩ có lẽ các nhà tâm-lý-học thế nào cũng phải thiết lập ngành tâm-lý thai-nhi. Bởi vì nếu tâm-lý-học đã đặc biệt lưu tâm đến việc giáo dục tâm lý nhi đồng thì sẽ không thể nào bỏ quên được khoảng trước đó của trẻ. Chính trước khi ra đời, sống giữa lòng gia-đình và xã hội, thai nhi đã mang sẵn những nét tính lớn vô cùng quan trọng. Cờ nhân chẳng bảo «cha mẹ sinh con, trời sinh tính» đó sao? Tính là gì nếu không phải là tâm tính của trẻ đã mang sẵn từ khi còn là bào-thai? Khung cảnh xã-hội, dù cho các nhà xã-hội-học như Halbwachs có đề cao cách mấy, thiên nghĩ cũng không thể làm thay đổi được những nét tính căn bản của trẻ.

Chúng tôi xin mạn phép được lấy

một ví dụ riêng trong gia đình về việc này: Hiện chúng tôi có 3 cháu nhỏ, đều là trai cả. Mặc dù được hấp thụ một nền giáo-dục đồng đều, vậy mà mỗi cháu lại một tính. Cháu đầu tính rất ngoan, bạo dạn, đứng đắn và hết sức ngăn nắp. Chẳng hạn trước khi lên giường ngủ, bao giờ cháu cũng tự trải drap lại thật thẳng; sắp mền, gối ôm và gối đầu thật ngay ngắn rồi mới chịu nằm. Nhiều khi cháu ngăn nắp, đến độ bất ngờ và thực tình chúng tôi hoàn toàn không dạy như thế. Trái lại cháu thứ hai dù có căn dặn phải ngăn nắp, cũng vẫn luộm thuộm; dẫu rồi đâu lại vào đấy. Tính thì nhõng nhẽo như con gái. Còn cháu thứ ba thì chẳng giống tí nào với hai anh, nhất là cái tính «tẩu». Gia đình chúng tôi không ngày nào là không phải cười về những chuyện ngộ nghĩnh của cháu.

Tôi và nhà tôi cứ mãi thắc mắc không hiểu tại sao có ba đứa con mà chẳng đứa nào giống đứa nào. Những yếu-tố gì đã tạo nên sự khác biệt giữa ba trẻ cùng cha mẹ, cùng phái tính và cùng chịu một hoàn cảnh giáo dục.

Hôm nay viết bài này, thực tình chúng tôi đã mạo muội cố tìm một lối giải thích và cũng là để tự trả lời cho những thắc mắc của chính mình. Chúng tôi hy vọng rằng rồi đây ngành tâm-lý-học và sinh-vật-học phát triển hơn nữa, chúng ta sẽ được biết rõ về ảnh-hưởng của người mẹ trên thai-nhi cùng sự tạo thành những nét tính của bào-thai với những bằng cứ chân xác hơn. Và cũng trong tương lai các bà mẹ sẽ biết những phương-pháp thai-giáo tốt đẹp hơn hầu có thể tạo cho mình những đứa con thông minh, tài ba và đức hạnh như ý muốn.

NGUYỄN-THỊ NGỌ-THẨM
Phanrang 23.5.70

BNP

*A votre service
tous les services de la*

**banque
nationale
de Paris**

VIỆT LÝ TÔ NGUYỄN

của KIM-ĐÌNH

AN-TIÊM XUẤT BẢN

Đây là công trình của một cuộc khảo cổ, khác thường không dừng lại ở khảo cổ, ở bác học, nhưng phóng tầm mắt ra bên ngoài, bên trên, bên dưới khảo cổ, lịch sử, bác học, để cố tìm ra những nét căn bản chạy ngầm xuyên qua lịch sử nước nhà, những tính chất có ngay từ đầu và sẽ còn lại mãi với dân tộc, nên gọi là Tổ theo nghĩa « bản lai cổ hữu ».

Độc giả sẽ nhận ra lối khảo cổ như trên chiếu rất nhiều tia sáng kỳ lạ vào con đường chúng ta phải đi để đến đợt văn minh chân thực. Như thế sự quay về học lại nguồn gốc nước nhà dưới mọi khía cạnh văn minh, văn hóa, định chế, sử địa, văn chương.. không còn là một việc khảo cổ suông trong thư viện nữa nhưng chính là giúp vào việc kiến quốc, tìm ra và củng cố tinh thần dân tộc, đặt nền tảng vững chắc nhất cho nền quốc học mai ngày vậy.

*Sách đã phát hành khắp toàn quốc. Mua
sỉ xin hỏi 166/1/10B Lý Thái Tổ Saigon*

hai tập thơ của hai thi sĩ lừng danh :

TA ĐỢI EM TỪ BA MƯƠI NĂM

của Vũ Hoàng Chương

SA MẠC TRƯỜNG CA

của Bùi Giáng

*hai tập thơ trên đều do An-Tiêm xuất bản
và phát hành*

CURZIO MALAPARTE

MINH-QUÂN lược dịch

ĐÔI MẮT

Vào cuối năm 1941 trong lúc cuộc tranh chấp tàn khốc đang vào hồi dữ dội nhất, lan rộng khắp Châu Âu, tôi đến Pise, tạm trú trong một căn nhà bỏ hoang ở cuối phố, một căn nhà tiêu điều, hoang vắng tựa như cõi lòng tôi lúc bấy giờ.

Bên cạnh tôi là Phê-Bô, con chó trung thành tôi nhặt được trong khi nó gần chết đói ở trên bãi bờ Ma-ri-na. Giữa tôi và con vật có một sự gần bó như đôi bạn — có thể nói hơn thế — nó đã cùng sống với tôi trong những ngày tôi bị lưu đày thảm nhục trên đảo Lipari.

Trong đời tôi, thú thật là tôi chưa từng yêu thương một phụ nữ nào, một người bạn nào, ngay cả anh em ruột thịt của tôi đi nữa — cho bằng tôi yêu quý Phê Bô.

Con nghĩa vật đó cho tôi cái cảm tưởng là nó gần giống như tôi, cho nên tôi thấy cần viết những giòng này, những giòng tràn ắp mến thương để tặng riêng cho nó..

Phê Bô là một con chó đặc biệt, nó thuộc giống chó săn thỏ, nguồn gốc đầu tận những vùng bờ biển Á Đông. Hẳn là thứ chó mà vài nhà điêu khắc Hy Lạp vẫn hay tạc lên những ngôi mộ cổ và bọn chồn cừu tại Lipari đã cho là giống chó này thuộc loài linh vật mà

người ta thường trồng cây chúng trong việc chống lại với Tử-Thần.

Tôi vẫn nhìn bộ lông nó và thầm so sánh với sắc vàng long lanh của ánh trăng chiếu trên mặt nước, của ánh lửa rừng đêm dội loang loáng trên những lá cây rừng, thứ lá cây của rừng già xanh ngút ngàn — Đôi khi, tôi lại thấy đó là thứ màu vàng kỳ diệu của vầng trăng mười sáu tắm lên những cái vẩy bạc của đàn cá vừa bị cơn bão biển bắt nờ xua giạt lên bờ ... rồi tôi lại thấy kém thua xa, tôi nghĩ đến màu vàng của vàng khối tan chảy dưới sức nung trong lò luyện, đến ánh trăng huyền hoặc trong các bài cổ thi, đến màu vàng của vầng trăng xế trước bình minh...

Phê Bô chưa bao giờ rời tôi một bước. Trong gian nhà tôi tàn hoang vắng, luôn luôn lộng gió, — thứ gió biển loạn cuồng — nhờ có Phê Bô, tôi cảm thấy giảm bớt cô đơn. Đôi mắt Phê Bô xanh nhạt, nhạt như màu nước biển lúc trăng tà.

Thật là kỳ diệu: gần nó tôi cảm thấy được bình tĩnh, sáng suốt, an lành.

Những cửa bấu đó lặng lẽ, âm thầm, chậm rãi xâm chiếm tâm hồn tôi, tâm hồn một kẻ luôn luôn cô đơn, khắc khoải.

Nhờ Phê Bô, tôi nhận chân rằng đạo đức trên đời này chỉ là thứ để tặng không, chẳng cứu giúp được ai ; tôi biết rằng người ta dùng đạo đức để biểu lộ sự vô tư và lòng khoan thứ của mình. Sự gặp gỡ giữa tôi và con vật phải chăng cũng là cuộc gặp gỡ của hai tâm hồn khoáng đạt, của lòng tự trọng, của một thứ đạo đức không mất tiền mua ? Chao ! cuộc gặp gỡ ấy lại chẳng được bền lâu, nó nhợt nhạt như ánh trăng hầu tàn, đắm chìm trong biển cả lúc vầng dương sắp hiện lên.

Nhờ Phê Bô, tôi tìm thấy tôi trong trong những quan năng mơ hồ lộn xộn nhất, những hoài nghi, những sợ hãi, những hy vọng mong manh.. Phẩm cách của nó trước mọi người như là phẩm cách của chính tôi, kể cả tính can đảm, sự kiêu hãnh trước cuộc đời, sự chán ghét thứ tình cảm hời hợt của loài người... thật giống, quá giống nhau, khó mà phân biệt giữa tôi và con nghia vật !

Không những thế, trong một vài phương diện, con Phê Bô hơn cả chính tôi. Nó như có linh tính, cảm thấy trước những bóng hình đen tối, những bước chân thềm lạng mà độc ác của tử thần quanh quẩn bên cạnh con người.

Nhiều đêm dài, nằm khoanh dưới chân tôi, con nghia vật thường giương to mắt lên tường như sẵn sàng ứng phó với mọi hiểm nguy bất trắc đang rình rập hại tôi, đôi mắt nó như nhìn xuyên qua bóng tối theo dõi một kẻ vô hình lảng vảng bên ngoài khung cửa sổ. Đôi lúc, như thề là nó trông rõ cái bóng quái ác đó vừa đột nhập vào phòng, Phê Bô gầm gừ xua đuổi, bộ lông vàng mượt khắp mình nó dựng lên... Tôi mơ hồ cảm thấy như có một tiếng kêu áo náo

vang lên, xa dần, xa dần và tắt lịm trong bóng tối.

Tôi đã xem nó như là một người bạn thân yêu nhất của đời tôi, người bạn tận tâm, không bao giờ phản bội và chịu nộ ; một người bạn chỉ biết thương yêu và ha thứ, luôn luôn hiểu tôi như chính tôi đã hiểu tôi.

Thỉnh thoảng, Phê Bô nhìn tôi, cái nhìn vừa thương yêu vừa trách cứ bằng đôi mắt dịu hiền sâu thẳm làm tôi bàng hoàng trong một cảm giác kỳ lạ : nửa hối hận, nửa buồn rầu ! Trong ánh mắt đầy chân tình của Phê Bô phảng phất một niềm ái ngại pha lẫn bao dung làm tôi có lúc ngỡ như đó không là một con vật mà là một người, một thiên thần hộ mệnh cho tôi, hay một người bạn thân lúc nào cũng sẵn sàng bảo vệ sinh mệnh tôi và giữ gìn cho tôi được vẹn toàn nhân cách !

Đôi lúc khác, cặp mắt nó trang nghiêm khiến cho nó có vẻ sâu nảo, xót xa.

Mỗi chiều, tôi và Phê Bô cùng đứng trước cái thềm nhà loang lổ lộng gió, ngóng ra bể cả.

Chao ! bờ biển Sicile, vô số những mỏm đá hồng đối diện với những cụm núi bạc đầu của dãy Aspromonte, khung cảnh mà ngày xưa thi sĩ Théocrite thường ca ngợi ! Nhấp nhô có ánh lửa của bọn chần cừu bên kia núi. Đoàn ngư phủ dong thuyền ra khơi như đi đóa trăng xanh, tiếng tù và chốc chốc lại rền rì vang lên như muốn đánh tan màn sương bạc. Trăng lên ở đầu núi, lạnh rọi, mơ hồ.

Trong thẳm thẳm của đêm sâu, dày, hỏa diệm sơn Stromboli rực rục cháy như một ngọn đuốc khổng lồ.

Hai chúng tôi nhìn ra bể, vươn vai hít mãi cái mùi mặn chát của muối biển, mùi nồng nồng của những cành cam tỏa ra, mùi sữa dê, mùi gậy gầy vũa cây đồ tùng đương cháy dở và cả cái mùi thoang thoang thanh khiết như hương thơm của một giai nhân, của đêm thanh vắng trên đảo, trong lúc những chòm sao xuất hiện ở chân trời.

Rồi đến một hôm người ta bắt tôi rời khỏi Lipari, đến nơi khác với đôi tay bị xích chặt bên nhau.

Con nghia vật không rời tôi, nó đi theo tôi, nhưng không theo sát quá, lẩn lút một cách đáng thương sau những từng rêu, những giỏ cá của ngư dân và những giỏ cà chua, những đồng dây bữa bãi.

Nhiều người — rất nhiều người — nhìn tôi chăm chú như nhìn một quái vật và không ngớt dùng những lời thô lỗ nhất tặng tôi họ có cái vẻ hả hê của một bọn hèn nhát về hòa. Song tôi, tôi đứng vững trước những cái nhìn ấy, không buồn ném trả họ một tia mắt giễu cợt hoặc mỉa mai. Tôi lăm lăm đi với đôi tay xích chặt, chập lăm một ..

Thỉnh thoảng, không được được, tôi quay lui để tìm con Phê Bô và tôi thấy nó vẫn kiên nhẫn theo sau, men sát bờ tường, đuôi quặp lại, dáng bộ ủ rũ và đôi mắt sâu nâu một cách đáng thương.

Tới Napples, tôi gặp hai bạn cũ. Họ bước đến chào tôi, luồn một bó hoa vào giữa cái còng sắt lạnh băng và một bà van nài với mấy tên lính áp giải cho họ được dẫn tôi đi ăn một bữa. Giọng thành khẩn của hai thiếu phụ làm cho bọn lính xúc động. Chúng đưa tôi vào một chỗ có bóng mát. Tôi nhìn đói đã hai ngày, một muốn là đi mà không thấy đói.

Dạo ấy vào giữa mùa hè, mặt trời như quạt lửa xuống đầu tôi. Tôi cố nén cảm động bảo hai bạn:

— Cảm ơn hai bà nhiều lắm, nhưng tôi đủ no rồi. Xin hai bà rū lòng thương cho con chó theo tôi kia một hộp nước. Tội nghiệp nó !

Phê Bô đứng gần đấy, giương đôi mắt rầu rĩ nhìn các ân nhân, trong lặng lẽ tôi chợt rung mình thấy tim đau thắt lại. Có lẽ đó là lần đầu tiên, con chó đáng quý kia nhìn thấy nét mặt đầy từ ái cùng sự dịu dàng của một người đàn bà đối với nó. Phê Bô cúi xuống, ngửi thật lâu rồi chậm rãi uống nước.

Mấy tháng sau đó, tôi được chuyển sang một nhà giam khác. Phê Bô vẫn lẻo đẻo theo sau trong khi di chuyển và châu chực ngoài cửa khám chờ tôi. Nom nó gầy gò thảm hại, mình mẩy lem luốc những bùn Bộ lông óng mượt mà tôi thường ví với ánh trăng thì xơ xác, xương lộ qua làn da, nó tiều tụy quá, cho đến nỗi nhìn nó tôi không khỏi đau đớn, xót xa...nhưng đôi mắt nó vẫn sáng long lanh trong một vẻ dịu dàng, chịu đựng làm tôi đến lạnh người.

Hai năm ròng rã, tôi được trả tự do. Phê Bô vẫn bên cạnh tôi, nét ủ rũ không thay đổi.

Những ngày ở Pise hai chúng tôi rất ít khi ra đường. Thường vào quãng xế, tôi và nó chậm rãi đi theo ven sông, dòng sông Ami màu nước lỏng lánh như pha bạc. Rồi chúng tôi ra phía công trường Miracles, chỗ có cái Tháp Nghiêng lạ lùng, đã làm cho Pise nổi tiếng khắp năm châu.

Người và vật treo lên đỉnh tháp nhìn xuống đồng bằng xanh ngát, ngắm bờ biển và những chòm núi tuyết phủ trắng xóa đàng xa xa. Nơi ấy có ruộng vườn, giòng

sông, đồi núi... xa xôi lắm, nhưng mà thân miễn biết bao vì đó là gia hương của chính tôi, một kẻ bị lưu đày !

Chiều xuống. Hai chúng tôi ngồi bên bờ sông Arno, trên dãy thành đá hẹp nơi xưa kia thi hào Byron trong những ngày lưu đày tại Pise vẫn thường dong ngựa buổi sớm — hai chúng tôi cùng lặng lẽ ngắm những cánh lá khô trôi xuôi trên dòng nước bạc dưới đám mây nổi của một bầu trời đẹp như mơ.

Vẫn như trước, đêm đêm, dưới chân tôi, Phê Bô nằm lặng, hàng giờ. Thỉnh thoảng nó đứng lên, thư thả đi ra cửa rồi lại quay vào nhìn tôi dò hỏi. Tôi mở cửa cho nó ra ngoài. Hai giờ sau đó, nó trở về, thở hắt hắt, mắt long lanh sáng và bộ lông mịn lạnh rọi vì gió lộng bên ngoài.

Đêm đêm, nó ngẩng đầu lên nghe ngóng tiếng mưa tanh tách bên sông. Đôi khi chợt thức giấc, tôi bắt gặp đôi mắt sáng ngời, dịu dàng của Phê Bô và tôi bỗng đứng cảm thấy nỗi buồn dâng lên, vô cớ...

oOo

Cho đến một hôm, Phê Bô không trở về. Tôi đợi nó suốt chiều, rồi sau không đợi nổi nữa, tôi sục sạo khắp phố tìm kiếm. Chẳng thấy bóng nó đâu. Trở về nhà, tôi nằm vật xuống giường, tứ chi rã rời, mắt vẫn không ngừng nhìn ra cửa.

Lâu lâu, tôi gượng dậy, đứng lên ra ngoài réo gọi con vật thân yêu.

Đêm dài như vô tận. Hừng sáng hôm sau, tôi chỗi dậy, tôi lại đi từng cửa phố, tìm kiếm, tìm kiếm trong tuyệt vọng.

Tôi sực nhớ, đến nhà giam chó của thành phố vào lúc trời sáng rõ. Căn nhà giam xám xịt hơi hám và đầy những con

chó hoang vừa bị tóm cổ lôi về. Tôi hỏi thăm tin tức Phê Bô, gã gác bảo tôi bằng giọng lạnh lùng :

— Dễ chừng lũ trẻ tinh ranh chơi nghịch đã ném nó xuống sông đi ! Bằng không thì bánh xe ăn nó cũng nên ! Hơ ! một con chó...

Nhưng trông nét hốt hải của tôi, hẳn như cảm thông được đôi chút, giọng hẳn dịu xuống bất ngờ :

— Ông chịu khó ra mấy hàng bán chó, xem sao, may ra...

Tôi không kịp cảm ơn gã, tức tốc đi liền. Suốt sáng hôm đó, tôi đi lung khắp hàng chó này đến hàng chó nọ mà tuyệt, vẫn chẳng thấy tăm bóng Phê Bô.

Tôi nóng nảy ngồi đứng không yên, tựa hồ có kiến đốt lên chân, lửa nung trong bụng, tôi mất hết tính bình tĩnh cổ lữ trước nay.

Sau cùng, một phu công chánh khuyên tôi nên lại trường Đại Học. Giọng chắc nịch đầy tin tưởng hẳn bảo tôi :

— Tin tôi đi ! tôi cam đoan là tại bất cứ bất nhân đã đem con vật bán cho tại Thú Y để bọn này mò xẻ ra mà thí nghiệm. tôi cam đoan thế !

Tôi chạy ba chân bốn cẳng đến ngay phòng Thú Y. Nhưng đến nơi thì nhà trường đóng cửa vắng hoe, ra đã quá giờ làm việc. Thế là đành lui thủ về nhà, nén lòng chờ đợi.

Hai giờ rưỡi, tôi vội vã đến ngay phòng Thú Y. Tôi hồi hộp không xiết kể. Tim tôi đập liên hồi trong lồng ngực và hai chân như muốn khụy xuống ở ngưỡng cửa. Tôi tự giới thiệu với viên y sĩ trực ở phòng thí nghiệm và khẩn khoản nói rõ mục đích mình.

Viên y sĩ ngược đôi mắt kính nhìn tôi

giây lâu và với một nụ cười uể oải ông ta hứa sẽ cố sức giúp tôi tìm con vật thân yêu.

Ông ta mở cửa và đưa tôi vào một cái phòng sáng sủa, trên sàn nhà lát vải nhựa màu xanh.

Dọc theo hai bên tường sắp hàng hàng những cái vôi bằng gỗ, nom tựa tựa như những cái vĩ cầm. Trong mỗi cái vôi nằm gọn một con chó, con thì bị phanh bụng, con thì bị xẻ ngực, con lại bị mổ óc. Từng sợi dây nhỏ như dây đàn căng thẳng những mảnh da thú vừa bị xẻ ra, phơi trần những vết thương khủng khiếp : tôi trông rõ những nhịp đập của quả tim đầm máu, của hai buồng phổi phồng lên, dẹp xuống, những sợi gân tim tím giống như những cành tí hon bị gió nghịch vờn. Những lá gan đỏ thẫm co dúm đó, những bộ óc trắng rỗng phơn phớt hồng, nom loang loáng như qua một lớp kính mờ đục đục đục. Rồi là những khúc ruột cong queo.

Không ! không một tiếng rên nhỏ thoát ra chỗ bày thú bị phanh thây.

Tất cả bày chó như đều nhìn về phía chúng tôi, theo dõi từng cử động của chúng tôi, mắt chúng biểu lộ một sự khiếp sợ và van lơn khẩn thiết. Tôi đứng sững như một cái tượng đá giữa phòng, nghe máu lạnh dần trong cơ thể. Không hé môi cũng không nhúc nhích được một phân. Viên y sĩ nắm tay tôi, ân cần bảo :

— Ông hãy can đảm một chút ! Tôi hứa giúp ông...

Câu nói làm tôi tỉnh táo đôi phần. Tôi bước nặng nhọc từng bước, ghé lại mỗi vôi đựng chó, run run vì lo sợ và hy vọng...

Chợt, tôi trông thấy Phê Bô : nó

nằm ngửa bụng bị phanh rộng, một mũi dao cắm sâu vào lá gan. Nháy mắt thấy tôi, hai mắt nó đăm lẹ, nhìn tôi chăm chăm, một cái nhìn hết sức dịu dàng. Hơi thở nó mồn mõi, yếu ớt, toàn thân nó run rẩy.

Nhìn con nghia vật, tôi cảm thấy như có hàng ngàn mũi kim nhọn chọc vào tim.

Tôi nghẹn ngào gọi :

— Phê Bô ! Phê Bô...

Ánh mắt nó sáng lên, long lanh trong cái nhìn vô cùng dịu dàng và sâu thẳm.

Nhìn mắt nó khiến tôi liên tưởng đến Chúa ngày xưa, tưởng như thấy Chúa đang chịu nạn đóng đinh trên thập giá... Chúa nhìn tôi vừa âu yếm, vừa xót xa...

Tôi run rẩy cúi xuống vuốt lên trán Phê Bô. Nó liếm tay tôi, không rên rĩ một tiếng nào.

Viên y sĩ lại gần tôi, thấp giọng :

— Tôi không thể bỏ dở cuộc thí nghiệm, nhưng xin ông yên lòng : tôi sẽ tiêm cho nó một mũi đề .. nó khỏi đau đớn nữa.

Tôi buông con vật, nắm chặt lấy tay ông ta, qua màn nước mắt, cổ van nài :

— Xin ông thương tôi, cố giúp tôi, đừng để cho Phê Bô chịu đau đớn nữa ..

Ông ta dịu dàng :

— Tôi cũng ao ước sẽ được chết dễ dàng như nó sắp chết đây. Ông hãy tin tôi !

— Tôi van ông — tôi lắp bắp không thành lời — Xin ông... làm mau cho ! Tôi không đủ can đảm nhìn nó chết... tôi...

— Chóng lắm, chỉ một phút thôi..

Nói xong, ông ta nhanh nhẹn đi lại cuối phòng, mở tủ. Tôi như mê đi, đứng bên cạnh con chó trung thành, đau lặng

tong một niềm đau mênh mang khôn tả nên lời.

Phê Bô còn ngược nhìn tôi lần cuối khuôn mặt ràn rụa những nước mắt, đôi mắt nó vẫn long lanh sáng, dịu hiền và cam chịu, không một tiếng kêu rên.

Và tất cả bấy chớ nằm phanh bụng cũng trừng trừng nhìn tôi. Không một con

nào thêm kêu rên cả. Ánh mắt con nào cũng long lanh trong cam chịu và dịu dàng.

Tôi đan lặng nghẹn ngào. Mắt nhoè lệ, tôi kêu lên thành tiếng:

— Trời! trời ơi! sao lặng lẽ đến thế thế này? Trời?

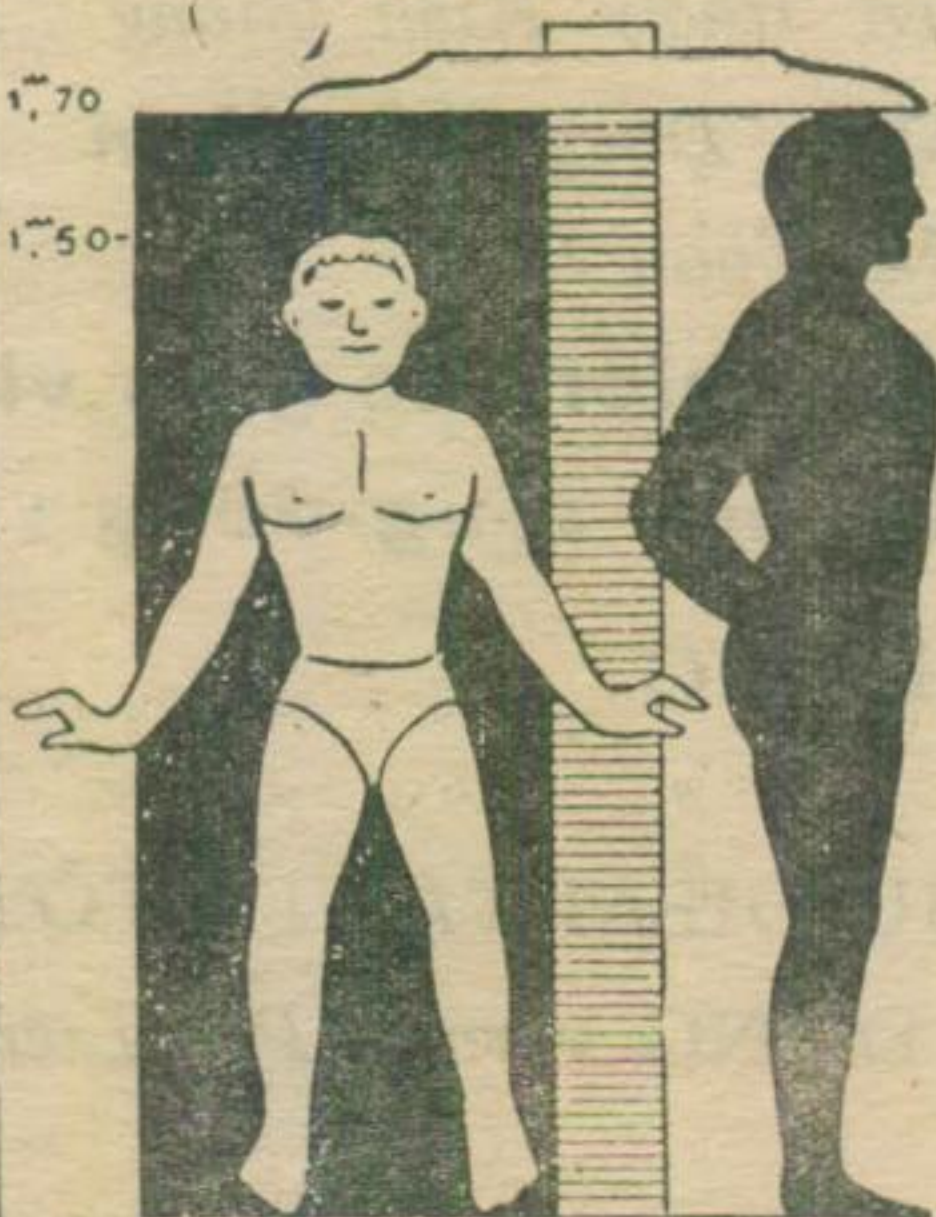
MINH QUÂN dịch

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CƯỜNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ.
- NGƯỜI LỚN CƯỜNG RẮNG.
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHỔI.
- MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON — VỪA BÔ?

S6 KN 18 MBYT/QCPD

Sách Lá-Bối mới ấn hành :

— EM BÉ PHÙ TANG

Isoko Ichiro Hatano. Trương-đình-Cử dịch

— ĐẠO PHẬT NGÀY NAY (tái bản)

Nhất Hạnh

— ÁO EM CÀI HOA TRẮNG (hết, đang tái bản)

Võ Hồng

— NÉO VỀ CỦA Ý (tái bản)

Nhất Hạnh

— HEIDEGGER TRƯỚC SỰ PHÁ SÀN CỦA
TƯ TƯỞNG TÂY PHƯƠNG (Lê-Tôn-Nghiêm)

— PHONG TRÀO DUY TÂN

Nguyễn văn Xuân

— XÚ TRẦM HƯƠNG Quách Tấn

— LÚA SẠ MIỀN NAM (thơ) Kiên Giang

— HẢI ĐẢO THẦN TIÊN Đặng-Trần-Huân

— CÂM CA VIỆT NAM Toan-Ánh

✦ **Và hai cuốn sách cần thiết cho giáo viên
tại các trường tiểu học cộng-đồng :**

— GIÁO-DỤC CỘNG-ĐỒNG

Vương Pên Liêm

— PHƯƠNG PHÁP CHỦ ĐIỂM TẠI TRƯỜNG

I IỀU HỌC CỘNG ĐỒNG *Vương Pên Liêm*

**Nhà xuất bản Lá-bối
120 Nguyễn-Lâm Chợ-lớn**

Đón đọc :

TRÌNH BÀY

TẠP CHÍ VĂN HÓA CHÍNH TRỊ XÃ HỘI

Ra ngày 1 và 15 mỗi tháng

Chủ nhiệm . THẾ-NGUYỄN

« Nỗ lực phát khởi một dòng cho một
nền Văn chương cho Tự do và một
nền Văn hóa cho Hòa bình, Độc lập. »

Số 1 phát hành ngày 1-8-1970.

TRUNG TÂM NHÂN XA

(Anthroposocialism Center)

2 Nguyễn văn Thịnh Saigon

Hoàng-Xuân-Việt sáng lập và điều khiển

T.T.N.X. : Là Học viện đầu tiên ở V.N. đề xướng giáo dục Hậu học đường và Bồ túc đại học về các khoa Tự Lập Thân. Giảng huấn tại trường và hàm thụ ở xa.

T.T.N.X. : Phổ biến Nhân xã học là môn học được trình bày trong 74 tác phẩm của Ông Hoàng Xuân Việt thuộc loại Học Làm Người từ 20 năm nay nên Trung tâm không liên hệ gì đến chủ nghĩa nhân vị hay đảng phái chính trị hoặc tôn giáo nào cả.

12 MÔN : Do giáo sư Đại học và Học giả tên tuổi dạy tại T.T.N.X. là : 1) Hùng biện, 2) Xử thế, 3) Lãnh đạo, 4) Dung nhân 5) Tổ chức, 6) Khoa học ứng dụng, 7) Tâm luyện, 8) Bán hàng, 9) Hôn nhân, 10) Hướng nghiệp, 11) Viết văn và làm báo, 12) Thuật tư tưởng.

ĐẶC ĐIỂM : Phòng tổ chức tiện nghi như Đại học. Mỗi sáng chúa nhật có thuyết trình. Học sau mỗi giờ có uống trà. Hai tuần mỗi tối chúa nhật khóa sinh Hội thoại bàn tròn về các môn học. Học cách học và luyện tinh thần.

Nhập khóa : 1/6, 1/7, và 1/8

Những con đường theo biển

Thơ PHẠM-CAO-HOÀNG

xin chào những con đường tôi đã tới
một trăm lần hay chỉ một lần qua
đường xuyên sơn hay đường ven duyên hải
cũng thân tình và cũng rất thiết tha

đường gập ghềnh đường ra biên ải
mẹ ru con đã tàn giấc thu đông
đứng trông vườn thanh trà xưa rũ chết
Gio-linh ơi mẹ vừa nát cõi lòng

đường vô Nội Thành nở đầy hoa lá
áo ai bay cho bướm dậy lòng xuân
thuở phượng hồng trên môi em vừa chín
đã qua rồi mà nghe còn băng khuâng

đường vượt ngàn xa đường xuôi Hội Phố
ngọt lòng ai một trái bòn-bon
chiều đã rơi đầy trên đỉnh Cà-Tang
nghe như nước sông Thu-Bồn dậy sóng

đường vượt Cù-Mông đường qua Xuân-Lộc
Sông-Cầu ơi thương quá bóng dừa xanh
phải đêm qua bên Vườn-Xoài-Đá-Trắng
chuyến xe đầu ngày đã nở tan tành

đường theo Đà-Rằng đường vô đèo Cả
bóng ngựa xa còn nghe vó câu dồn
phải đêm qua đạn ru trên đỉnh Gió
xác mẹ ôm con gục chết bên đường

đường đồ dốc sâu qua trời Đại-Lãnh
xoải chân dài theo cát trắng ngàn năm
biển có ru trời Nha-Trang muôn thuở
cũng nát lòng khi lửa dậy trời Đông

đường theo lòng người xuôi về đất Tháp
đêm nghe dân Hời hát nhớ Chiêm-Thành
sống vô trăm năm bên bờ Cà-Ná
tiếng dân chài còn nghe vọng năm canh

xin chào những con đường tôi đã tới
một trăm lần hay chỉ một lần qua
đường dấu mấy năm ngập tràn máu lửa
vẫn có lòng người hát khúc thương ca.

Tình khúc thứ nhất

Thơ QUANG-NGỌC

Viết từ đời Tấn-Nhơn-Phú
Thương trao về Sơn

Chiều mưa đàn kín giọt mềm,
Cho anh thương nhớ từng đêm ngọt ngào
Nghiêng cành lá đồ xôi xao,
Thương em gót nhỏ lao đao mấy mùa !
Quen nhau rong một đêm mưa,
Đường giây liên hợp đong đưa giọng tình
Em trong giấc mộng xinh xinh,
Vàng tay khói thuốc ngỡ mình chiêm bao!
Đêm về trên đỉnh đời cao,
Vẫn thơ sầu rụng ngọt ngào... hương bay...
Cho em những đoạn tình này,
Xa xai cánh nhận — Vòng tay đợi chờ....

Đêm 24-5-1970
Trong « Những đoạn Tình buồn »

Sách mới

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

— **Đất lề quê thói** Phong tục Việt-Nam của Nhất Thanh do Cơ-sở ấn-loát Đường Sáng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 540 trang, biên khảo về «lề thói», phong tục thuần túy V.N. qua 12 chương gồm : từ khi sinh ra, lớn lên, ăn, uống, thuốc thang, nhà ở, đến : lấy vợ lấy chồng, ma chay, làng xóm. Trình bày đẹp, nhiều hình ảnh. Giá 500đ.

— **Muốn sống lâu** của Bs. Nguyễn Hữu Phiếm, do Cơ-sở Phạm quang Khai xuất bản trong tủ sách Nam Chi và tác giả gửi tặng. Sách dày 218 trang gồm 4 phần : Vệ sinh về sức khỏe, Tập bệnh và tai nạn, Giáo dục sức khỏe, Chuẩn bị tuổi già. Cuốn sách ích lợi cho mọi lớp tuổi. Tựa của Nguyễn-Hiến-Lê. Bản đặc biệt.

— **Cầm ca Việt-Nam** (sưu tầm phong tục) của Toan Ánh, do Lá Bối xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 270 trang gồm có : Các nhạc khí và nhạc ở V.N, Các giọng ca hát bình dân. Hát tôn giáo, Hát về nghề nghiệp, Ca hát trí thức, Tân nhạc... Tựa của Nguyễn-Hiến-Lê. Giá 250đ

— **Việt lý tố nguyên** (Triết lý an vi) của Kim-Định, do An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 430 trang gồm 3 phần lớn : Nguồn và gốc; Người và Việc; Kế và Tiếp; trong những phần này có chương đã được trích đăng để giới thiệu trước trên Bách Khoa 305, 306 và 311 (tháng 9, 10 và 12/69). Giá 380đ.

— **Tôi là ai ?** của Nietzsche, do Phạm Công Thiện dịch từ nguyên tác chữ Đức, Phạm Hoàng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 176 trang, ngoài phần dịch

có phần phụ lục của dịch giả. Giá 170đ.

— **Thần thoại (Ấn-Độ)** do Doãn quốc Sỹ sưu tập và dịch thuật, Sáng Tạo xuất bản trong «Tuyển tập văn chương nhi đồng» và soạn giả gửi tặng. Sách dày 148 trang có 2 phần : Tổng luận về Thần thoại và Thần thoại Ấn Độ. Sau là phần tự vựng... Bản đặc biệt. Giá 140đ.

— **Ngã đạn tập** truyện ngắn của Dương-Nghiễm-Mậu, Tân Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 122 trang gồm 7 truyện đặc sắc. Giá nhất định 40đ.

— **Võ cổ truyền Việt-Nam** của Lạc Hà do Nguyệt san Nghiên cứu Võ Thuật xuất bản và gửi tặng. Sách dày 190 trang, là Tập I của Võ Bình-Định : Bát quái chân truyền dạy những thế võ căn bản có rất nhiều hình để tự luyện tập. Giá nhất định 220đ.

— **Một vòng hoa cho người cách mạng** tiểu thuyết của Peter Abrahams, nguyên tác «A wreath for Udomo», bản Việt văn của nhóm Nghiên cứu văn học quốc tế căn cứ trên bản dịch Pháp văn của Pierre Singer. Sách dày 458 trang, do Trình Bầy xuất bản và gửi tặng. Bản đặc biệt. Giá 380đ.

— **Tuổi trăng tròn (II)** của Quyên Di, do Thăng Tiến xuất bản và gửi tặng. Sách dày 128 trang gồm những lá thư mà người em gái kể các chuyện vui, buồn, khó xử... cho người anh nghe, đề anh chỉ dẫn cho em hành động. Giá 80đ.

— **Ta đợi em từ ba mươi năm** tuyển tập thơ của Vũ Hoàng Chương trích trong các tập : thơ Say, Mây, Rừng Phong, Hoa đặng, Trời một phương, do An Tiêm xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 166 trang gồm 60 bài thơ đặc sắc nhất của nhà thơ nổi danh từ thời tiền chiến. Bản đặc biệt. Giá 250đ.

T ô c h á o l ò n g

(Xin xem B. K. từ số 323)

Sau khi sinh đẻ tôi xong, mẹ tôi đau yếu liên miên, cha tôi cũng bị bệnh hoạn liên tiếp dày vò. Đó là dư âm của những tháng ngày đói khổ, ngủ đất năm mưa ở ngoài Bà-Rịa. Vốn liếng hết sạch, ruộng vườn hoang phế, cha tôi thấy không còn đủ sức lực để khôi phục lại gia-sản đã đồ nát rồi. Sự giàu có càng ngày càng tăng của Bác Tư tét lại làm cha tôi chán nản nhiều hơn, bởi lẽ những sự kém thua quá mức để làm tiêu mòn mọi tranh đua. Bây giờ nhà máy của ông đã đẻ thêm bốn cái khác, dựng lên ở chung quanh làng, thuộc về sở hữu của bốn người con lớn nhất. Các nhà máy ấy cũng áp dụng một sách vở như của bác tôi trong sự bòn rút gạo, trấu, nên cuối cùng những dân làng không biết nên tin nhiệm chỗ nào hơn, đành tùy vị trí thuận tiện mà đem lúa đến thuê xay.

Mọi sự quản-trị trong nhà, sau khi Bác Tư gởi tôi qua đời được giao trọn quyền cho người con dâu thứ năm. Người này thuộc loại đánh đá, keo kiệt thượng hạng nên được bác tôi đặt hết lòng tin, xem như là kẻ duy nhất trong nhà biết được chỗ ông cất giấu chìa khóa. Cô ta lo ngại ngày kia phần lớn gia-sản sẽ về tay người con út nên tìm mọi cách loại bỏ ảnh hưởng vợ chồng

người này ở trong gia đình. Mỗi khi cô dâu thứ tám này nấu món canh, thế nào cô dâu thứ năm cũng lén bỏ vào một đôi vốc muối cho mặn thất họng khiến ông nhạc mình phải chửi tắt bếp mà vẫn chưa thấy đã nư. Biết tính của ông thích ăn cơm nấu cho khô, cô năm lén đổ thêm vài gáo nước sau khi cơm sôi để cơm nhão nhẹt, và cô Tám phải lãnh đủ những câu trách mắng nặng nề về tài nội-trợ bất trị của mình. Cuối cùng bị quá nhiều sự bất công, cô Tám âm con về ở bên nhà cha mẹ. Cậu Tám nhớ vợ, nhớ con, nhưng không được phép đi thăm, vì Bác Tư tôi nghiêm cấm "hăm viếng những đồ khốn nạn" để lo công ăn việc làm đã được chỉ định nghiêm nhặt hàng ngày.

Cha tôi từ khi âm thầm tuyệt vọng về Ông Đạo-Trần, không muốn tìm đến bác tôi, nhưng khi mẹ tôi bị bệnh thương-hàn khá nặng mà trong nhà không còn lấy một đồng, ông thật lấy làm khó nghĩ, nhưng muốn đến mượn một ít để chạy thuốc thang, rồi lại phân vân, dè dặt. Đến lúc vào thấy mẹ tôi nằm vui vẻ sảng thì ông cảm lòng không đau, vội ra quán bà Hai Lợi uống chịu một ly rượu để đề lấy can đảm, rồi vào nhà Bác Tư tôi vay năm đồng bạc.

Bác tôi nhìn mặt cha tôi nói thõng một câu :

— Hồng có tiền mà nhậu nhẹt dữ ta !

Rồi ông cười lạt, gằn từng tiếng một :

— Chớ tiền ở đâu mà đem nuôi bọn miền ngoài, bây giờ đi mượn !

Tiếng «bọn miền ngoài» mà Bác Tư nói là ám chỉ những người dân Miền Trung, Miền Bắc vào buôn bán ở trong này. Dù sống một thời mà thực dân Pháp tìm đủ mọi cách khai thác tinh thần địa-phương để gây chia rẽ ba Miền, cha tôi luôn luôn vẫn có thái độ niềm nở đối với những «người miền ngoài». Mỗi lần họ vào mua bán, làm nghề, họ đều ghé lại xin ở nhà tôi, và cha tôi đón tiếp họ ân cần đãi đằng cơm nước rất chu đáo. Trái lại Bác tôi không ưa ai quấy rầy mình, sự rộng rãi của cha tôi làm ông thêm khó chịu.

Cha tôi hỏi lại :

— Anh nói bọn miền nào ? Anh đây, tui đây, ông bà cha mẹ của mình ngày xưa là ở miền nào ? Chẳng là dân Bắc, dân Trung kéo vào đây sao ? Lột da, cắt thịt ra coi thì cũng là máu mủ đó, chứ ai vô nữa ! Anh nói nghe kỳ cục quá.

Bác tôi nổi giận :

— Tao kỳ cục vậy đó. Nuôi bọn chúng nó thì đợi bọn chúng nó vào mà mượn tiền xài !

— Tui không giúp đỡ để đợi người ta trả lại.

— Thì ráng mà chịu.

Hai anh em cùng làm thinh, nhìn nhau một cách bần học. Rồi bác Tư tôi bỗng quay mặt sang chỗ khác, nói giọng cằn nhằn :

— Hôm rày tao túng muốn chết đi đây. Mấy tiền cũng vét ráo trời để dựng

nhà máy cho tui nhỏ hết. Một đồng cũng không có đặng, nữa là năm đồng.

Cha tôi lẳng lặng ra về, mặt đỏ bầm vì xấu hổ và tức giận. Ông thừa biết Bác Tư tôi có sẵn bạc vụn trong nhà, nhưng chỉ đưa tiền khi nào có thể sinh lợi và có bảo đảm. Tình nghĩa, đối với Ông Tư, không phải là thứ người ta có thể tin cậy, vì nó không có hình dáng, mặt mày nào hết.

Đôi người trong làng biết rõ câu chuyện, cho cha tôi mượn món tiền nhỏ ấy. Mẹ tôi nhờ vậy mà qua cơn bệnh ngặt nghèo. Kể ra cha tôi cũng đã nghĩ đến người anh Hương Cả của mình, nhưng bác Ba tôi từ lâu đã nhường cái quyền định đoạt tài-chánh trong nhà cho Bà bác gái keo kiệt, chỉ họa hoằn lắm ông mới kiếm được một chút bông lộc còm cõi nào đó để đi nhậu nhẹt một mình. Còn Bà nội tôi, ở với chú Chín của tôi, chỉ sống với những hoa lợi rải rác trong vườn, không được người con mà bà ca ngợi, thương yêu, dành cho gia-tài lớn nhất — là Bác Tư tôi — giúp đỡ một đồng mọn nào. Từ khi có nhiều tiền bạc, bác tôi đã quên phứt mình còn có những người thân yêu ở chung quanh mình. Tiền bạc, trong khi dễ ra ham muốn, lại thường tỏ sự kỳ-thị đặc biệt đối với những tình cảm khác.

Một hôm, bác Ba Hương Cả của tôi đi ngang qua quán của Bà Hai Lợi, nhìn thấy Bác Tư của tôi đang ngồi ăn cháo lòng heo. Ông Hương Cả Ba xưa nay vốn khoái cháo lòng, lại gặp phải hôm đói mẹp nên dù không sẵn tiền túi ông cũng bước vào, hy vọng người em giàu có sẽ mời mọc mình. Ông đi lụm thum, rất chậm, sau khi tăng hăng lại ho, cốt cho ông Tư có đủ thì giờ nhìn thấy

được mình giữa những khoảng trống ngắn ngủi của sự ăn uống. Lúc này ông Tư đã mập phịch phịch, da dẻ hồng hào, lại thêm chút rượu ngấm vào càng làm cho ông đỏ tím trong sự phè phỡn. Trước mặt của ông, tô cháo màu đục lờ nhờ vẫn còn bọc khói thơm nồng mùi thịt và mùi tiêu hành. Một đĩa lòng lớn với những lát gan nâu sậm, bao tử trắng phau, thớ tím, thớ phổi tím rím, ngon lành, trộn lẫn quăn quýt lấy nhau. Xì để mới lưng một nửa còn phô chất nước trong veo, rỗng đậm, bên cái ly nhỏ nhắc lên hạ xuống không ngừng. Mỗi lần chiếc đĩa ông Tư quờ quạng trên cái đĩa thịt, gắp lên một lúc ba bốn miếng lòng, quệt vào đĩa mỡ đỏ tươi chất ớt, đưa vội vào cái miệng lớn há hốc, Ông Hương Cả Ba tưởng mình cũng há miệng theo. Nước miếng bỗng chảy xuống cuống họng khiến ông nuốt ực, vừa hạ thấp cằm cho người trong quán khỏi nhìn thấy mình thêm thường.

Tới bàn Ông Tư, ông tăng hăng thêm một tiếng, nhưng ông Tư vẫn cứ ngồm ngoàm nhai một cách siêng năng, coi như ngoài rượu thịt ra, chẳng còn gì đáng quan tâm. Ngượng nghịu, ông Ba đi thẳng vào phía trong quán rồi lại chậm chạp đi ra. Sợ người em mình bận tâm suy nghĩ điều gì nên không thấy mình, lần này ông Ba dừng hẳn lại trước ông Tư, nhìn vào bát cháo, gắng gượng nói rất tự-nhiên :

— Cháu lòng mụ Hai nấu ngon dữ ta !

Mấy tiếng cuối cùng « nấu ngon dữ ta » được ông kéo chẳng cho dài ngoẵng ra để gọi chú ý. Ông Tư ngược mặt lên khỏi bát cháo nhìn người anh mình, rồi lại cúi xuống

để húp sồn sột. Đoạn ông lấy đĩa gắp một về lòng khá lớn, quệt mạnh vào mỡ rồi thộn vào miệng một cách hùng hồ như để gọi sự thèm muốn nhiều hơn nơi người anh ruột già cả. Ông Ba sợng sùng tái người, lộ thọ đi ra khỏi quán, không dám nhìn trở lại, tưởng chừng mọi người trong đó đều biết rõ được sự tình và tâm-trạng của mình. Ra ngoài đường thấy nhẹ nhõm hơn, nhưng gặp các người đi lại ông vẫn cố tránh những lời chào hỏi. Về nhà ông nằm vật xuống bộ ngựa, quay quắt trong sự trơ trẽn vừa qua, vừa giận cho mình, vừa giận đứa em khốn nạn. Tuy vậy ông không dám nói cho vợ mình biết câu chuyện xảy ra, vì Bà Hương Cả vẫn coi ông Tư như một kẻ thù. Suốt ngày hôm đó, rồi tiếp luôn ngày hôm sau, ông Ba không dám bước ra khỏi nhà.

Nhưng chiều hôm sau, khi ông sửa soạn nhậu để với trái ổi chua vừa hái ngoài vườn thì thấy thằng Tiệp, cháu nội ông Tư, đi vào, tay xách một cái cà-mềng khá lớn. Thằng bé đặt cà-mềng lên bàn, vòng tay thưa rất lễ phép :

— Nội cháu bảo đem cháo lòng qua ông dùng.

Cặp mắt ông Ba sáng rỡ hẳn lên :

— Vậy hả ? Nội mấy tử tế quá há !

Ông lật đặt giở cái nắp cà-mềng, kéo ra đầy đủ ba ngăn : một ngăn chứa những miếng lòng khá ngon, một ngăn chứa cháo, một ngăn là đồ gia-vị. Xem qua đủ biết đây là cháo lòng đặc biệt, thường phải trả giá gấp đôi, và đã lâu lắm ông chưa vào quán mụ Hai xài sang như thế. « Thằng cháu giàu có nên cũng biết xài quá ta ». Ông Ba vui vẻ nghĩ thế rồi hỏi hỏi bảo bà vợ đem đồ sang sốt cho lẹ để ăn cho được nóng sốt, và để thằng bé khỏi chờ đợi lâu. Đoạn ông ra vườn hái

cho thằng bé hai trái lựu lớn mà ông tính để chưng kiếng ở trên bàn thờ.

— Nè bà Hương, rửa sạch cà-mềng đi nha ! Minh ăn mà bắt người ta chùi rửa coi sao cho được.

Ông khám xét lại lần cuối để coi cà-mềng đã thật sạch chưa, trước khi giao cho thằng nhỏ, rồi nói :

— Cháu về nói với ông nội cháu là ông cảm ơn nhiều nhen ! Cảm ơn nhiều nhen !

Ông lại xoa đầu thằng bé : «Đi cho cần thận, kéo đường có nhiều lỗ trâu té lòi cẳng đó».

Thằng bé đã ra tới ngõ, ông còn nhìn theo :

Tội nghiệp cái thằng, dễ thương hết cỡ.

Rồi quay sang Bà Hương Cả :

— Tôi với bà ăn món lòng đi, kéo nguội. Đó, bà coi, thằng chả đâu phải người tẻ. Bà cứ bảo nó là hồng ra gì. Thì tại nó ham làm giàu quá đổi nên nó quên đi nhiều chuyện đó thôi, chứ nó cũng biết điều lắm. Thôi ăn đi, sẵn có để rồi, nhậu đã ! Đò, mỗi người có một tánh ý, hể biết ăn ở là hiểu được nhau ráo trời.

Chưa bao giờ ông Hương Cả Ba ăn được một bữa ngon lành như vậy trong cuộc đời mình. Bữa ăn phục hồi danh dự, ve vuốt tự ái, hàn gắn bao nhiêu sụp đổ thảm thương ở trong tình nghĩa gia-đình, và cứu vãn lại biết mấy ý nghĩ bi-quan đồ xuống cuộc đời của một người già từ trước đến nay vẫn sống dễ dãi, no lành. Một ngày sau đó, món cháo lòng khá đặc biệt vẫn còn dư âm rạo rờ nơi ông Hương Cả. Ông chịu khó đi tới các nhà của bà con, thân thuộc, kể

chuyện «thằng Tư sai cháu đem cháo lòng qua cho tôi», không quên thêm cháo, thêm lòng, và nâng phẩm chất món ăn lên hàng «hết sức đặc biệt» để sự hân hoan của ông cho được cân bằng. Chỉ có một tô cháo lòng mà cái uy-tín cơ hồ tàn mạt của Bác Tư tôi có mọi khôi phục. Với cái bề thế của chức Hương Cả, Bác Ba của tôi có đủ các loại thính giả ngoan ngoãn để nghe ông nói rõ về trường hợp của món cháo lòng đặc biệt.

Mấy ngày sau đó, sắp có một món tiền túi, ông Ba bèn vào quán bà Hai Lợi để ăn một tô cháo lòng, vừa để thưởng thức một cái uy-tín đã được khôi phục. Ông ăn uống xong với cái tư thái ung dung, đường bệ của Ông Hương Cả nhiều năm tại chức, rồi khi mãn cuộc, đứng dậy móc tiền ra trả một cách khoan thai. Nhưng khi Bà Hai đếm tiền, ông thấy nơi vẻ mặt bà có một chút gì ấp úng. Ông hỏi :

— Sao đó ? Hôm rày tăng giá rồi sao ?

Bà Hai tỏ vẻ ngần ngại, rồi nói nhỏ :

— Dạ đây mới có một tô. Còn tô đặc biệt ông bảo thằng nhỏ đến mua hôm kia chưa trả.

Ông Hương Cả Ba thiếu một chú nữa là sụm xuống đất. Ủy cha mẹ tôi, thằng Tư chết dịch nó chơi xỏ mình. Ý nó muốn bảo mình có muốn ăn thì mua mà ăn, mà không chịu mua thì nó cho người mua giúp. Bây giờ đã lỡ xức rồi, thì lo mà trả. Chẳng lẽ lại làm tùm lum lên giữa làng xóm hay sao ? Ông cố trấn tĩnh, sượng sùng nói với Bà Hai :

— Quên khuấy đi mất, Để vài bữa nữa rồi trả cho nhen.

Không đợi nghe cái tiếng «dạ» yếu ớt của người đàn bà, ông đi thẳng một

mạch, xấu hổ, loạng choạng, cảm thấy tối tăm một mũi. Nằm vùi liên tiếp mấy ngày, ông Ba tưởng mình có thể đau ốm và chết luôn được. Sự sụp đổ bây giờ còn thảm thương hơn lúc trước, tương-tự như một con bệnh ngặt nghèo vừa bình phục được một cách may mắn bỗng bị chúi xuống đi lại một cách ngặt nghèo hơn nữa. Nhưng mang một ý nghĩa nào đi nữa thì tô cháo lòng — dù thuộc vào loại đặc biệt — vẫn không thể giết được người, nhất là người đó đã làm Hương Cả gần ba mươi năm. Bác Ba của tôi lại đứng vững được, tuy có chán nản cuộc đời hơn trước rất nhiều. Ban đầu, ông định giấu kín câu chuyện xảy ra và âm thầm trả món nợ cháo lòng cho Bà Hai Lợi. Nhưng rồi không thể chịu đựng một sự thiệt thòi tình cảm lớn lao như thế, ông bèn mô tả sự việc cho một đôi người thân thuộc được biết để hạ thấp bớt uy-tín mà ông đã xây dựng nên cho một đứa em khốn nạn, vừa giải tỏa bớt uất ức nơi lòng.

Hai người đầu tiên biết được việc này là Bà tôi và cha tôi. Mỗi người, tùy theo bản chất và điều kiện mình mà có phản-ứng khác nhau. Thói thường, tình yêu bất lực dễ biến ra thành thù hận, bà tôi từ mối cảm tình sâu đậm đối với đồng tiền bây giờ cảm thấy sợ nó một cách xót xa, Bà không oán trách Bác Tư của tôi về sự keo kiệt — ai giàu mà chẳng keo kiệt, nếu không keo kiệt làm sao mà giàu ! — nhưng cứ phàn nàn về nỗi tại Bác Ba tôi không sẵn tiền mua cháo lòng. Theo Bà, cái nguy ở chỗ đó. Ai cũng có tiền thì còn việc gì mà lôi thôi nữa ? Ngày đêm bà khuyên chú Chín của tôi nên suy nghĩ đến đồng tiền.

Theo bà nếu không có cách làm giàu bằng sự mua bán, kinh doanh, thì còn một cách rất là mau nhiệm, ấy là hà tiện. "*Buôn Ngô, buôn Tàu cũng không giàu bằng hà tiện*", ông bà vẫn chẳng dạy bảo như thế hay sao ? Chú Tư của tôi tuy còn nhỏ tuổi nhưng xem có vẻ thấm thía những bài học ấy. Cả ngày thấy ông lò dò lượm đồ ve chai trong nhà cất vào một chỗ và cứ lôi cái ống tiền để dành ra moi từng đồng, đếm đi đếm lại, thấy mà phát rầu.

Cha tôi, đã có nỗi buồn sẵn về cuộc đời và về Bác Tư, nên chuyện tô cháo lòng heo trở thành giọt nước quyết định để cho ly nước đổ tràn. Từ đó ông không chịu sống trong sự cơ cực và đem số ruộng sẵn có lần hồi bán đi để mà ăn xài. Ông bảo mẹ tôi : "*Đề ruộng đất để làm gì ? Đời nào thời đời ấy lo, chẳng có chết ai mà sợ. Càng có nhiều của thì con nó càng keo kiệt, tham lam*". Người bạn nhậu nhẹt thân tín của ông là bác Ba tôi. Cha tôi sẵn sàng đãi ông Hương Cả ruột thịt những tô cháo lòng đặc biệt, dù ăn tại chỗ, hay là mua xách về nhà.

Chén rượu nồng đặc, sóng sánh đưa lên tận môi, ông đưa bàn tay vuốt lên vuốt xuống cánh tay người anh già nua của mình, rồi lè nhè nói :

— Nhậu đi anh Ba, nhậu đi. Anh muốn dùng thêm món gì thì cứ gọi. Có thằng em lo liệu mà. Đừng ngại, uống đi, ăn đi.

Những lúc có Bác Tư tôi ngồi trong quán thì sự mời mọc giữa cha tôi và Bác Ba càng thêm nồng nhiệt. Hai người ăn uống no say rồi giắt tay nhau chệnh choạng đi ra ngoài đường, đôi lúc té vật vào trong hàng rào, loay hoay cả

buổi mà vẫn không đứng dậy được. Bác Hương Cả cảm thấy được sự an ủi, và nỗi buồn phiền về tô cháo-lòng ngày nào cũng được nguôi khuây. Cha tôi hoàn toàn bằng lòng về sự xài phí của mình mà trong thâm tâm Ông coi như sự trả thù về những khổ cực mình đã trải qua sau một năm trời bám lấy ngọn núi Bà-Rịa và những tàn nhẫn, thiệt thòi ở trong tình nghĩa gia-đình. Bây giờ những người ở ngoài Miền Trung vào bán thuốc dạo được ông tiếp-đãi ân cần hơn trước. Ông bắt họ phải ăn cơm nhà ông, "Đi đâu rồi cũng về đây nghỉ ngơi, đừng ngại gì hết, mình là đồng bào, là anh em cả, khi nào rồi tui ra ngoài, tui cũng ăn uống tự-nhiên ở nhà anh em đó mà!". Vốn đã hào phóng, bây giờ ông càng hào phóng hơn xưa. Ông chỉ lỡ để thất lạc cái bản chất ông trong thời gian ngắn đi theo ông Đạo, do đó bây giờ ông cố đuổi bắt lại nó một cách hăm hở. Nhà ông bây giờ gần như cái trạm thường trực cho các người miền ngoài tá túc đề rồi bữa đi các nơi mua bán. Tối lại, chủ khách khề nhà ăn nhậu nói đủ các chuyện thiên hạ, nắng mưa. Mẹ tôi tất nhiên không thích kiểu xài phí rộng rãi nhưng bà chiều lòng cha tôi. Khi ông bán đến đám ruộng cuối cùng đề mà ăn nhậu, bà vẫn không than thở một lời nào, chỉ ôn tồn nói :

— Rồi lũ con mình nó sống làm sao ?

— Oi ! Hơi đâu mà lo. Con thì nó có lộc con. Cứ để cho tôi ăn xài. Lỡ chết thì đem bó vạt.

Tất cả những gì sót lại của Ông Đạo Trần, ở nơi cha tôi, chỉ còn mấy tiếng « bó vạt » được dùng như một kiểu nói liêu linh ở một con người tuyệt-vọng. Bối lễ cha tôi cũng thừa biết

rằng, khi ông chết đi, chẳng ai nữ đem chôn xác của ông với mấy thanh tre và một chiếc chiếu.

Cuộc đời say sưa, hoang phí như thế kéo dài được trên bốn năm thì cha tôi chết. Ông đã già từ cõi đời đứng vào cái lúc ruộng đất đã bán sạch rồi và không còn một món tiền nào trong nhà gọi là dành dụm. Mẹ tôi cố gắng vay mượn làm một đám táng tươm tất. Tôi còn nhớ ngày tôi theo một người anh họ xuống mời Bác Tư của tôi dự lễ làm tuần cha tôi thì ông ta chỉ đáp lại bằng một câu nói lạnh lùng :

--- Cha bay chết rồi thì bọn bay với tao đây chẳng có bà con gì nữa.

Ông đã gạt phắt mẹ con chúng tôi ra khỏi cái vòng liêu-hệ gia-đình với ông. Hay nói đúng hơn, ông đã tự loại mình ra khỏi dây máu huyết với bọn chúng tôi.

Mẹ tôi tìm người bà con ở trên Saigon gửi tôi lên đây ăn học. Tôi chỉ học được ít năm ở ban Trung Học rồi kiếm việc làm tại hãng la-ve. Tôi biết uống rượu từ khi còn nhỏ, những lúc cha tôi dắt tôi lẻ kè đi theo vào quán, nên từ khi nhận việc làm ở Hãng, tôi thường có dịp uống rượu mà khỏi trả tiền. Tôi cố gắng gởi mỗi tháng một ít tiền về nuôi mẹ, nuôi em, và định dành dụm một cái vốn nhỏ để mà cưới vợ. Nhưng trong khi chờ gặp một phụ nữ chịu làm vợ tôi, thì tôi đã lại uống hết cái vốn nhỏ ấy. Vợ và rượu — trong cuộc đời tôi — trở thành hai cái sự-kiện xung-khắc khó lòng mà gặp gỡ nhau.

Thời-gian tôi ở Saigon, tôi nghe tin Chú Chín của tôi dạy ở Biên-Hòa. Cái tin ông đi dạy học làm cho tôi hết sức ngạc nhiên. Sức học của ông tưởng chừng không được một năm, vậy mà

dạy dỗ ai đây ? Bà tôi không chịu cho Chú Chín tôi học nhiều, vì bà cũng đồng ý với Bác Tư là học thồ g thái thì chẳng bao giờ giàu được. Phải giàu, dù bằng cách gì, đó là ý tưởng chính cốt của Bà. Ít nhất cũng khỏi khổ sở vì tô cháo lòng mà mình không sẵn tiền mua.

Tôi được biết Chú Chín tôi đã chọn con đường hà tiện để đi cho tới « lý tưởng » có tiền. Năm đầu, khi lên Sài-gòn, ông xin giúp việc thợ-ký cho người cháu họ có hãng nước mắm ở tại Chánh-Hưng. Tiền lương hàng tháng ông không dám lãnh, sợ sẵn có tiền trong túi rồi tiêu môn đi. Ông bảo chủ hãng ghi sổ để cuối năm, sẽ nhận một lần.

— Vậy tiền đâu mà chú Chín chi phí những việc lặt vặt cần thiết ?

— Tao có cách rồi. Cứ mỗi chủ nhật công nhân dán nhãn các tin nước mắm họ nghỉ, thì tao lãnh công việc ấy tao làm. Làm suốt một ngày cho nhật cũng được gần bốn năm chục đó chớ. Vừa có tiền thêm, mà khỏi sinh sự ản xài. Cưng đó đủ tao hút tót, mua xà bông giặt, mua thuốc rê hút, thỉnh thoảng cũng uống cà phê một cái « xây chừng » với người thiên-hạ. Mà xài không hết, đó mầy.

Sau đúng một năm, lãnh trọn gần ba chục ngàn tiền lương, Chú Chín bỏ hãng nước mắm, xuống tận Biên-Hòa thuê một miếng đất bỏ hoang — đã thành một chỗ đồ rác công cộng — ở cạnh một cái đình lớn Chú dựng một ngôi nhà lá thơm tắp, rào miếng đất lại, trồng trọt trên miếng vườn khá màu mỡ ấy. Chú trồng mía, chuối và một số đồ rau cải. Rồi đem số tiền còn lại thuê ít bàn ghế, thương lượng với xã cho mượn cái đình

để mở một trường tiểu-học. Ban đầu học sinh đến chỉ leo ngoeo đôi đứa nhưng rồi càng ngày kéo đến càng đông. Người ta tin nhiệm Ông giáo Chín này không phải ở nơi sức học và khoa sư phạm, nhưng ở kiểu cách làm việc có vẻ chu đáo, cần-cù của ông. Suốt hai tháng đầu, chỉ có 5 người học trò, Ông Chín vẫn dạy một cách tận tụy và giảng hò hét như tuồng đứng trước cả ngàn đứa trẻ. Ai đi qua đó cũng dừng lại nghe những lời giáo-huấn rất mùi đạo-đức bằng một giọng nói rõ ràng, nghiêm nghị và ai cũng lấy làm phục ông thầy. Học trò đông dần, càng lúc càng đông, cứ mỗi hai tiếng đồng hồ lại có một lớp thay đổi, từ sáng đến chiều ông giáo liên tục dạy dỗ và thu tiền học. Cứ mỗi một giờ, ông giáo cho họ trò nghỉ mười phút, nhưng trên thực-tế có thể đến mười lăm phút hay là hơn nữa, để ông vạch rì o, chạy tạt về nhà uống một ngụm nước hay hút một điếu thuốc rê. Ông không quên gọi theo chừng năm, sáu đứa lớn, vừa trai vừa gái — cho nó vui vẻ mí nhau — và đứa thì thầy nhờ quét cái nhà, đứa thì xách nước, vò sơ cái áo, bắc giúp nồi cơm. Thầy ngồi trên ghế, sai chúng chạy tới chạy lui tưới xới và bọn học trò xưa nay đều thích làm vui lòng thầy. Khi chuối ở vườn đã chín và mía đã lớn, thầy cũng không ăn, mà cũng không cho học trò. Thầy ra chợ mua thêm kẹo, bánh cùng một chục thứ gói xanh, gói đỏ chua chua ngọt ngọt thường để đánh lừa tì vị con nít rồi thầy mở ngay một gian hàng quà ở tại nhà mình, vào mỗi giờ chơi. Sau mỗi một giờ bán chữ, thầy bán đồ ăn độ vài chục phút, vừa bắt học trò làm đủ mọi việc trong nhà. Cứ nhìn quang cảnh ông thầy tần nần bán từng trái chuối — nhờ trời, chuối của vườn ông khá lớn

bởi rác trước kia ở đó khá nhiều - tính cứng cắt bạc, người ta dễ có cảm tưởng kỳ quặc đối với vai trò giáo-dục ở thời buổi này. Tất cả tờ bạc của ông giáo Chín đều được sắp xếp cẩn thận theo đúng bề mặt, bề trái và cứ được mười đồng lẻ thì ông ra chợ đổi lấy tờ chục và mười chục lẻ thì đổi tờ trăm, để cho gọn gàng, và khỏi thấy dễ mà tiêu xài mất.

Khi tôi xuống thăm chú tôi lần đầu, vào một sáng sớm chủ nhật tôi thấy chú tôi loay hoay tính chuyện đi chợ để về làm cơm mà thết đãi tôi. Tôi nói :

— Cưới vợ đi chú, cho nó bớt khổ.

— Chèn ơi! Mày tưởng cưới vợ không tốn kém sao? Để lo làm ăn thur thả rồi kiếm một mụ nào giàu, lấy vốn khuyếch trương chứ mày.

— Thế chú cưới vợ hay là cưới tiền?

— Tao cưới cả hai. Việc gì mà phải phân biệt, có vợ mà còn có tiền, có phải sướng không?

Chú tôi quan niệm cuộc đời đơn giản như vậy. Ông nhìn mọi việc xuyên qua một khía cạnh tiền, và lấy đó làm tiêu-chuẩn cho mọi suy-luận, hoạt-động. Bữa cơm trưa ấy ông mua vốn vẹn ở chợ một con cá trê giá năm đồng bạc. Năm đồng là cái mức độ cao nhất được ông đề ra cho sự ăn uống của ông.

— Vậy chiều nay chú ăn gì?

— Oi, còn mằm trong nhà, còn rau ngoài vườn, thiếu gì.

— Chẳng có thịt cá gì sao?

— Tại mày xuống chơi chớ không thì tao đi câu, bắt ếch, ăn đủ cả tuần. Thỉnh thoảng tao cũng nhậu nhẹt lai rai một mình. Thịt cóc, thịt rắn, quanh đây ở bờ bụi nào chẳng có.

Giọng nói chú tôi vui vẻ, tự-nhiên, khiến tôi nghĩ đến bà nội của tôi đã qua đời rồi. Dẫu bà đã chết nhưng cái hình ảnh trung thực của Bà vẫn còn nơi người con út. Nghĩ đến mấy tiếng "tại mày xuống chơi" tôi thấy khó chịu trong lòng. Hôm đó tôi về hơi sớm, vì thấy sự thăm viếng của người cháu chỉ làm ông Chú duy nhất của mình mất phần cá, ếch nhiều ngày.

Từ đó hàng tháng tôi gửi thư xuống thăm ông và không nhận được một thư trả lời nào cả. Ba bốn tháng sau, tôi mới nhận được một lá, nhờ một người quen đưa tận tới hăng La-ve, để khỏi tốn mấy đồng tem. Bức thư như sau :

« Cháu Khoẻ ôi !

Chú nhận được thơ cháu ngày 9 tháng 8 năm 1955. Nay nhân có người quen đi lên Saigon chú gửi ít lời thăm cháu. Chú đã mua được một chiếc xe đạp khá tốt. Tuần sau, nhất định chú lên thăm cháu kéo lâu ngày nhớ lắm lắm đó.

Biên-Hòa ngày 7 tháng 12 năm 1955

Chú Chín của cháu

Lê-Văn-Xường

Trời ơi! chẳng lẽ chú tôi lại định đi bằng xe đạp từ Biên-Hòa lên hay sao? Nhớ đến thân-hình gầy nhom và cao lòng không như con cò ma của chú mà tôi lo ngại. Tôi bỗng hối hận về bức thư gửi ân cần của mình vừa qua, trong đó một hai tôi bảo chú Chín của tôi phải lên một bữa để mà nhậu nhẹt lớn chuyện một phen cho bớt nhớ nhung. Nhưng một tuần qua, chẳng thấy bóng dáng chú Chín. Rồi một tuần nữa và hai tuần nữa trôi qua. Chẳng lẽ chú tôi đã đi xe đạp và bị tai nạn dọc đường? Chủ-nhật sau đó, tôi xuống Biên-Hòa rất sớm. Tối nơi tôi thấy chú tôi ăn mặc tề-

chính đang đứng chờ xe bên đường. Bên cạnh có chiếc xe đạp còn mới, sơn màu xanh đậm, chạy những chỉ vàng. Tôi trách :

— Chờ chú cả trên tháng nay rồi đó, chủ nhật không dám bỏ đi đâu hết, cứ sợ chú lên. Sao mà hôm nay mới đi ? Thiếu một chút nữa thì đi lặt hết.

— Nói vậy chớ dễ gì đón được xe... Thì ra chú tôi đã đón xe lên thăm tôi từ cuối tháng trước nhưng ông sợ lên Saigon đi lại tốn kém nên mang cái xe đạp mới đi theo. Để bảo vệ màu sơn mới, ông chịu khó đi xe lô, dù có đắt hơn vài đồng, nhưng chỉ bằng lòng đi cái xe nào không có xe đạp nào hết đèo ở đằng sau. “Có cái xe khác nó cọ xe mình hư sơn ráo tội, còn gì”. Trên một tháng rồi, ông đón một mẻ mỗi không gặp một cái xe lô như ý, và cứ mỗi sáng chủ nhật lại ra chờ đợi vài tiếng đồng hồ mới dắt xe đạp vào nhà, cởi áo, thay quần vác cần đi câu cá.

Buổi sáng hôm đó, khi chú tôi đi ra chợ mua đồ «đãi» cháu (ông không thể nhờ cậy ai, vì sợ người ta mua đắt) tôi có gọi ông tờ giấy mười đồng nhờ mua gói Bastos đỏ, là loại thuốc điếu phổ biến trong giới bình-dân. Khi về, ông mua vồn vẹn một con cá lóc 5 đồng — cũng lại năm đồng—đưa gói thuốc lá cho tôi với số năm đồng tiền thừa, rồi nói :

— Ủy cha mẹ ôi ! con mề bán thuốc đưa tao gói thuốc rồi thối lại tao năm đồng (1) làm tao đứng sững. Tao tưởng nó đắt hơn vậy chớ mầy. Năm đồng mà cái gói thuốc ngó ngó dư ta. Hút được đó chứ !

Tội nghiệp, bao nhiêu năm nay ông ta chỉ hút thuốc rê nên không biết rõ thời giá về thuốc. Tôi xé bao thuốc, mời ông,

và tôi thấy ông trình trọng cầm lấy điếu thuốc rẻ nhất trong loại thuốc lá, ngắm nghía, ngắm soi, rồi kéo từng hơi rất dài, chậm chạp, như để thưởng thức tất cả hứng thú mà ông chưa từng quen hưởng lâu nay. Người ta cứ bảo người dân Miền Nam ăn xài rộng rãi, điều ấy quả có đúng thật, nếu họ chỉ gặp những người như là cha tôi. Nhưng những con người như chú Chín tôi sẵn sàng có đầy đủ mà sửa đổi ít nhiều về nhận xét trên.

— Chú à, tiền bạc chú đã có nhiều, tội gì mà chẳng ăn xài.

— Để dành làm ăn chứ mậy. Chú dạy ở đây trôm trôm mỗi tháng cũng chín mười ghim. Cái trường ngó bộ xấu mã, vậy chớ khỏi tốn kém chi ráo tội. Đồ đồng mỗi năm để dành có tới trăm ngàn, dạy chừng ba năm kiếm ba trăm ngàn chi đó rồi bán miếng vườn, nhà cửa, sang lại cái trường có tới một trăm ngàn nữa chẳng chơi. Lúc đó bợc sẵn ba bốn trăm ngàn, kiếm chuyện kinh doanh. Khi nào cần thêm vốn liếng, rồi sẽ tính chuyện lấy vợ.

Nhưng mới hai năm chú Chín của tôi đã bị nám phổi rồi ho ho lao nặng. Bỏ đồng tiền ra uống thuốc, chú đau khổ lắm. Khi đã quá nặng mới lo chạy chữa, cơn bệnh nhất định không lùi. Chú tôi qua đời vào một buổi chiều chủ-nhật. Cho đến phút cuối, ông cũng chọn lấy một ngày không có việc làm để mà từ giã cõi đời. Và đến phút cuối, cũng chẳng ai biết tiền bạc ông cất ở đâu. Có lẽ như thế, ông được hoàn toàn yên lòng để mà nhắm mắt.

Tôi xin nghỉ mấy ngày phép để về dưới quê báo tin cho gia đình biết, dù tôi cũng bị chất rượu hành hạ lá gan

(1) Hồi đó Bastos đỏ giá có 5 đồng.

nằm liệt từ mấy tháng rồi. Khi rời khỏi con đường nhựa rẽ con đường đất vào làng tôi mới sức nhớ là gia đình tôi cũng chẳng còn ai để mà đón tiếp cái tin buồn này. Bà nội của tôi chết từ lâu rồi. Bác Hương Cả Ba của tôi từ già cỗi đời đã bảy tám năm. Ngày ông tắt thở, người Pháp nghĩ đến công lao của ông Hương Cả tận tụy tại chức suốt ba mươi bảy năm liền, loay hoay không biết tặng thưởng cho ông những gì để tỏ chút tình mẫu quốc đối với con dân gương mẫu của nước thuộc địa. Cuối cùng ông được nhà nước thực-dân phong lên chức Đại Hương Cả, và khi đưa linh cữu ông ra đồng, một tiểu-đội lính bông súng được sai phái đến đi theo cho đến lỗ huyết, rồi chia hòng súng lên trời bắn tiếp lẹt xẹt ít loạt gọi là một thứ nghi lễ tôn nghiêm. Xong rồi, bà con thì đi về nhà, bác tôi thì về chín tuổi, còn tiểu đội lính thì đi về đồn.

Bác gái của tôi từ lâu thấy chồng của mình chỉ có thể làm hương cả chứ không có thể làm giàu, nên tìm cách gả ba người con gái khá đẹp cho ba chàng rể giàu nhất trong vùng. Người rể đầu tiên, con một người góp tiền chõ cò bạc rượu chè, ho lao rồi chết, và người vợ cũng lây bệnh chết theo. Người rể thứ hai con ông Cai-Tổng, có đi Tây học ít năm, về nhà của cha mẹ vợ ít khi chào hỏi một ai, và mỗi bữa ăn thường đứng một chân, còn một chân kia vẫn mang giày vớ đặt lên trên ghế. Anh ta bảo rằng khi ở bên Tây anh ta ăn đứng như vậy quen rồi. Sau khi lấy tiếp một người vợ hai, rồi đến vợ ba, vợ tư—bản là lấy quen như thế bên Tây—gia-tài khánh tận, người con bác tôi phải sống nghèo nàn, cô độc, như kẻ góa bụa. Người rể thứ ba là

một công-tử, con của một ông Hương-chủ rất giàu. Khi cuộc chiến tranh Việt-Pháp bùng nổ, anh chàng nhất định không đứng về bên nào hết, và một hôm nọ đang đi thăm ruộng giữa đồng, bị một viên đạn bắn chết mà không biết rõ xuất xứ từ đâu. Mấy người có cảm tình với Việt-Minh bảo là đạn ấy của Pháp. Mấy người cảm tình với Pháp bảo là đạn của Việt-Minh. Chỉ có viên đạn biết rõ, lại chẳng nói năng lời nào. Người vợ anh ta bị người anh chồng đoạt hết của cải, phải cố bám víu vào mấy vạt ruộng còn lại để sống những chuỗi ngày tàn. Bà Bác của tôi chứng kiến đầy đủ tất cả các sự kiện trên rồi mới âm thầm tắt thở.

Bây giờ chỉ còn sót lại, mỗi Bác Tư tôi. Trong tám người con, bảy người đã có nhà máy xay riêng và không người nào lưu ý đến cha mình nữa. Còn người con út thì vợ đã bỏ về nhà cha mẹ, và không được phép đi thăm nên sau mấy năm thương nhớ, anh ta lâm bệnh, từ trần. Lúc gần tắt thở, miệng anh vẫn cứ thều thào kêu gọi tên con. Người nhà chạy gọi vợ con anh đến để anh nhắm mắt cho được yên lòng, nhưng mới đi ra tới ngõ thì anh đã chết. Tuy vậy, gia đình bên vợ của anh vẫn nhất quyết không chịu cho con gái về phục tang chồng, bởi mỗi năm hờn ngày nào vẫn chưa nguôi-ngoa. Bác Tư của tôi già yếu, bệnh hoạn, không trông coi nổi nhà máy và nó tự sụp đổ lấy. Ông sống cô độc một mình trong ngôi nhà rộng, tự giặt giũ lấy quần áo, không thuê mướn được ai nữa. Nhiều khi ông nhẩm bà con lối xóm gọi giúp cho ông đưa con, hay đưa cháu nào, nhưng sau nhiều ngày chờ đợi ông không thấy đứa nào đến. Chúng nó mắc lo làm giàu, và sự sẵn đuổi

đồng tiền bận rộn, hấp dẫn hơn là chăm nom cho một người cha, người ông bệnh hoạn.

Bác tôi chỉ còn thương tiếc, không phải bà vợ của ông, mà người con dâu thứ năm, qua đời vì caứng sản hậu sau kỳ chữa đẻ, đã mười năm rồi. Người con dâu ấy, khi còn ở trên đời này đã đem tâm lực ra để giữ gìn tiền bạc cho ông, và ông tin rằng nếu cô ta còn sống thì sẽ là nguồn an ủi của ông trong lúc xế chiều. Ông vẫn lập cái bàn thờ con dâu ngay trong nhà mình, và đến ngày kỵ, lọ mọ nấu nướng, tự tay khệ nệ bưng lên cúng con dâu, rồi lại lồm khộm bưng xuống ngồi ăn và khóc một mình. Đã hết dựa cậy vào những người sống, ông cố bám víu vào một hình ảnh đã khuất xa rồi. Những người quanh xóm cũng ít lui tới, suốt ngày ông cứ lẩn quẩn trong nhà, sờ soạng như một bóng ma. Người ta bảo nhau: "Ông chưa có chết được đâu. Còn sống dai mà. Trời còn bắt sống để mà coi cho mãn nhãn sự đời".

Thỉnh thoảng có người lối xóm đem bán cho ông một ít tép bò để đổi cây trái trong vườn mà họ biết rằng ông không thể nào kiểm soát được họ hái nhiều hay ít. Ông lại lại lui đem tép trộn với cơm nguội, muối sống, cho vào cối giã để làm mắm ruốc, thức ăn gần như độc nhất của ông về già. Cặp mắt gần như mù lòa, ông phải sờ soạng tìm chiếc ghế gỗ, lê đến ngồi bên

cái cối, hai tay mệt nhọc nhấc cái chày lên, giã xuống chệnh-choạng, vừa thở hào hển. Nhiều lúc ông dừng chày lại, ôm ngực rên lên hừ hự. Và thường ông ngồi nguyên đấy tiều tiện, đại tiện ra quần, rồi thả rơi chày, ngủ thiếp ở bên cối tép.

Khi tôi đi sâu vào xóm, qua nhà Bác Tư của tôi, tôi chợt nhớ lại câu nói lạt lẽo ngày nào khi ông từ chối không đến dự lễ làm tuần cha tôi. Tôi lặng lẽ đi qua ngõ và rẽ sang một lối khác. Trời đã chiều rồi, tiếng hát ru con à ơi ở đâu văng lại một cách buồn thảm. Những lá xoài khô, lá cây vú sữa vàng sẫm rụng xuống đầy trên lối đi. Có lẽ chỉ còn mẹ tôi, em tôi, cảm thấy vui mừng vì cuộc trở về khá bất ngờ này.

Qua một ngõ tối vì những lá cành che rậm, tôi bỗng nghe những tiếng giã thỉnh thoảng trong cối của nhà ai đó. Tôi nghĩ đến những nhịp chày chệnh choạng của người bác già, nghĩ đến nỗi buồn mênh mông ở trong kiếp sống của nhiều con người loay hoay suốt đời giữa các vòng trời u tối, thê thảm của những ước muốn tầm thường. Tôi bước chậm lại nghe đôi chân mình chuyển dịch một cách khó nhọc. Tôi nhớ chứng bệnh đau gao đang ở thời kỳ trầm trọng và muốn lê bước đi ra khỏi xóm, không ghé lại nhà.

3-9-67.

VŨ HẠNH

Phòng trà bỏ túi GIAO CHI

57 Võ-Tánh — Sài Gòn.

Với 16 ca sỹ thượng thặng, Show mỗi đêm — Giá kiễm ước chỉ 250đ đồng hạng do nhạc sỹ HOÀNG-BÁ điều khiển — Đặc biệt thứ bảy Áo thuật Z.8 và trình diễn THƠ do nhóm NHÂN CHỨNG giới thiệu sẽ đưa tâm hồn bạn dịu lại sau những màn kịch động.

Thời sự thế-giới

T U - T R I

Quốc vương Hussein xứ Jordanie bị phe kháng chiến Palestine đe dọa khiến thế quân bình ở Trung-Đông có thể bị rạn nứt, tình hình Kampuchea và Lào trước viễn tượng quân đội Mỹ rút lui vào cuối tháng 6-1970, đảng Lao-động bị loại khỏi chính quyền tại Anh là ba dữ-kiện mới của chính-trị thế-giới hiện thời. Ba dữ-kiện này sẽ không khỏi chi phối thời-cuộc quốc-tế trong những ngày sắp tới.

Tại Trung Đông ngai vàng của quốc vương Hussein đang bị đe dọa trầm trọng

Từ khi những người Do-Thái chiếm đất Palestine để lập quốc vào năm 1948 tới giờ, Jordanie đã là một quốc-gia đón nhận các người Ả-Rập tỵ nạn từ Palestine tới nhiều nhất. Hiện nay trên lãnh thổ Jordanie có hàng t.ăm ngàn dân Palestine. Sự hiện diện của các người này đã luôn luôn là những yếu tố bất ổn cho đời sống chính-trị, không những của Vương-quốc Jordanie, mà còn cho cả vùng Trung-Đông nữa. Thật vậy, họ luôn luôn theo đuổi mộng tái chiếm vùng Palestine, đuổi người Do-Thái. Họ là những phần-tử cách-mạng cuồng-tin nhất tại vùng Trung Đông. Tại các quốc-gia đón nhận họ như Syrie, Liban, Jordanie, những người Palestine luôn luôn chi phối đời sống chính-trị trong và ngoài nước.

Năm 1948, Jordanie lúc đó còn gọi là Transjordanie đã đem quân tấn công Do-Thái cùng với các quốc-gia Ả-Rập khác.

Nhưng quốc-vương Jordanie, lúc đó là Abdallah, ông nội của quốc vương Hussein, sau khi chiếm được vùng lãnh-thổ bên kia bờ sông Jourdain và đổi tên cho vương-quốc của ông thành Jordanie, đã rút lui khỏi trận chiến để củng-cố các lãnh thổ đã chiếm được. Người Palestine không tha thứ cho ông Abdallah nên ngày 20-7-1951 một người Palestine đã ám sát Abdallah.

Hai mươi năm sau, những người tỵ nạn Palestine không những không bỏ mộng phục thù Do Thái, mà còn tổ chức mạnh mẽ hơn nữa để tấn công Do Thái và bắt buộc các quốc gia nơi họ cư ngụ phải có đường lối cứng rắn với Do Thái.

Sau khi thảm bại trong các cuộc chiến tranh năm 1956 và 1967, trước lực lượng hùng hậu của Do-Thái, các quốc gia Ả-Rập tuy muốn hòa hoãn với Do-Thái nhưng vẫn e ngại phản ứng của dân Palestine. Mặt-trận Bình-dân Giải-phóng Palestine, thân Cộng-sản, trong những năm qua đã làm cho không những Do Thái mà cả các quốc gia Ả-Rập phải nhức đầu. Họ từ lãnh thổ Jordanie hay Liban đem quân tấn công các nông trại Do Thái, hoặc cướp hay phá hoại các phi-cơ dân sự của Do-Thái, nên khi chính phủ Do Thái trả đũa thì chính Liban và Jordanie lại hứng chịu các hậu quả.

Sau khi đụng độ với chính-phủ Liban tạo nên một cuộc khủng-hoảng chính-trị

trầm trọng tại nước này vào năm ngoái người Palestine lại gây những khó khăn tương tự cho Jordanie. Đầu năm nay, Quốc vương Hussein đã cố gắng giới hạn ảnh-hưởng của quân Palestine và quân Palestine đã phản-ứng lại khiến một cuộc nội chiến suýt gây ra vào tháng 2/70. Đến tháng 6-1970 một cuộc đụng độ trầm trọng hơn đã lại bùng nổ giữa quân Palestine và quân đội Jordanie. Một sĩ quan Jordanie đã bị người Palestine bắn và quân đội dưới quyền sĩ-quan này đã phản công lại. Quân Palestine mượn cơ đó vây thủ-đô Amman, bắt ngoại-kiều Đức, Mỹ, Anh. Một cuộc chiến-tranh thực sự đã bùng nổ giữa quân-đội Jordanie do Hoàng-thân Sherif Nasser Ben Jamil chỉ huy và quân của Mặt-trận Giải-phóng Palestine. Chính Quốc-vương Hussein cũng thoát khỏi một vụ mưu sát. Sau năm ngày chiến tranh với 200 người chết, Hussein đã phải nhượng bộ để đình chiến. Ông đã phải cách chức Sherif Nasser Ben Jamil, là chú ông, để làm hài lòng người Palestine. Hiện thời Quốc-vương Hussein hầu như ở trong tay dân Palestine.

Với sự lu mờ ảnh-hưởng của Hussein ở Jordanie, cục diện chính-trị Trung-Đông đã thay đổi nhiều. Thật vậy, Quốc vương Hussein từ trước tới nay tượng trưng cho sự ôn hòa tại Trung-Đông. Hơn nữa ông luôn luôn có chính sách thân hữu với Hoa-kỳ. Nếu ông bị những người Palestine thân Cộng lật đổ, cán cân lực-lượng sẽ ngả về phía Cộng-sản khi mà Nga đang cấu-kết với Ai-cập và Syrie...

Hơn nữa nếu Hussein bị lật đổ, thành-phần ôn-hòa không còn nữa, các quốc-gia Ả-Rập sẽ bắt buộc phải đi tới một chính-sách hiếu chiến mở màn cho một cuộc chiến-tranh, mới ở Trung-Đông

giữa Ả-Rập và Do-Thái.

Chính-phủ Hoa-thịnh-Đốn đã ý-thức được những nguy cơ trên, nên Đệ-lục hạm-đội của Mỹ đã nhận được lệnh chuẩn bị can-thiệp nếu tình thế đòi hỏi.

Thay đổi Chính-phủ tại Anh

Trong tháng 6 vừa qua cũng có một sự-kện quan trọng không kém đã xảy ra là sự thay đổi chính-phủ ở Anh. Trong cuộc bầu cử Quốc-hội vừa qua, đảng Bảo-thủ đã chiếm được đa số tại Quốc hội khiến ông Edward Heath, lãnh-tụ của đảng, đã đương nhiên lên thay thế ông Harold Wilson trong chức vụ Thủ-tướng.

Kết-quả bầu cử này là một bất ngờ rất lớn. Trong cuộc cử động bầu cử, ông Wilson, lãnh tụ đảng Lao-động, đã tỏ ra hết sức lạc quan. Các cuộc thăm dò dư-luận đầu tiên đoán là đảng ông sẽ chiếm được 12% phiếu hơn đảng Bảo-thủ. Trong tài khóa vừa qua, chính-phủ của đảng Lao-động đã thực hiện được một cán cân chi phó thặng dư gồm 1,5 tỷ Mỹ-kim trong khi đảng Bảo-thủ đã bị mất chính quyền vào 1964 sau khi cán-cân chi-phó thiếu hụt 1,9 tỷ Mỹ kim.

Nhưng kết-quả đã khác hẳn với tiên đoán. Đảng Lao-động chỉ chiếm được có 287 ghế tại Quốc-hội, trong khi đảng Bảo-thủ chiếm 330 ghế, đảng Tự-do 6 ghế và các đảng khác 7 ghế.

Ông Edward Heath là một khuôn mặt khá quen thuộc trên chính-trường Anh và Âu-châu. Khi đảng Bảo-thủ còn nắm chính quyền dưới ông đã giữ chức vụ Tổng-trưởng Lao động trong nội-các Mac Millan và Tổng-trưởng Thương-mại trong nội-các của ông Douglas Home. Trong chức vụ này ông đã thương-thuyết

để Anh gia-nhập Thị-trường chung Âu-châu. Với sự chấp-chánh của một nhân vật trẻ tuổi (ông Heath năm nay 54 tuổi) và độc thân, Chính phủ Anh có lẽ sẽ có một chính-sách đối-ngoại hoạt động hơn trước. Tại Âu-châu người ta tiên đoán là ông sẽ xúc tiến việc thống nhất Âu-châu và tại Á-châu người ta hy vọng rằng ông sẽ đảo ngược lại khuynh-hướng rút lui của ông Wilson.

Chiến trận Kampuchea trước khi Mỹ rút quân

Cũng trong tháng 6 vừa qua, tại Kampuchea người ta nhìn ngày 20-6, như là một dấu hạ quan trọng. Thật vậy, sau ngày này Mỹ sẽ rút hết quân khỏi Kampuchea khiến cho nhiều người tự hỏi không hiểu sau đó chính-phủ Lon Nol còn đủ khả năng đứng vững hay không.

Mối lo ngại của ông Lon Nol còn trầm trọng hơn nữa khi Cộng quân chiếm đóng Đế-thiên Đế-thích. Khi chiếm các đền đài li h-sử này, phe Cộng-sản muốn lượm được một thắng lợi tâm-lý để nhằm đưa Thái-tử Sihanouk về thiết-lập cơ-sở của ông. Ngoài ra Cộng quân lại chiếm Saravane ở phía Đông Nam Lào

để mở đường tiếp-vận sang Kampuchea.

Trước những hoạt-động của Cộng-sản người ta có cảm tưởng rằng họ muốn chờ Mỹ rút quân để tấn công mạnh mẽ hơn.

Tuy nhiên bước tiến của phe Cộng-sản đang vướng phải những trở lực khó vượt nổi. Trước hết sự hiện diện của khoảng từ 12 tới 16.000 quân Nam-Việt còn tiếp tục đồn trú trên đất Miên. Ngoài ra tinh-thần chiến đấu của quân đội Miên đã tỏ ra mạnh mẽ một cách bất ngờ đối với Cộng-sản. Sau hết, Thái Lan lại đi sâu thêm trên con đường can-thiệp quân-sự bằng cách gửi oanh-tạc cơ T-28 và sư-đoàn Hắc Báo sang Campuchea. Với sự trợ giúp của Nam Việt và Thái Lan, phe-Cộng sản khó có thể chiếm được Campuchea như họ dự liệu. Hơn nữa tại Lào các giới quân sự đang làm áp lực mạnh để buộc Thủ-tướng Souvanna Phouma phải đi tới một chính sách chống Cộng tính cực hơn. Trục Vọng - Nam Vang - Vọng Các - Saigon sẽ có thể trở thành sự thật trong tương lai và sẽ là một hàng rào cản không nhỏ cho bước tiến của phong trào Cộng sản Á-châu.

TỪ-TRÌ

TIN MỪNG

Được hồng thiếp báo tin anh chị Phạm-Quốc-Đại sẽ làm lễ thành hôn cho :

Cháu J. Baptiste PHẠM- QUỐC-KHÔI cùng Lucie TRẦN-THỊ-PHỤNG và hôn lễ sẽ cử hành tại Nhà thờ Chánh Tòa Tân Định vào lúc 17 giờ ngày 27 tháng 6 năm 1970 (24 tháng 5 năm Canh-Tuất),

Xin trân trọng mừng anh chị Phạm-Quốc-Đại và chúc hai cháu trăm năm hạnh phúc.

Ông Bà NGUYỄN-VĂN-KHÁNH và Ông Bà LÂM-HỮU-DUYỆN

THỜI SỰ KHOA HỌC

Soyuz 9

Soyuz 9 đánh dấu sự trở lại không gian của Nga-sô sau một thời gian ngưng hoạt động khá lâu.

Phi-thuyền được phóng đi ban đêm và lần này được loan báo trước cũng như được sự chứng-kiến của nhiều người trong đó có Neil Armstrong, phi-hành-gia Mỹ đầu tiên đặt chân lên Nguyệt - cầu trong chuyến viếng thăm của ông tại Mạc-tư-Khoa. Soyuz 9 đem theo 2 phi hành-gia Andrian Nicolayev và Rokie Vitaly Sevastyanov. Nicolayev đã từng điều khiển phi thuyền Vostok 3 và là chồng của nữ phi-hành-gia duy nhất trên thế-giới Valentina Tereshkova.

Theo hãng thông-tấn Tass thì Soyuz 9 có nhiệm vụ ráp nối với một phi thuyền khác để thực hiện một trạm không gian đầu tiên trên quỹ-đạo nhưng theo tờ Pravda thì phi-thuyền chỉ có mục-đích thí nghiệm cho các mục-tiêu tương-tự trong tương lai.

Chuyến bay sẽ phá kỷ lục về thời gian các chuyến bay có người lái từ trước tới nay của cả Nga lẫn Mỹ.

Râu và tình dục

Một nhà bác học trẻ tuổi người Anh, trong một lúc nhàn rỗi vừa ngồi mân mê bộ râu quai nón của mình vừa nghĩ đến những chuyện hứng thú không liên quan gì đến khoa-học, bỗng nhận thấy râu ria có một chu-kỳ rất đặc biệt : Một, hai hôm trước ngày đi du dương với bạn gái, ông nhận thấy râu mình mọc nhiều hơn thường lệ. Vị bác học độc thân này còn đủ tự-do để làm nhiều chuyện mà

các bậc lão thành đồng-nghiep khác không làm được nên ông đã không coi đó là một chuyện tình cờ mà đặt thành một vấn-đề nghiên-cứu hẳn hoi.

Ông tự dùng mình làm con vật thí nghiệm. Hàng ngày, với chiếc dao cạo râu bằng điện, ông ta chịu khó cạo láng bóng quai hàm và nhặt từng sợi râu cân đo cẩn thận. Kết quả cuộc thí nghiệm cho nhà bác học biết chu kỳ mọc râu của ông ta như sau : bắt đầu từ ngày thứ Sáu tức 2 ngày trước ngày nghỉ cuối tuần thần tiên, râu ria mọc rất hăng hái — chừng 20% hơn mức bình thường. Sau ngày vui một ngày, tức sang ngày thứ Hai, râu ria mọc về oải yếu xù.

Về phương diện sinh-lý-học, râu là đặc tính phái-phó của đàn ông và sự mọc râu chịu ảnh hưởng của sự hoạt động các chất kích-thích-tổ nam trong người. Một trong các chất kích-thích-tổ này là *Testosterone*, chất được tiết nhiều do dịch-hoàn trong các lần giao-hợp. Theo thí-nghiệm của nhà bác-học vô danh này thì không cần phải là một sự chung đụng cụ-thể chỉ cần có sự hiện diện của người khác phái mà mình ưa thích cũng đủ cho râu mọc nhiều hơn. Đồng hời sự bức dọc, lo nghĩ, rượu, hoặc sự hay cạo cũng có tác dụng như vậy.

Các bà vợ nên coi chừng các đấng phu nhân ít râu !

Lại chuyện tình dục

Cánh đây 4 năm, năm 1966, cuốn sách đầu tiên trình bày một cách tỉ mỉ và rõ ràng về đời sống tình dục của loài người, cuốn « Human Sexual Response » được

coi như một trái bom nổ trong giới Y-học. Tác-giả là bác-sĩ William H. Masters, một nhà chuyên-môn về tính-học và bà Virginia E. Johnson, công-sỹ-viên của ông. Mặc dù sách viết bằng những danh từ chuyên môn rất khó đọc, cho tới nay hơn 300.000 cuốn đã bán sạch. Vấn đề tình dục được trình bày một cách táo bạo chưa bao giờ có, vượt xa cuốn sách cùng loại trước đó của bác sĩ Kinsey. Những động tác làm tình, từ các thế nằm, cách vuốt ve, từng giai-đoạn của một cuộc giao-hợp đã được hai tác-giả và các chuyên viên quay phim, chụp hình và ghi lại bằng các điện-cực.

Rất nhiều cặp trai gái ở nhiều lứa tuổi khác nhau đã tình nguyện làm tình trước cặp mắt của các nhà bác-học, trước máy thu hình, trên mình gài đầy các điện cực. Cuốn sách làm cho tác giả của nó nổi tiếng ngay nhưng ngay từ lúc đầu nó đã gặp một sự công-lịch dữ dội. Dư-luận đã coi Masters và Johnson như một cặp quái thai đầy bệnh hoạn.

Nhưng từ đó tới nay thân chủ của hai vị bác-sĩ này càng ngày càng đông đảo. Họ tới chữa trị tại bệnh-viện St. Louis trong chừng 2 tuần lễ theo các phương-pháp táo bạo và đầy hiệu-quả. Theo bản tường-tình của bệnh-viện này thì hơn 80% bệnh nhân tới đây đều đã được hài lòng, và đây là căn cứ vào kết quả hơn 5 năm sau chứ không phải căn cứ vào kết quả tạm thời sau 2 tuần chữa trị.

Những tài-liệu quý giá trong kinh-nghiệm trị liệu sau hơn 4 năm, Master và Johnson đem trình bày trong cuốn sách thứ 2 của họ vừa mới xuất bản, cuốn « Human Sexual Inadequacy ». Cuốn sách nêu lên một con số đáng đề ý : Gần 50% những cặp vợ chồng bên Mỹ đều có một đời sống tình dục khó khăn, không thỏa mãn. Họ hy vọng sẽ giúp

được cho những người đó một lối giải-quyết thích hợp.

Thiến

Công cuộc cai đẻ coi bộ càng ngày càng vất vả kịch liệt, thuốc viên không xuê, vòng xoắn cũng không xong, bây giờ phải dùng tới biện pháp chót : Thiến. Cơ quan A.V.S. (Association for Voluntary Sterilization) trong một bảng thống-kê cho biết đã có hơn 2 triệu người Mỹ tình nguyện chịu thiến để giải quyết gánh nặng con cái cho gia đình.

Thiến ở đây không có cái ần ý ghê gớm là cắt vứt bỏ cả « cậu chó » đi. Chính vì có sự nhầm lẫn đó nên rất nhiều người không chịu đi thiến tuy rất muốn có một phương pháp ngừa thai hoàn toàn bảo đảm. Ở đàn ông, thủ-thuật thiến rất là giản dị và nhanh chóng. Về phương-diện cơ-thể-học, ống dẫn-tinh của người đàn ông có một phần ở ngoài thành bụng, đó là khúc đầu của ống dẫn tinh lúc nó mới bắt đầu phát sinh từ hai hòn ngọc hành ở trong bao ngọc-hành. Chỉ cần hai vết mổ nhỏ hai bên là người y-sĩ giải phẫu có thể cắt và cột hai ống dẫn-tinh lại một cách dễ dàng. Khách hàng có thể trở về nhà được ngay sau đó, trong vài ngày sau có thể có một vài sự khó chịu, nhưng rồi sẽ qua đi và không có một biến-chứng gì quan trọng. Khả năng tình dục của đương sự không bị giảm sút mà trái lại còn tăng lên vì không còn sợ có con nữa.

Tinh trùng trong ngọc hành sẽ bị tiêu dần và cơ-thể sẽ càng ngày càng sản xuất nó ít hơn và có thể không còn sản

xuất nữa. Vì số tinh trùng còn sót lại trong phần trên của ống dẫn tinh, người ta khuyên nên dùng thêm thuốc ngừa thai ít ra là trong từ 6 đến 12 lần giao hợp kế tiếp sau cuộc giải phẫu. Có một điểm quan trọng trong vấn-đề này là liệu mức-độ khoái cảm có bị giảm sút hay bị tiêu hủy hoàn toàn chăng, khi mà sự xuất tinh không còn xảy ra?

Ở người đàn bà, thủ thuật giải phẫu rắc rối hơn nhiều vì hai ống dẫn trứng đều nằm sâu trong bụng. Trong trường hợp người sản phụ sinh khó phải mổ bụng để lấy đứa con ra, người-y sĩ sẽ nhân dịp đó để cột luôn hai ống dẫn trứng lại. Hoặc trong trường hợp sinh đẻ bình thường, nếu có lời yêu cầu của sản phụ, người y-sĩ sẽ cột ống dẫn trứng qua một vết mổ đại ở bụng dưới. Vết thương sẽ lành cùng một lúc khi người sản phụ có thể rời

khỏi phòng sanh. Sau rày, những kỹ thuật giải-phẫu mới làm cho công việc trên trở nên giản-dị hơn. Một trong những phương pháp hoàn hảo nhất là phương pháp của bác sĩ M. Clyman của Trường Y-khoa Manhattan's Mount Sinai. Ông dùng một dụng cụ đặc biệt có thể giúp ông cột cả hai ống dẫn trứng trong vòng 10 phút đồng hồ qua một vết mổ nhỏ ở trên thành âm đạo. Bệnh nhân có thể rời bệnh viện trong vòng từ 24 đến 48 giờ sau và rời vết thương sẽ không còn để lại dấu vết gì.

Nếu một cặp vợ chồng thật sự không muốn có con nữa thì tốt hơn là để người đàn bà đứng ra chịu đựng cuộc giải phẫu. Người đàn bà như thế quả có bị thiệt thòi, nhưng bà ta sẽ bị thiệt thòi hơn nếu để cho ông chồng bị thiệt, dù bị thiệt dưới hình thức nào.

TỬ-DIỆP

THỜI SỰ VĂN-NGHỆ

Mong được ra tòa

Tờ báo "chính nghĩa nhân dân" (*La Cause du peuple*) của tả phái vô sản Pháp có 2 vị Chủ-nhiệm đều bị lần lượt vô khám cả. Nhà văn Jean Paul Sartre bèn nhảy vào thay thế, tuyên bố là vẫn giữ đường lối cũ và tố cáo chính phủ Pháp đã cố tình giết tờ báo bằng cách tịch thu liên tiếp và đã xuyên tạc tờ báo là bài vở sách động khung bố... Ông đồng tình với sự bạo động của quần chúng vì nó mang tính chất cách mạng và nếu chính quyền đưa ông ra tòa thì sẽ là một vụ án chính trị.

Tuần vừa qua cả J. P. Sartre và Simone de Beauvoir cùng 18 thanh niên

nữa đều bị cảnh sát bắt giữ vì đã bán tờ báo trên đây, nhưng sau đó tất cả mọi người lại được trả tự do. Thành ra vụ án chính-trị mà triết-gia hiện-sinh chờ đợi vẫn chưa đến.

Người cày

Phái-đoàn Văn-bút Việt-nam năm nay đi dự 2 hội-nghị quốc-tế ở Đài-Bắc (từ 14/6 đến 20/6) và ở Hán-Thành (từ 27/6 đến 4/7) đông đảo hơn mọi năm gấp mấy lần: 15 người gồm 13 ông và 2 bà. Trưởng và phó phái đoàn vẫn là các ông Trường phó quen thuộc: Phạm Việt Tuyền và Nghiêm Xuân Việt. Nhân viên phái đoàn gồm các bà Nguyễn thị Hoàng

Xuân Nhã và các ông Bùi xuân Uyên, Huy Lục, Võ Phiến, Trần dạ Từ, Trần bích Lan, Đỗ quý Toàn, Anh Tuyển, Trần đình Vọng, Lê văn Hoàn, Lương minh Đức, Dương đình Khuê.

Đáng lẽ phái đoàn Bút Việt năm nay có tất cả 3 cặp vợ chồng Bùi xuân Uyên, Trần dạ Từ và Nguyễn Ngũ Í... nhưng rồi sau không rõ vì sao vợ chồng Ngũ Í ở lại và Nhã Ca cũng để Trần dạ Từ đi một mình, nên nhà văn Bùi xuân Uyên

nói rằng : Chỉ còn mình tôi là « người cây có ruộng ». Các người cây văn bút khác bèn sang tìm ruộng ở Đài Loan, Đại-hàn, Nhật-bồn (vì có ghé hội chợ Osaka 1 tuần) và Hương-Cảng vậy.

Đề tài thảo-luận ở Đài-Bắc là : « Những vấn đề đặt ra cho nhà văn Á-châu » và ở Hán-Thành là : « Văn hài hước Đông Tây ».

THU-THỦY

SÁCH THIẾU NHI

Tạp chí Bách khoa đã nhận được của nhà xuất bản Vĩ Trĩ, các sách thiếu-nhi mới được phát hành sau đây :

— **Tướng quân nhai sỏi** truyện đã sử của Bà Minh Quân.

— **Dưới đáy biển** truyện khoa học giả tưởng do Minh-Trí phỏng theo Jules Vernes.

— **Máu nhuộm Bạch Đằng** truyện đã sử của Lê Thành Phát.

Mỗi cuốn đều dày 32 trang, in chữ lớn, gồm những truyện lôi cuốn và lành mạnh, hợp với thiếu nhi. Giá 15đ.

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

— **Thơ tình của một thi sĩ Việt-Nam trên đất Mỹ** tập thơ của Phương Tấn do người trẻ Việt-Nam xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 74 trang gồm 17 bài thơ. Giá 120 đ.

— **Nối tay đặc san Đại-học Văn-khoa Huế** (3-70) gồm những bài biên-khảo về Mỹ châu La tinh và Người da đen Mỹ châu, những truyện ngắn và thơ do Ban đại diện sinh viên Luật-khoa Huế chủ trương và Khối báo chí thực hiện khổ 20x25, in ronéo, dày 72 trang.

SẼ PHÁT HÀNH TRONG THÁNG 7 — 1970

TẠ TỶ viết về 10 Khuôn Mặt Văn Nghệ

Lăng Nhân — Nguyễn Tuân — Vũ Bằng — Vũ Hoàng Chương — Nguyễn Bính — Đình Hùng — Văn Cao — Sơn Nam — Mai Thảo — Nguyên Sa.

Loại sách quý, biên soạn công phu, trình bày và ấn loát thật mỹ thuật. Tác giả hoạt họa với thủ bút của mỗi văn nhân, thi sĩ.

Sách Cadao mới phát hành :

- **THI CA TƯ TƯỞNG** lúc **ĐI VÀO CÔI THƠ**
cuốn 2 của Bùi Giáng, **120đ.**
- **CA KHÚC CỦA QUÁN CÀ PHÊ BUỒN**
của Carson Mc Cullers, **160đ.**
- **THẾ GIỚI TÍNH DỤC** của Henry Miller, **150đ.**
- **MẶT TRỜI VÀ DÒNG SÔNG** thơ Phạm Nhuận
mẫu bìa của Đinh Cường, 2 phụ bản màu của Tôn Thất Văn,
in toàn trên giấy quý Croquis, **200đ.**
- **TRÍ NHỚ HOANG VU VÀ KHÔI**
tập truyện của Hoài-Khanh
- **GIÓ BẮC, TRẺ NHỎ ĐÓA HỒNG VÀ ĐẾ**
thơ Hoài-Khanh, bìa và phụ bản Đinh-Cường

Bắt đầu từ số này Giá : báo mỗi số **50đ**

Giá Công sở gấp đôi : mỗi số **100đ.**

GIA BÁO DÀI HẠN

SÁU THÁNG 550đ

MỘT NĂM 1050đ

Cao nguyên và Miền Trung, thêm cước phí máy bay
50 đồng một năm.

Ngoại quốc đường thủy thêm cước phí 80đ,
một năm,

Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ô. Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng
Saigon, hoặc Tạp chí Bách-Khoa Thời Đại trưng mục 54-262 Tổng Ngân khố
Việt-Nam.

Bưu chi phiếu xin chuyển cho Tạp chí Bách Khoa Thời Đại 160 Phan đình
Phùng Saigon Trưng mục 27-46 Trung khu Saigon.

SÁCH BÁCH MỚI

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

— **Một mùa tóc mộ** tập thơ thứ hai của Huy Tường, do tác giả ấn hành và gửi tặng. Sách dày trên 80 trang với trên 60 bài thơ chia làm 3 phần :

Cơn đau của Mặt trăng; Cười bông hoa rất nhỏ; Riêng trời hư vọng. Bản đặc biệt.

— **Cho một giọng sông** tập thơ của Tố Diễm Trần văn Mỹ, do Mỹ Khê xuất bản và tác giả gửi tặng. Tập thơ đầu tay do tác giả tự lực xuất bản dày 84 trang gồm 40 bài thơ. Giá 120đ.

— **Dòng sông trước mặt** tuyển tập của những người lính mũ xanh, gồm 10 truyện của 5 tác giả đều là quân nhân trong binh chủng Thủy-quân lục chiến : Song-Linh, Huỳnh văn Phú, Định-Nguyên Phạm văn Bình, Trần ngọc Toàn, trong đó Định Nguyên là một cây bút quen thuộc của bạn đọc Bách-Khoa. Sách dày 120 trang. Giá 120đ

— **Trên nhánh sông mưa**, tập thơ thứ 4 của Trần Thị Tuyết Mai do Sáng Tạo xuất bản và gửi tặng. Sách dày 80 trang gồm 35 bài thơ mới nhất của tác giả, trình bày trang nhã, tranh bìa của Ngọc Dũng. Bản đặc biệt. Giá : 60đ.

— **Thơ của người giang hồ** tập thơ của Nguyễn Đông Giang do Da vàng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 58 trang gồm 24 bài thơ. Bản đặc biệt Giá 120đ.

— **Guide pratique en 16 langues** của Nguyễn Qui Nhơn do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 48 trang gồm những mẫu đàm-thoại bằng Anh, Pháp, Tây ban Nha, Ý, Đức ngữ v.v. . (16 ngoại-ngữ).

HỌP THƯ

Tạp chí Bách-Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây :

Kính-Vỹ; Trần-Hoài-Thư; Ý-Yên; Khế-lêm; Vũ-Di; Đinh-Xuân-Phương; Lâm-Hảo Dũng; Nguyễn-Đông-Giang; Nguyễn-Việt-Duật; Lam-Điền Nguyễn-Thử; Hoàng-Trần; Nguyễn-Nguyên-Như; Phương-Anh; M Giảng-Bình; Lý-Trần; Lữ-Tùng-Anh; Đơn-Hành; Đông-Vinh; Dương-Linh; Nguyễn-Quang-Bằng; Phụng-Tiết; Nguyễn-Sa-Mạc; Phạm-Ngọc Thương-Anh; Lê-Tường-Dũng; Thủy-Triều; Tổ-Lữ; Cao-Quảng-Văn; Lê-Cung-Tường; Trần-văn Duận; Mang-Viên-Long; Hoàng-Ngọc-Châu; Thị-độ-Op ; Phạm - Thanh - Chương; Nguyễn-Định-Quán; Thiên-Vi; Nguyễn-Quốc-Dũng; Lê-Từ-Nương; Mật-Thiết; Biên-Thùy; Trương-Thị; Vương-Phù-Du, Nguyễn-Như-Mây; Hàn-Ôn-Nhiệt; Hoàng-Đình Huy-Quan; Hăng-Hà; Bạch-Du; Đỗ-Quang; Nguyễn-Tăng-Liên; Lê-văn-Thiện; Tôn-Nữ Thanh-Thủy.

Xin trân trọng cảm ơn quý-bạn. Những bài nào đăng được chúng tôi sẽ trả lời bằng thư riêng hoặc nhắn tin trên 2 số báo tới đây.

— **Nhắn tin** : Muốn được liên lạc đề trao đổi và tìm hiểu với những người chơi tiền cổ (Trung Hoa, Việt-Nam, Nhật-Bản...). Xin viết thư cho : Tạp Chí Đại Trường KBC 32.66.

Thư ký Tòa soạn : TÔN-THẮT-HÀM
Quản lý : NGHIÊM-NGỌC-HUÂN
NGUYỄN-HUY-NHÂN

MỤC - LỤC THEO BỘ MÔN CỦA BÁCH - KHOA

từ số 313-14 đến số 324, từ tháng 1 đến tháng 6 năm 1970 (*)

Sự sắp xếp theo bộ-môn dưới đây chỉ có tính cách hướng dẫn, giúp bạn đọc dễ tra cứu bởi vậy nếu có những sai lầm trong sự phân loại, cũng mong bạn đọc lượng thứ cho

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
BIÊN-KHẢO NGHỊ LUẬN				
<u>CHÍNH TRỊ</u>				
1	Tàu và Đông Nam Á	Phạm Việt Châu	315	13
—	— id —	— id —	317	05
2	Quốc hội sau 3 năm lập pháp	Nguyễn Văn Hồng	317	41
3	Ảnh hưởng của chiến tranh V.N. đối với nền kinh tế Hoa-kỳ và V.N.	Trần Lương Ngọc	318	05
4	Tiếp-khắc xúr của một mùa xuân chưa tròn	Thảo Nguyên	316	17
5	Một vài nhận xét và kỷ niệm về Norodom Sihanouk	Phạm Trọng Nhân	319	12
—	— id —	— id —	320	11
6	Thời cuộc VN một năm qua thơ Tú Kếu	Kiều Phong	313-14	46
7	Nhật bản trên con đường phát triển	Việt Phương	315	33
8	Phong trào tranh đấu của thanh niên Mỹ và đường lối ngoại giao của Hoa-kỳ	— id —	322	09
9	Các quốc gia không liên kết và các đại cường	— id —	324	09

(*) B.K.T.Đ. số 313-14 (15-1-1970)

(01-2-1970)

B.K.T.Đ. số 315 (15-2-1970)

B.K.T.Đ. số 316 (01-3-1970)

B.K.T.Đ. số 317 (15-3-1970)

B.K.T.Đ. số 318 (01-4-1970)

B.K.T.Đ. số 319

(15-4-1970)

B.K.T.Đ. số 320

(01-5-1970)

B.K.T.Đ. số 321

(15-5-1970)

B.K.T.Đ. số 322

(01-6-1970)

B.K.T.Đ. số 323

(15-6-1970)

B.K.T.Đ. số 324

(01-7-1970)

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
10	Một năm chuẩn bị tương-lai	Từ Tri	313-14	10
11	1960 - 1970 mười năm biến chuyển quốc-tế	— id —	315	05
12	Đảo chánh tại Cam-bốt	id —	319	05
13	Phong trào Cộng-sản Á-châu trong 25 năm qua	— id —	320	05
14	Cuộc đời và chủ nghĩa Lénine	— id —	321	08
15	Quyết định can thiệp tại Cam- bốt của Ô. Nixon và những xáo trộn trong xã hội Hoa-kỳ	— id —	323	09
16	Nghĩ về phong trào sinh viên	Nguyễn văn Trung	321	05
—	— id —	— id —	323	45
GIÁO-DỤC				
1	Một nền giáo dục lưỡng diện	Kim Định	322	15
2	Chân dung nhà giáo	Huỳnh Phan	324	23
3	Những tệ đoan thi cử	Nguyễn văn Quan	321	17
4	Trẻ em ta học đọc thế nào ?	Đoàn Nhật Tấn	317	29
5	Những kinh nghiệm cổ truyền và vấn đề giáo dục sinh lý	— id —	323	23
—	— id —	— id —	324	19
6	Bàn chuyện giáo dục	Tạ-Chí Đại-Trường	319	43
KHOA-HỌC				
1	Apollo 13 : một thất bại vinh quang	Tử Diệp	320	77
2	Toán số với càn khôn	Cung Giũ Nguyên	316	13
—	— id —	— id —	318	31
—	— id —	— id —	319	31
—	— id —	— id —	320	34
—	— id —	— id —	321	11
—	— id —	— id —	322	47

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
3	Hạn chế sinh sản	Nguyễn-thị Ngọc-Thắm	319	27
4	Dạy con từ trong lòng mẹ	— id —	324	39
5	Kỹ-thuật kiến-trúc mới lạ	Chu-Minh-Thụy	315	43
6	Không có tuổi già	Thiện-Ý	313-314	56
7	Nobel Khoa-học 1969	Võ-Quang-Yến	316	33
8	Cuộc cộng sinh giữa thú vật và cây cỏ	— id —	320	29
9	Siêu-thủy hay nước bất thường	— id —	321	31
<u>KINH - TẾ</u>				
1	Kinh-tế Việt-Nam trong năm qua	Trần-lương-Ngọc	313-314	15
2	Ảnh hưởng của chiến tranh VN đối với nền kinh-tế Hoa-kỳ và V.N.	— id —	318	5
<u>NGHỆ-THUẬT</u>				
1	« Cúi mặt » từ truyện đến phim	Thế-Nhân	321	35
<u>NẾP SỐNG NƯỚC NGƯỜI</u>				
1	Las-Vegas đỏ đen	Linh-Bảo	316	39
—	— id —	— id —	317	47
<u>PHONG-TỤC</u>				
1	Luyến-ái-tính trong một số cổ tục V.N.	Toan-Ánh	313-14	33
—	— id —	— id —	315	25
2	Ấn-tượng về nước Đức	Nguyễn Khánh Hòa	318	17
3	Những tục thờ cúng đặc biệt của ngư phủ tỉnh Khánh-Hòa	Lê-Quang-Nghiêm	322	37
—	— id —	— id —	323	29
<u>SỬ ĐỊA</u>				
1	Vài nghi-vấn về hội-nghị Diên- Hồng	Hồ Dã-Tương	317	37
2	Ấn-tượng về nước Đức	Nguyễn-Khánh-Hòa	318	17

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập chí	Trang
3	Bang giao Miên - Việt theo sử- liệu Cao-miên — id —	Lê-Hương — id —	321 322	23 21
	<u>TIỂU SỬ - DANH NHÂN</u>			
1	Bertrand Russel (1872-1970)	Việt-Phương	316	29
2	« Hồn Đại - Việt giọng Hàn- Thuyên »	Nguyễn-Hiến-Lê	317	15
3	Một vài nhận xét và kỷ-niệm về N. Sihanouk	Phạm-Trọng-Nhân	319	12
—	— id —	— id —	320	11
	<u>TRIẾT</u>			
1	Một cái nhìn Đông-phương về vấn đề tính dục.	Hoàng-sỹ-Quý	315	19
—	Tính dục với đời sống tu hành	— id —	316	23
—	— id —	— id —	317	23
—	Hôn nhân với tu sĩ Ky-tô-giáo	— id —	318	21
—	Hôn nhân với tu sĩ Ấn-giáo và Phật-giáo	— id —	319	19
	<u>XÃ - HỘI</u>			
1	Đàn bà nổi loạn	Bảo-Châu	320	23
2	Hạn chế sinh-sản, vấn đề muôn thuở của nhân loại	Nguyễn-thị-Ngọc-Thắm	319	27
3	Nghĩ về phong trào sinh viên	Nguyễn-văn-Trung	321	5
—	— id —	— id —	323	45
	<u>VĂN-HỌC, VĂN-HÓA</u>			
1	Hiện tình sinh hoạt và nhận định về một vài hiện tượng văn nghệ của văn giới Miền Trung	Bùi-kim-Đĩnh	313-14	61
2	Nghĩ về một số hiện tượng trong sinh hoạt văn nghệ hiện nay	Vũ - Hạnh	319	50
—	— id —	— id —	320	41

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
3	Một hiện tượng lạ : Sáu tầng mây biếc của Phan-Đào	Vũ-Hạnh	323	77
4	Vài nhận xét về loại truyện dị thường của Tây - phương và Việt-Nam	Dương-Đình-Khuê	322	29
	— id —	— id —	323	15
5	Văn-chương hạ giới rẻ như bèo	Nguyễn-Hiến-Lê	313-14	19
6	Nửa thế kỷ chánh tả việt-ngữ	— id —	316	05
7	Hồn Đại-việt giọng Hàn thuyên	— id —	317	15
8	Đặc tính của Thơ Trung Hoa (dịch Lâm Ngữ Đường)	— id —	324	31
9	Ngành xuất bản báo nguy	Ngô-Bá-Lí	323	81
10	Chữ húy	Cung-Giữ-Nguyên	323	39
11	Ghi nhận một vài biến chuyển trong sinh hoạt văn học 1969	Thế-Nguyên	313-14	43
12	Giải văn học nghệ thuật 1967-69	Thế-Nhân Kinh-Thiên	313-14	140
13	« Cúi mặt » từ truyện đến phim	Thế-Nhân	321	35
14	Sự cảm thông Mỹ-Việt về thi ca	Vũ Tiến Phúc	318	09
<u>LINH TINH</u>				
1	Chính quyền và báo chí tại các nước chậm tiến	Trần-Đại	318	35

VĂN - NGHỆ

ĐÀM THOẠI - PHỎNG VẤN

1	Phỏng vấn G. s. Nguyễn-văn- Trung và phong trào sinh viên tranh đấu	Bách Khoa	321	09
—	— id —	— id —	323	45
2	Đàm thoại với một số nhà văn ở Đà-nẵng về văn nghệ Miền Trung	Bùi kim Đình	313-14	61

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập chí	Trang
3	Đàm thoại với Bùi Đăng và Đỗ Tiến Đức về truyện và phim « Cúi Mặt »	Thế-Nhân	321	35
	<u>ĐOÀN VĂN — TÙY BÚT</u>			
	Vui buồn đầu năm	Võ Phiến	313-14	05
	<u>HỒI-KY</u>			
1	Cọp cái ba con	Huỳnh văn Lang	321	41
	— id —	— id —	322	61
2	Một người Việt đi thăm Tiệp-khắc	Thảo Nguyên	316	17
	Nửa gánh tang bồng	Cung Giũ Nguyên	113-14	25
3	<u>TRUYỆN DỊCH</u>			
1	Đôi mắt	C. Malaparte Mình Quân (dịch)	324	50
	<u>TRUYỆN NGẮN</u>			
1	Tiếng sơn ca	Hồ trường An	318	55
2	Thơm lửa nguyện cầu	Trần Huiễn Ân	317	65
3	Như pho tượng chống trời	— id —	323	59
4	Trên đỉnh xuân buồn	Phạm-văn-Bình	313-14	115
5	Tiếng cười trong đêm	Trùng-Dương	317	57
6	Chàng Việt-Nam	— id —	322	51
7	Tô cháo lòng	Vũ-Hạnh	323	67
—	— id —	— id —	324	61
8	Những bước chân êm đềm	Võ-Hồng	313-14	89
9	Thầy pháp bị « sa đạo »	Lê-Hương	315	47
10	Tình đất	Khánh-Linh	318	51
11	Một cõi đời riêng	Định-Nguyên	319	58
12	Yến	Huỳnh-Phan	320	62
13	Những vì sao trong vườn khuya	Đào-Trường-Phúc	320	49
14	Mùa xuân hư vô	Lữ Quỳnh	316	51
15	Còn mùa xuân nào	Lê-Tâm	313-14	121

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
16	Trong hầm	Lê-Tâm	318	45
17	Dưới cát	— id —	321	53
18	Tiếng hát nhân ngư	Trần-Kim-Thạch	319	64
19	Thực sự hôm nay	Phạm-công-Thiện	316	61
20	Không nguôi	Nhật Tiến	313-14	111
21	Cây Mai	Minh-Đức Hoài-Trình	313-14	97
—	— id —	— id —	316	45
22	Mùa xuân cuối cùng	Hoàng-ngọc-Tuấn	313-14	75
—	— id —	— id —	315	59
23	Sợi nắng cuối năm	Từ-Kế-Tường	313-14	103
<u>IHO</u>				
1	Mùa xuân ở Mỹ-Dung	Trần-Huyền-Ân	313-14	128
2	Bước ngựa	— id —	316	57
3	Xuân ơi	Hoàng-ngọc-Châu	313-14	129
4	Tình quê	— id —	316	60
5	Chiều quan ải	— id —	318	68
6	Gởi người tình phụ	— id —	323	70
7	Xúc động cuối năm — Chút duyên hàn mặc	ũ-Hoàng-Chương	315	69
8	Cỏ mọc	Bùi-Giáng	321	60
9	Hẹn ề — Mắt xưa — Mưa	Uyên-Hà	317	71
10	Khai hội hoàng hoa	Đông-Hồ	313-14	70
11	Giọt nước mắt cho mùa xuân	Phạm-cao-Hoàng	313-14	130
12	Những con đường theo biển	— id —	324	58
13	Từ một mùa xuân	Hoàng-Lộc	313-14	126
14	Đầu năm cho tình yêu	— id —	316	58
15	Ngày phép cuối ở Hội-An	— id —	320	61
16	Xuân tha phương — Xuân nhớ	Trần-Dạ-Lữ	313-14	73
17	Nẻo xuân xa	Tuệ Mai	313-14	73
18	Nỗi buồn	Định-Nguyên	318	69
19	Bên này sông	Phạm - Nhuận	322	70
20	Nguyện cầu cho thế kỷ 20	Thị-Độ Opt	321	61
21	Quên	Định-xuân-Phương	323	69
22	Lời xin lỗi trước mùa xuân	Lữ-Quỳnh	315	56
23	Tình ca cuối	Phương-Hoa-Sử	318	67
24	Tình cảm	— id —	320	60

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
25	Tình khúc thứ nhứt	Quang-Ngọc	324	59
26	Tình xuân	Hạ-đình-Thao	315	55
27	Chút tình thân ái	Trần-hoài-Thư	316	59
28	Lay nhẹ	Thu-Trang	321	60
29	Họa bài thơ Xuân của « Bùi-Khánh-Đản »	Mộng-Trung	313-14	72
30	Con đường ngày cuối năm	Lê-văn-Trung	313-14	127
31	Bên trời cổ xứ — Dạ sầu ngâm	— id —	323	68
32	Xuân hành ; Trên đường hoa mai	Đặng-Tấn-Tới	313-14	129
33	Trẻ nhỏ	Từ-Kế-Tường	313-14	71
34	Uống rượu một mình	Ỡ - Yên	316	55
35	Tim về địa đàng	— id —	321	61

SINH - HOẠT

1	Những cây bút quen thuộc đã vẳng bóng trên Bách Khoa	Bách-Khoa	313-14	151
2	Nhân thăm Nông trại Nữ của Dưỡng trí viện Biên-Hòa	Ngê-bá-Lí	316	75
3	15 năm - Ngành xuất bản báo nguy	— id —	323	81
4	Đại-học Y-khoa Huế và y lý Đông-phương	Thế-Nhân	316	79
5	Ô. Trần-thúc-Linh nhận xét về qui chế báo-chí	— di —	316	80
7	Thời sự thế-giới (các số : 313-14 315, 316, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 324)	Từ-Trì	313-14 đến 324	
8	Thời sự văn nghệ (các số : 313-14 315, 316, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 324)	Tràng-Thiên Thu-Thủy	313-14 đến 324	
9	Thời sự khoa học (các số : 315, 316, 317, 318, 319, 321, 322, 323, 324)	Tử-Diệp	313 đến 324	

Trong Gia-đình êm - ấm
Hay trên đường xa
khát mệt



Chỉ có



NUỐC-NGỌT "CON-CỌP"

Chai **HÒA TIỀN!**

CAPSTAN

MEDIUM

